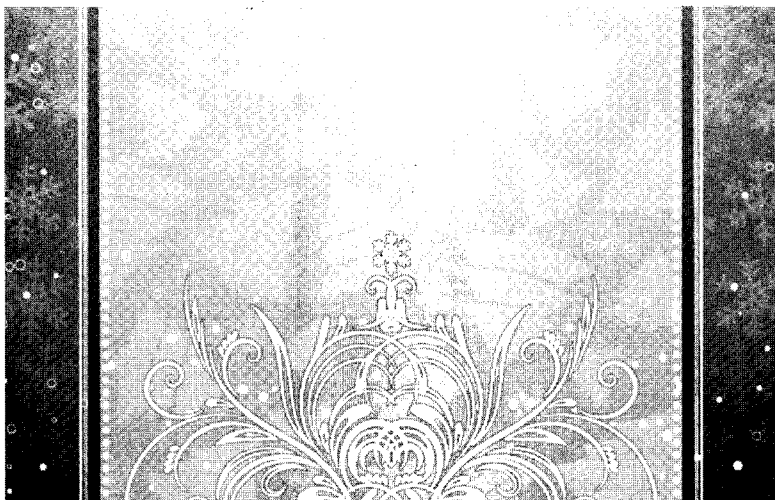




LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 61



Phẩm Thứ Ba Mười Chín



Tùy Hỷ

KINH:

Lúc bảy giờ, ngài Bồ tát Di Lạc nói với ngài Tu Bồ Đề: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Bồ tát dụng vô sở đắc mà tùy hỷ phước đức, cùng với hết thảy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu đem so sánh với sự tùy hỷ phước đức của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật thì sự tùy hỷ và phước đức của Bồ tát là tối thắng, là tối diệu, là vô đẳng đẳng.

Vì sao?

Vì hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, cùng các chúng sanh cũng có tùy hỷ phước đức bố thí, trì giới, thiền định v.v..., nhưng sự tùy hỷ đó chỉ nhằm để tự điều, tự tịnh, tự độ. Do vậy mà hành trì 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, hành trì các tam muội “không, vô tướng và vô tác”.

Còn Bồ Tát tùy hỷ công đức là vì Vô Thượng Bồ Đề; đem công đức này để điều phục hết thảy chúng sanh, thanh tịnh hết thảy chúng sanh, cứu độ hết thảy chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Bạch Đại Sĩ! Chư vị đại Bồ tát thường niệm chư Phật khắp 10 phương, trong vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thế giới, trong vô lượng vô biên A-tăng-kỳ Phật quốc, từ sơ phát tâm đến khi nhập Vô Du Niết bàn... dẫn đến thời kỳ pháp tận. Trong khoảng giữa đó có vô lượng vô biên người tu thiện hạnh; có hàng Thanh

Văn tu 6 pháp Ba-la-mật; có hàng Hữu học và hàng vô học tu các vô lậu thiện căn; lại có chư Phật thuyết giới chúng, định chúng, huệ chúng, giải thoát chúng, giải thoát tri kiến chúng, Nhất thiết chủng trí, đại từ, đại bi, cùng vô lượng Phật pháp khác. Từ các Phật pháp này, có vô lượng chúng sanh được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật, nhập Bồ Tát vị; lại có vô lượng chúng sanh khác gieo trồng được các thiện căn.

Nếu hòa hợp được hết thấy các công đức đó, rồi tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, thì mới thật là tùy hỷ tối thượng, tùy hỷ tối diệu, tùy hỷ vô đẳng đẳng vậy.

Bạch Đại Sĩ! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào hành Bồ tát đạo, hồi hướng công đức về Vô Thượng Bồ Đề, mà còn nghĩ rằng ta có tâm hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, còn chấp tướng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Ý Ngài nghĩ sao? Tưởng niệm như vậy có được chăng?

Ngài Di Lặc đáp: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Nếu thiện nam, thiện nữ hành Bồ tát đạo, hồi hướng công đức về Vô Thượng Bồ Đề, mà còn chấp tâm hồi hướng là còn có tâm duyên sự, nên chẳng đạt đến chỗ “như niệm” được.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Bạch Đại Sĩ! Các duyên, các sự đều là vô sở hữu. Nếu hành Bồ tát đạo, mà còn chấp tâm, chấp tướng thì chẳng sao đạt đến chỗ “như niệm” được.

Người hành Bồ tát đạo phải hòa hợp hết thấy các thiện căn của 10 phương chư Phật, từ sơ phát tâm... dẫn đến thời kỳ pháp tận, các thiện căn của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, các thiện căn của hàng hữu học và vô học. Bồ tát hòa hợp như vậy rồi, lại đem hết thấy các thiện căn công đức đó để tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Tùy hỷ hồi hướng như vậy mà chẳng có chấp tâm

hồi hướng, chẳng có chấp tướng hồi hướng, thì mới thật là chẳng có điên đảo.

Vì sao? Vì nếu vô thường mà tướng là thường, khổ mà tướng là lạc, vô ngã mà tướng là ngã, bất tịnh mà tướng là tịnh..., thì gọi là tướng điên đảo. Tướng điên đảo sẽ dẫn đến tâm điên đảo, kiến điên đảo.

Với tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo như vậy, thì duyên hồi hướng, sự hồi hướng... dẫn đến tâm hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề cũng đều là điên đảo. Tất cả 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến bất cộng pháp cũng đều là như vậy.

Nếu đã như vậy, thì có gì đâu để gọi là “duyên”, để gọi là “sự”, để gọi là “thiện căn”... dẫn đến có gì đâu để gọi là “tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề” nữa.

LUẬN:

Trước đây, Phật đã dạy ngài Tu Bồ Đề thuyết về Bát nhã Ba-la-mật, và ngài Thích Đề Hoàn Nhơn cũng đã có hỏi nhiều, nói nhiều về các công đức sự.

Nay ở phần này, ngài Di Lạc muốn tùy thuận bổ sung thêm, nên đã nhờ ngài Tu Bồ Đề giải rộng thêm về sự tùy hỷ công đức đúng theo chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, vị Đế Thích cũng như chu Thiên, sau khi nghe tán thán công đức cúng dường Bát nhã Ba-la-mật, liền đem hương hoa, tràng phan, bảo cái... để cúng dường, tự lấy làm hoan hỷ là đã cúng dường Bát nhã Ba-la-mật bằng những vật quý ở cõi Trời, mà hàng xuất gia chẳng sao có thể có được. Ngài Di Lạc biết rõ tâm niệm của vị Đế Thích và của chư thiên như vậy, lại muốn phá sự chấp tướng bỏ thí đó, nên ngài đã nói với ngài Tu Bồ Đề rằng: Bồ tát chỉ dụng tâm

6 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

tùy hỷ là đã thù thắng hơn các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật và hết thấy chúng sanh rồi. Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật dù bố thí vô lậu công đức cũng chẳng sao sánh kịp, huống nữa chư thiên đem hương hoa, tràng phan, bảo cái... cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì Bồ tát tùy hỷ công đức chỉ dùng các lực phương tiện trí huệ làm công đức, mà chẳng dùng thân nghiệp và khẩu nghiệp làm công đức vậy.

Bồ tát, khi thấy người tu phước, liền tùy thuận hoan hỷ, và tự niệm rằng: Tu phước đối với chúng sanh là phương tiện hành đạo rất thù thắng. Nếu chẳng có tu các phước đức sự, thì người và các loài súc sanh đều đồng nhau ở nơi dâm dục, ăn uống và đấu tranh. Ở thế gian, những người hành chánh đạo và những người tu phước được mọi người thương mến, tôn trọng.

Ví như vào những đêm trăng sáng, mát mẻ, mọi người đều cảm thấy dễ chịu, khoái khoái. Cũng như vậy, người tu phước tự cảm thấy hoan hỷ, khinh an.

-o0o-

Nên biết có 2 loại phước đức. Đó là:

-Phước đức thế gian.

-Phước đức xuất thế gian

Các pháp vô lậu xuất thế gian, tuy chẳng hiện “phước tướng”, nhưng lại thường dẫn sanh các phước đức. Do vậy mà trong kinh nói đến phước đức hữu lậu và phước đức vô lậu.

Lại cũng nên biết thật hành đầy đủ phước đức, cũng là bản nguyện của Bồ tát. Hết thấy các bậc Thánh đều tán thán

và kính ngưỡng người hành đầy đủ các phước đức, chỉ có kẻ vô trí mới chê bai, khinh dễ mà thôi.

Các bậc đại trí đã viên ly các hành xứ, nên được phước đức thù thắng, vô lượng. Do vậy mà các ngài mới tùy duyên ứng hiện, hoặc làm Chuyển Luân Thánh Vương, hoặc làm Thiên Vương, hoặc làm A-la-hán, Bích Chi Phật... để hóa độ chúng sanh.

Lại nữa, chư Phật đã đầy đủ đại từ, đại bi, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, Nhất thiết chủng trí, đã được tự tại, vô ngại... Tất cả đều từ phước đức sanh ra cả.

Như vậy, nếu có được đầy đủ phước đức là có đầy đủ chính kiến; và có đầy đủ chánh kiến rồi, mới sanh tâm tùy hỷ.

Bồ tát tùy hỷ phước đức, tự niệm rằng: Ta phải ban vui cho hết thấy chúng sanh; khi thấy chúng sanh hành phước đức, ta phải sanh tâm tùy hỷ, khi thấy chúng sanh hành các thiện pháp, ta phải xem chúng sanh đó đồng sự với ta, tương tợ như ta, là pháp hữu của ta. Do vậy mà ta phải sanh tâm hoan hỷ.

Lại nữa, cũng nên biết chư Phật, chư Bồ tát, chư Văn Thanh cùng các chúng sanh hành các thiện pháp như bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định... đều dẫn xuất từ phước đức cả.

Bồ tát tùy hỷ các phước đức như vậy, rồi đem công đức tùy hỷ đó, để cùng với hết thấy chúng sanh, đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng trú, chẳng đắc.

Lại nữa, Bồ tát, vì hết thấy chúng sanh, bố thí hết thấy các quả phước báo, nên được vô lượng phước đức, được cúng dường đầy đủ. Tuy được cúng dường đầy đủ như vậy, mà Bồ tát lại chẳng sanh tâm chấp đắm. Bồ tát dùng các tài vật cúng dường để làm các việc lợi ích cho chúng sanh.

8 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Bồ tát, vì chúng sanh, thuyết pháp, khiến họ tu tập được 10 thiện căn, 4 thiền, 4 vô lượng tâm v.v..., khiến họ được lợi ích ở đời này và cả ở đời sau, và dần dần vào được Phật đạo. Bồ tát dùng các phước đức để thanh tịnh các nghiệp “thân, khẩu”, nên được đầu đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, vô lượng quang minh, khiến chúng sanh nhìn thấy chẳng có nhầm chán.

Lại nữa, Bồ tát có vô lượng “phạm âm” hoà nhã, thanh tịnh, và ở trong Phật pháp thường được vô ngại giải thoát.

Bồ tát thị hiện 3 pháp sự. Đó là:

- Độ vô lượng chúng sanh.
- Thị hiện nhập Niết bàn.
- Lưu bố xá lợi lại ở thế gian, sau khi nhập Niết bàn.

Bồ tát đem tất cả các phước đức, để cùng với hết thảy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, nhằm gieo trồng căn lành nơi chúng sanh, dẫn dắt họ vào Phật đạo.

Bởi nhân duyên vậy, nên từ sơ phát tâm... dẫn đến khi thành đạo, Phật đã thành tựu vô lượng phước đức, và đã cùng với hết thảy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Phật tùy hỷ hồi hướng như vậy với tâm bất động, vô sở sắc. Thế nhưng, Phật vẫn thường tùy thuận tâm chúng sanh, dùng các lực phương tiện hành các thiện pháp, làm lợi ích cho chúng sanh.

-o0o-

Như trước đây đã nói: Nếu đem so sánh các phước đức bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định v.v... của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì sự tùy hỷ phước đức của

Bồ tát thù thắng hơn rất nhiều. Vì sao? Vì hàng Nhị thừa hành các phước đức sự, chỉ nhằm để tự điều, tự tịnh và tự độ.

Ví như:

- Trì giới là tự điều; tu thiền định là tự tịnh; tu trí huệ là tự độ.

- Hành chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng là tự điều, hành chánh nghiệp, chánh định là tự tịnh.

- Do nhân duyên bố thí, mà tự điều, do nhân duyên trì giới, mà tự tịnh, do nhân duyên tu thiền định, mà tự độ.

Nên biết rằng tu 37 Phẩm Trợ Đạo, 3 giải thoát môn, tu bố thí, trì giới... dẫn đến thiền định dẫn đường vào vô lậu pháp, nhưng các pháp môn tu đó vẫn còn xa vô lậu pháp.

Vì còn xa vô lậu pháp, nên hành giả chưa có thể liễu thông được sự tùy hỷ phước đức của Bồ tát.

Bồ tát dù chẳng hao công, phí sức trong việc tự điều, tự tịnh, tự độ, nhưng do nguyện lực muốn độ thoát hết thầy chúng sanh, mà sự tùy hỷ phước đức của Bồ tát thù thắng hơn cả.

Hỏi: *Nếu thật chẳng độ chúng sanh, thì vì sao lại nói do muốn độ thoát hết thầy chúng sanh, mà sự tùy hỷ phước đức của Bồ tát là thù thắng hơn cả.*

Đáp: Chư Phật và chư đại Bồ tát đều có các công đức lực, độ thoát hết thầy chúng sanh. Sở dĩ có chúng sanh chưa được độ, vì họ chưa hội đủ nhân duyên để được độ vậy.

Ví như lửa có công năng thiêu đốt củi. Thế nhưng nếu chẳng tác duyên cho lửa ở gần bên củi, thì lửa chẳng sao thiêu đốt được củi. Trái lại, nếu để củi cạnh lửa, thì củi liền bén lửa và bốc cháy.

10 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Ngài Tu Bồ Đề dùng “cứu cánh không trí huệ” hỏi ngài Di Lặc rằng: Niệm phước đức của chư Phật và tùy hỷ hồi hướng các phước đức ấy về Vô Thượng Bồ Đề đều là niệm các sự việc quá khứ. Chỗ niệm như vậy có được chăng?

Ngài Di Lặc, y vào 2 duyên pháp, đáp “chẳng phải vậy”. Đó là:

- Vì các đức Phật quá khứ đã diệt độ trải qua vô lượng kiếp. Nếu Bồ tát chưa có “túc mạng thông trí”, hay chưa có đầy đủ “túc mạng thông trí”, thì chẳng thể nào thấu suốt được. Vì sao? Vì nếu chỉ nương vào chỗ được nghe, nhớ tưởng chỗ phân biệt trong kinh, thì chẳng sao đạt đến chỗ “như niệm” được.

- Vì công đức của chư Phật chẳng thể suy lường được. Công đức của chư Phật vượt ra khỏi 3 cõi, vượt ra khỏi 3 đời, là rốt ráo không, là tịch diệt tướng Niết bàn vậy.

- Bởi vậy nên phân biệt công đức của chư Phật và chư đại đệ tử của chư Phật, rồi dùng tâm tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề là chẳng thật có vậy. Cho nên nói sự tùy hỷ hồi hướng như vậy là rốt ráo không, là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Nếu chẳng có pháp sự hiện hành, mà chỉ có ức niệm phân biệt, thì là điên đảo tướng. Nếu có pháp sự, thì pháp sự đó cũng là rốt ráo không. Bởi vậy nên thanh tịnh ức niệm cũng như công đức của chư Phật quá khứ đều là rốt ráo không, đều là vô phân biệt. Đã là rốt ráo không, là vô phân biệt, thì làm sao mà tùy hỷ được?

Ngài Di Lặc đáp: Chư Bồ tát dụng duyên như vậy, sự như vậy, để tùy hỷ hồi hướng phước đức của chư Phật về Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng thủ chấp sự hồi hướng. Đây mới thật là chân hồi hướng.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Bồ tát ức niệm chư Phật quá khứ đã diệt độ trải qua vô lượng kiếp. Như vậy là Bồ tát đã phát khởi tùy hỷ phước đức nơi phước điền vô thượng của chư Phật.

Bởi vậy nên, khi niệm Phật, khi nghe một danh hiệu của một vị Phật quá khứ nào, là phải y nơi đó mà rộng niệm hết thấy chư Phật quá khứ. Vì sao? Vì từ khi sơ phát tâm, chư Phật đã phát thệ nguyện rộng độ hết thấy chúng sanh. Khi niệm như vậy, thì tâm sẽ tương ưng với 3 thiện căn “vô tham, vô sân và vô si”. Nhờ vậy mà tinh tấn hành các thiện pháp, dẫn đến được các nghiệp “thân và khẩu” thanh tịnh, hoà hợp với các thiện pháp. Đây mới là thanh tịnh phước đức.

Lại nữa, Bồ tát từ sơ phát đã hành 6 pháp Ba-la-mật, nên khi vào Bồ tát vị, khi được đầy đủ 10 địa, khi tọa đạo tràng, và mãi cho đến khi nhập Vô Dư Niết bàn, vẫn thường tu phước đức hoà hợp với Phật đạo. Sau khi nhập Niết bàn, lại còn lưu bố xá lợi cho các hàng trời, người cung kính, cúng dường.

Phước đức này, ở nơi tự thân của Bồ tát, tương ưng với 6 Ba-la-mật, nên các thiện pháp mà Bồ tát hành đều tương ưng với 6 Ba-la-mật cả.

-oOo-

Các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật tu bố thí, trì giới... dẫn đến tu thiền định chỉ được các công đức sau đây:

- Hoặc được lậu tận, trở thành bậc “vô học”.
- Hoặc được đạo mà chưa được lậu tận, trở thành bậc “hữu học”.

Hàng “vô học” có phước đức thù thắng hơn hàng “hữu học”. Vì sao? Vì hàng “vô học” có đầy đủ tướng tốt trang

nghiêm và đầy đủ thiện căn công đức; còn hàng “hữu học” có đầy đủ tướng tốt trang nghiêm, mà chưa có được đầy đủ thiện căn công đức. Lại nữa, hàng “vô học” có đại từ, đại bi theo như nghĩa trong Đại thừa pháp.

--oOo--

Như trước đây đã nói: Chư Phật thuyết pháp, khiến những ai y theo đó mà tu hành, thì sẽ được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến vào Bồ tát vị. Lại nữa, sau khi Phật diệt độ, thì giáo pháp của Phật vẫn còn lưu truyền lại đời sau, dạy cho chúng sanh trông được căn lành Đại thừa nhằm dẫn dắt chúng sanh vào Phật đạo.

Lại nữa, khi Phật còn trụ thế, thì giáo pháp của Phật được truyền dạy cho các hàng trời, người... dẫn đến cho các loài súc sanh, tạo nhân duyên để họ gieo trồng phước đức. Bởi vậy nên tu phước đức mà phát tâm khắp duyên hết thảy chúng sanh chánh ức niệm, nhất tâm cầu Phật đạo, và tùy hỷ hồi hướng phước đức về Vô Thượng Bồ Đề, thì sự tùy hỷ đó mới thật là tối thượng, là tối diệu, là vô đẳng đẳng.

Hỏi: Vì sao người cầu Phật đạo chẳng đem công đức của mình để hồi hướng, mà chỉ đem tâm tùy hỷ phước đức để hồi hướng?

Đáp: Chư Bồ tát dùng các lực phương tiện dạy chúng sanh tinh tấn tu phước đức, và cũng dạy chúng sanh phát tâm tùy hỷ phước đức. Vì sao? Vì tùy hỷ phước đức thù thắng hơn tự mình tu phước đức. Ví như niệm Phật quá khứ cũng tức là niệm “Phật tam muội”, nhiếp cả 6 niệm, gồm “niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm xả, niệm giới và niệm Thiên”.

Do thanh tịnh hạnh như vậy mà vào được các thiện định, khởi sanh trí huệ, được “chánh tùy hỷ”... dẫn đến thật hành

được chánh pháp. Vì sao? Vì dụng tâm tùy hỷ hồi hướng tức là dụng tâm duyên hết thấy chúng sanh, duyên hết thấy chư Hiền Thánh, chư Bồ tát cùng chư Phật vậy.

Người tu hành phải dụng tâm duyên như vậy để làm căn bản cho sự tu phước đức. Chẳng những dụng tâm duyên vậy, mà tự thân cũng phải hành các công đức sự.

-oOo-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi ngài Bồ tát Di Lặc rằng: Nếu có thiện nam, thiện nữ hành Bồ tát đạo, mà còn nghĩ là mình có tâm hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, còn chấp có tướng hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, thì chỗ niệm như vậy có được chăng?

Ngài Bồ tát Di Lặc đáp: Niệm như vậy chẳng thể nào đạt đến chỗ “như niệm” được.

Bởi nhân duyên vậy, nên ngài Tu Bồ Đề nói: Nếu chấp có “duyên”, có “sự”, thì liền bị rơi vào 4 điên đảo.

4 tướng điên đảo đó là: Vô Thường mà tưởng là thường; khổ mà tưởng là lạc; vô ngã mà tưởng là ngã; bất tịnh mà tưởng là tịnh.

Hỏi: *Người mới nhập đạo, tuy tâm chẳng phải là điên đảo, nhưng thường khởi tướng điên đảo, nên thấy các tướng điên đảo. Như vậy, khi người này đã rõ được các Đế rồi, thì có đoạn được các tướng điên đảo chăng?*

Đáp: Tướng điên đảo khi sanh khởi khác với khi đoạn diệt. Vì sao? Vì khi sanh tướng điên đảo, thì các pháp tướng cũng điên đảo. Thế nhưng, khi đã liễu ngộ được các Đế rồi, thì chẳng còn tướng điên đảo. Vì vậy, chẳng còn thấy các pháp tướng điên đảo nữa. Đây gọi là “kiến đế sở đoạn”.

Hàng “hữu học”, do chưa ly dục, nên còn khởi các kiết sử; lại do chưa đầy đủ chánh ức niệm, nên còn ức niệm, suy nghĩ phải thủ lấy tịnh tướng. Thế nhưng khi đầy đủ chánh ức niệm rồi, thì các ức niệm điên đảo cùng các kiết sử liền bị tiêu diệt.

Trong kinh có nêu dụ về một giọt nước rơi vào đám lửa lớn tức thì bị huỷ diệt, Cũng như vậy, khi đã có được chánh ức niệm, đã vào được thật tướng pháp rồi, thì biết rõ các pháp đều là giả danh, đều chẳng thật có khiến các tướng điên đảo liền bị huỷ diệt.

Lại nữa, vì các “duyên”, các “sự” đều là rốt ráo không, nên “niệm khởi” cũng là rốt ráo không, Đản Ba-la-mật... dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng đều là rốt ráo không, đều chỉ là 1 tướng (nhất tướng), đều chẳng có tướng (vô tướng).

Bởi vậy nên nói chẳng có gì để gọi là “duyên”, chẳng có gì để gọi là “sự”... dẫn đến chẳng có gì để gọi là “hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề” cả.

-o0o-

KINH:

Ngài Di Lặc nói: Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Nếu có vị Bồ tát nào đã từ lâu tu tập 6 pháp Ba-la-mật, cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn, gần gũi thiện tri thức, khéo tu học pháp tướng không, thì phải biết vị Bồ tát đó đã ở nơi các duyên, nơi các sự, nơi các thiện căn như vậy, mà tùy hỷ hồi hướng phước đức của chư Phật về Vô Thượng Bồ Đề, nhưng chẳng chấp tướng hồi hướng. Vì sao? Vì tùy hỷ hồi hướng chẳng phải là “nhị pháp” cũng chẳng phải là “bất nhị pháp”, chẳng phải có tướng cũng

phải chẳng chẳng có tướng, chẳng phải “khả đắc” cũng chẳng phải “bất khả đắc”, chẳng phải cấu cũng chẳng phải tịnh, chẳng có sanh cũng chẳng có diệt.

Đây mới thật là chánh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu có vị Bồ tát nào tu tập 6 pháp Ba-la-mật chẳng được bao lâu, chẳng thường cúng dường chư Phật, chẳng thường gieo trồng thiện căn, chẳng thường gần gũi thiện tri thức, chẳng khéo tu học pháp tướng không, thì phải biết Bồ tát đó đã ở nơi các duyên, nơi các sự, nơi các thiện căn như vậy, mà tùy hỷ hồi hướng phước đức của chư Phật về Vô Thượng Bồ Đề, rồi lại chấp lấy tướng hồi hướng.

Đây chẳng phải là chánh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Thưa ngài Tu Bồ Đề! Nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến nghĩa của Nhất thiết chủng trí, nghĩa của nội không... dẫn đến nghĩa của vô pháp hữu pháp không là như vậy đó. Chớ nên vì hàng tân học Bồ tát, giải nói cho họ nghe. Vì sao? Vì các Bồ tát sơ phát tâm chưa có nhiều trí huệ. Nếu giải nói cho họ nghe như vậy, họ sẽ mất lòng tôn kính diệu pháp, và đồng thời tín tâm thanh tịnh vừa mới phát khởi nơi họ sẽ bị sút giảm.

Còn đối với các Bồ tát bất thối chuyển, các Bồ tát thường được các bậc thiện tri thức hộ trì, các Bồ tát đã từ lâu cúng dường chư Phật, thì phải nên vì họ giải nói nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nghĩa của Nhất thiết chủng trí như vậy, nghĩa của nội không... dẫn đến của vô pháp hữu pháp không như vậy. Vì sao? Vì các Bồ tát này nghe nghĩa như vậy, mà vẫn giữ được tâm an định, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ.

Thưa ngài Tu Bồ Đề! Nếu có Bồ tát nào nghe nghĩa như vậy, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì phải biết đó là Bồ tát Ma-ha-tát tùy hỷ phước đức hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Bồ tát dụng tâm tùy hỷ, mà tâm đó chính là tâm tận diệt, tận biến tận ly. Dẫn đến các duyên, các sự, các thiện căn, cũng như vậy. Cho nên là chẳng có gì để gọi là “duyên”, chẳng có gì để gọi là “sự”, chẳng có gì để gọi là “thiện căn”, chẳng có gì để gọi là “tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề” nữa.

Thưa ngài Tu Bồ Đề! Nếu tâm tùy hỷ và tâm hồi hướng chẳng phải là hai tâm chung khởi, thì tâm tánh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề là bất khả đắc vậy. Như vậy làm sao Bồ tát có thể dùng tâm tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề được?

Thưa ngài Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là vô sở hữu; biết rõ Đàn Ba-la-mật dẫn đến thiền Ba-la-mật là vô sở hữu; biết rõ 5 ấm... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề là vô sở hữu, thì mới có được “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”.

LUẬN:

Hành trì đúng theo chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng hoại các pháp tướng, rồi tùy hỷ phước đức hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, là việc khó làm, khiến hàng phàm phu chẳng sao kham nhận được. Bởi vậy nên ngài Di Lặc nói rằng: Phải là người đã từ lâu tu tập 6 pháp Ba-la-mật, đã được công đức sâu dày, mới có được tâm an định hành trì như vậy. Thiện nam, thiện nữ hành trì được như vậy phải là người đã nhiều đời cúng dường chư Phật, đã huân tập các thiện căn, đã chứa nhóm vô lượng vô biên công đức, đã dẹp sạch kiết sử, đã được tâm nhu nhuyễn, đã thân cận gần gũi

thiện tri thức, đã có đầy đủ phương tiện lực, đã tu tập các pháp không, mà chẳng chấp không. Do được vô lượng vô biên công đức như vậy, nên ở nơi “vô tướng pháp”, mà phát tâm tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Ví như sắt cứng rắn, nhưng nếu bỏ vào lò nung, thì cũng trở thành mềm, khiến người thợ rèn có thể làm ra đủ thứ dao, kéo, cùng các dụng cụ khác, tùy theo ý muốn.

Cũng như vậy, do từ lâu tu tập 6 pháp Ba-la-mật, lại nhờ được sự hộ trì của các bậc thiện tri thức, nên Bồ tát được tâm nhu nhuyễn, khiến ở nơi các duyên, các sự, các thiện căn, cũng như ở nơi phước đức của chư Phật quá khứ, đều chẳng chấp thủ. Do vậy mà Bồ tát vẫn thường khởi tâm tùy hỷ, dụng vô tướng pháp, hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Dụng “vô tướng pháp” có nghĩa là chẳng dùng “nhị pháp” cũng chẳng dùng “bất nhị pháp”... dẫn đến chẳng dùng “sanh pháp” cũng chẳng dùng “diệt pháp”.

Đây là “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”. Nếu trái lại, thì chẳng phải là chánh tùy hỷ hồi hướng.

Ngài Di Lặc biết rõ ngài Tu Bồ Đề thường thuyết pháp không, nên mới nói nghĩa Bát nhã Ba-la-mật như vậy.

Thế nhưng, đối với hàng tân học Bồ tát, chớ nên vội nói như vậy. Vì sao? Vì hàng tân học Bồ tát, do chưa có được đầy đủ phước đức, chưa có thiện căn sâu dày, nếu nghe nói các pháp rốt ráo không, thì liền khởi chấp “không”, và tự nghĩ rằng: Nếu các pháp là rốt ráo không, là vô sở hữu, thì chẳng có pháp gì để huân tu cả.

Do nghĩ như vậy, mà các tân phát tâm Bồ tát mất dần chừng thiện căn, giải đãi trong việc tu tập.

Bởi vậy nên đối với những người tu tập Bồ tát đạo, thì

18 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

phải dạy họ thực tập dần dần sự tùy hỷ hồi hướng các phước đức thiện căn. Khi họ được đầy đủ tâm tận diệt, tận biên, tận ly rồi, thì mới dạy họ dụng “vô tướng tâm pháp” mà tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Ví như con chim chưa có đầy đủ lông cánh, chẳng nên tung nó lên cao. Khi nó có đầy đủ lông cánh rồi, thì mới có thể bay xa được.

-o0o-

Đối với hạng Bồ tát bất thối chuyển, mới nên nói nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến nghĩa của Nhất thiết chủng trí, nghĩa của nội không... dẫn đến nghĩa của vô pháp hữu pháp không như vậy.

Ngoài ra, đối với 2 hạng người sau đây, cũng nên vì họ nói các nghĩa như trên. Đó là:

- Hạng người thường được các thiện tri thức giáo thọ và hộ trì.

- Hạng người đã từ lâu cúng dường chư Phật, đã có nội phước đức ngoại nhân duyên đầy đủ, nên dù chưa được bất thối chuyển, cũng đã thường tín, thường hành.

Ví như người đang khát được uống, đang đói được ăn, đang đi ngoài nắng gặp cơn gió mát mẻ, đang lạnh được nắng sưởi ấm... liền sanh tâm hoan hỷ. Cũng như vậy, các hạng người nêu trên đây, khi được nghe pháp nghĩa vậy, liền sanh tín tâm thanh tịnh.

Lại nữa, khi đã rõ được pháp nghĩa như trên là vào được “vô tướng trí huệ”, nên chư vị ấy tự niệm rằng: Được “vô tướng trí huệ” ta sẽ có đầy đủ các lực phương tiện để cứu độ vô lượng chúng sanh. Do nghĩ như vậy, mà chư vị ấy chẳng

có kinh, chẳng có hãi, chẳng có sợ. Vì sao? Vì do nơi tâm thức chấp ngã mà khởi sanh có tướng sợ hãi; nay biết rõ các pháp đều chẳng thật có, đều là vô tướng, thì chẳng còn chấp ngã và ngã sở, nên chẳng còn sợ hãi nữa.

Trái lại, phàm phu, do chấp tâm, chấp tướng, nên vừa nghe nói các pháp là “vô tướng”, thì liền sanh tâm sợ hãi.

--oOo--

Sau khi đã nói rõ về nghĩa tùy hỷ hồi hướng, ngài Di Lặc nói rộng thêm rằng: Bỏ tất dụng tâm tùy hỷ hồi hướng, mà tâm đó chính là tâm tận diệt, tận biến, tận ly; tâm đó chẳng có trú xứ, chẳng có trú thời. Các duyên, các sự, các thiện căn, các phước đức của chư Phật quá khứ... dẫn đến tâm tùy hỷ hồi hướng cũng là như vậy.

Thế nên “tâm tùy hỷ hồi hướng” đã diệt từ lâu, vừa mới diệt hay sắp diệt cũng chẳng có gì sai khác nhau cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên kinh dạy: Tâm tùy hỷ hồi hướng, tận diệt, tận biến, tận ly. Các duyên, các sự, các thiện căn... cũng đều là như vậy cả.

Liễu thông được nghĩa ấy là và được thật tướng pháp, chẳng còn có vọng khởi phân biệt giữa duyên và sự, giữa tâm tùy hỷ và tâm hồi hướng nữa. Đây mới là “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”.

Lại nữa, ở 1 thời (nhất thời) chẳng có 2 tâm chung khởi, chẳng có 2 tâm hoà hợp; có tâm tùy hỷ, thì chẳng có tâm hồi hướng, và ngược lại, Cho nên phải biết rõ rằng hết thảy các tâm tướng đều là rốt ráo không, đều là bất khả đắc cả.

Bỏ tất dụng tâm tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng chấp tâm hồi hướng, chẳng chấp tướng hồi hướng. Vì

sao? Vì Bồ tát biết rõ Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải là định pháp. Bát nhã Ba-la-mật đã chẳng phải là định pháp, thì hết thấy các pháp, từ 5 âm... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng đều là như vậy cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát mới đoạn được các pháp ái, xả được các chấp, vào được nơi thật tướng pháp; ở nơi “vô tướng pháp”, mà dụng tâm tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề. Đây mới là “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”.

-o0o-

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi ngài Tu Bồ Đề: Thưa đại đức! Vì sao cũng có Bồ tát sơ phát tâm, nghe theo nghĩa này, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ? Vì sao cũng có Bồ tát phát tâm tùy hỷ phước đức hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Nếu có Bồ tát sơ phát tâm nào hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng thọ Bát nhã Ba-la-mật thì phải biết vị Bồ tát này đã thâm tín, đã liễu nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không; đã thâm tín, đã liễu giải 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp. Vị Bồ tát này đã thường thân cận các thiện tri thức; đã được các thiện tri thức giáo thọ, khai thị và phân biệt rõ nghĩa của 6 pháp Ba-la-mật, khiến trọn chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp, dần dần vào được pháp vị; lại được các thiện tri thức giáo thọ, khai thị và phân biệt rõ về các ma sự, khiến đối trước các ma sự, tâm chẳng hề lay động. Vì sao? Vì Bồ tát này chẳng thọ hết thấy pháp.

Bồ tát này cũng thường chẳng ly các đức Phật... dẫn đến vào được Bồ tát vị; ở nơi đây mà gieo trồng các thiện căn. Do có được các thiện căn như vậy, mà được sanh vào “nhà Bồ tát”... dẫn đến sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, trọn chẳng bao giờ bỏ gieo trồng thiện căn.

Lại nữa, thưa ngài Kiền Thi Ca! Dù là sơ phát tâm, nhưng trong quá khứ, vị Bồ tát này đã thường thân cận, cúng dường chư Phật khắp 10 phương, đã dứt đường sanh tử đã đoạn các hý luận, đã bỏ hẳn gánh nặng thế gian, đã dứt trừ các kiết sử hữu lậu, đã được chánh tri giải thoát. Vị Bồ tát này cùng các đệ tử cũng đã tu tập công đức hoặc đã ở trong các đại gia, đại tộc, hoặc đã ở các cõi Trời, từ cõi Trời Tứ Thiên Vương... dẫn đến cõi Trời Tịnh Cư Thiên. Như vậy là ở trong quá khứ, vị Bồ tát này đã hòa hợp các công đức xứng với Bồ tát hạnh, đã dụng tâm tùy hỷ tối thượng, tối diệu, vô đẳng đẳng, mà hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề rồi vậy.

Ngài Di Lặc nêu câu hỏi: Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Nếu chỉ mới là sơ phát tâm, mà niệm chư Phật, niệm chư đệ tử Phật, niệm các thiện căn, rồi dụng tâm tùy hỷ tối thượng, tối diệu, vô đẳng đẳng, hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, thì làm sao tránh khỏi đọa về điên tướng đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Đại Sĩ! Nếu Bồ tát niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng... dẫn đến niệm thiện căn, mà chẳng có khởi tướng về Phật, về Pháp, về Tăng... đến đến chẳng có khởi tướng về các thiện căn, rồi dụng tâm tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, mà trong tâm đó chẳng có khởi tướng về tâm, thì phải biết sự tùy hỷ hồi hướng này chẳng đọa về tướng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Nếu Bồ tát niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng... dẫn đến niệm các thiện căn, mà tâm chấp tướng, rồi dụng tâm ấy để hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, thì phải biết sự tùy hỷ hồi hướng này đọa về tướng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Nếu Bồ tát dụng tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng... dẫn đến niệm các thiện căn, mà biết rõ tâm niệm là tận diệt ... dẫn đến tâm tùy hỷ hồi hướng, chỗ tùy hỷ hồi hướng, pháp tùy hỷ hồi hướng cũng đều là tận diệt; lại biết rõ vì tận diệt, nên các pháp đó đều bất khả đắc, thì phải biết sự dụng tâm tùy hỷ hồi hướng này chẳng đọa về tướng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Đây là “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”.

Lại nữa, nếu Bồ tát niệm thiện căn của chư Phật quá khứ và của chư đệ tử Phật; niệm thiện căn của hàng phàm phu, của các hàng Thiên Long Bát Bộ, do nghe pháp mà phát tâm Bồ Đề; rồi hòa hợp hết thấy các phước đức đó, dụng tâm tùy hỷ tối thượng, tối diệu, vô đẳng hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề mà biết rõ tâm tùy hỷ hồi hướng là tận diệt, chỗ tùy hỷ hồi hướng và pháp tùy hỷ hồi hướng là tự tánh không, thì phải biết sự tùy hỷ hồi hướng này chẳng đọa về tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo.

Đây là “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”.

Bồ tát phải dụng tâm như vậy mà hành Bát nhã Ba-la-mật, hành Đàn Ba-la-mật ... dẫn đến hành Thiền Ba-la-mật, thì mới chẳng đọa về tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo.

Bồ tát dụng tâm như vậy, nên chẳng thấy có pháp nào hồi hướng cho pháp nào cả, chẳng thấy có tâm tùy hỷ hồi

hương, chẳng thấy có chỗ dụng tâm tùy hỷ hồi hướng, chẳng thấy có thiện căn để tùy hỷ hồi hướng, vì biết rõ hết thấy pháp đều là vô sở hữu, đều là tự tướng không.

Đây là Bồ tát Ma-ha-tát tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

LUẬN:

Hỏi: Do nguyên nhân gì mà vị Đế Thích nêu lên 2 câu hỏi:

- Vì sao cũng có Bồ tát sơ phát tâm, nghe nghĩa này, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ?

- Vì sao cũng có Bồ tát sơ phát tâm tùy hỷ phước đức, hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề?

Đáp: Trước đây, ngài Di Lặc đã nói rằng: Chẳng nên vì các Bồ tát sơ phát tâm mà nói chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, mà chỉ nên nói với các Bồ tát bất thối chuyển, với các người thường được các bậc thiện tri thức giáo thọ và hộ trì, với hạng người đã từ lâu cúng dường chư Phật, đã có đầy đủ các phước đức nhân duyên. Chư vị này từ vô lượng kiếp đã huân tu vô lậu pháp, vẫn thường tín, thường hành, mới có thể nghe được rằng: “Chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề” là “vô pháp”.

Do nhân duyên vậy mà vị Đế Thích mới khởi tâm nghi, mà nói với ngài Tu Bồ Đề rằng: Trong chúng hội này cũng có các vị Bồ tát sơ phát tâm nghe chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ; lại cũng có các vị Bồ tát sơ phát tâm tùy hỷ phước đức, hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Do vì muốn thành tựu duyên pháp mà ngài Di Lặc đã nêu lên, nên ngài Tu Bồ Đề đã vì hàng sơ phát tâm Bồ tát, nói rõ về nghĩa “Chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”. Ngài trả lời vị Đế Thích rằng: Bồ tát dù mới sơ phát tâm,

chưa huân tu trong nhiều kiếp, chưa hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, chưa cúng dường đầy đủ chư Phật trong 10 phương, nhưng nếu có được lợi căn, nếu gặp được thiện tri thức giáo thọ và hộ trì, thì với 2 duyên pháp này cũng có thể kham nhận việc tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Bởi vậy nên kinh dạy: Nếu có vị sơ phát tâm Bồ tát nào hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng thọ Bát nhã Ba-la-mật, thì vị Bồ tát đó đã biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không, là bất khả đắc; biết rõ 5 Ba-la-mật kia cũng đều là như vậy, Bồ tát đó cũng đã thâm tín, liễu giải nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, đã thâm tín, liễu giải 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp. Bồ tát đó đã thường thân cận các bậc thiện tri thức, được các vị này dạy rõ về chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật; nghe nghĩa như vậy rồi, thường chẳng ly 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến vào Bồ tát vị. Cho nên, dù mới sơ phát tâm, Bồ tát đó cũng có thể sớm vào Bồ tát vị, trong lúc rất nhiều người khác phải tu lâu mới vào được. Lại nữa, Bồ tát đó cũng đã được nghe các bậc thiện tri thức khai thị, phân biệt rõ về các ma sự, nên dù có bị các ác ma quấy nhiễu cũng vẫn giữ được tâm an định, chẳng hề bị lay chuyển. Vì sao? Vì vị Bồ tát đó đã thể nhập vào pháp “không”, nên ma chẳng tìm được chỗ tiện để quấy nhiễu. Nếu ma muốn phá, thì đó chính là phá pháp “không”, mà ở nơi pháp không, thì chẳng có gì để phá cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát thường chẳng ly chư Phật, thường sanh trong nhà Bồ tát, đời đời chẳng ly niệm các thiện căn, mãi cho đến khi vào được Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu vị Bồ tát sơ phát tâm mà hội đầy đủ các duyên pháp vậy, thì so với các vị Bồ tát đã huân tu từ lâu cũng chẳng có gì sai khác.

Lại nữa, nếu Bồ tát nào đã có tâm tùy hỷ hồi hướng, thì phải biết vị Bồ tát đó ở trong quá khứ đã thường cúng dường chư Phật trong 10 phương, đã đoạn dứt sanh tử, đã đoạn dứt các hý luận, đã vào được “không tam muội”, đã vào được Vô Dư Niết bàn, đã xả bỏ Thánh đạo, nên nói là đã đạt đến chỗ “đạo tận”; lại cũng đã xả bỏ 5 âm, đầu mỗi của khổ đau, nên nói là đã xả bỏ gánh nặng thế gian.

Cũng nên biết, người tu hành, khi đã vào được Vô Dư Niết bàn, đã thành tựu được 2 hạnh xả. Đó là:

- Xả 5 âm phiền não.
- Xả 5 âm quả báo.

Người xuất gia chẳng nên thường lui tới nhà các người “bạch y”. Vì sao? Vì ở đây thường có 5 dục. Nếu người xuất gia để cho 5 dục kích thích, thì 5 dục sẽ phá hoại thiên định, trí huệ.

Nếu đoạn được sự kích thích của 5 dục, là đoạn được 5 “hạ phần kiết sử”. Còn muốn đoạn 5 “thượng phần kiết sử”, thì phải vào “kim cang tam muội”, phải tương ưng với “trí huệ Bát Nhã”, mới có thể tận đoạn được hết thảy các tập khí, phiền não.

Được như vậy, gọi là được “chánh trí giải thoát”.

-o0o-

Cũng nên biết Phật, Pháp, Tăng và các thiện căn là 4 phước điền lớn. Các phước điền này là nhân để chúng sanh gieo trồng phước đức.

Bồ tát niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng... dẫn đến niệm thiện căn, rồi dụng tâm tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Đây là “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”.

Vấn đề này được lý giải trong phần vấn đáp giữa Bồ tát Di Lặc và ngài Tu Bồ Đề, như sau:

- Bồ tát Di Lặc hỏi: Nếu Bồ tát mới sơ phát tâm mà niệm các công đức của chư Phật, rồi tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, thì làm sao có thể tránh khỏi đọa về tướng điên đảo, tâm điên đảo, và kiến điên đảo?

- Ngài Tu Bồ Đề đáp: Nếu Bồ tát niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng... dẫn đến niệm thiện căn, mà chẳng khởi tướng về Phật, về Pháp, về Tăng... dẫn đến chẳng khởi tướng về các thiện căn, vì biết rõ hết thảy pháp đều là tự tánh không, biết rõ chẳng có định pháp nào gọi là Phật, là Pháp, là Tăng, là thiện căn... dẫn đến chẳng có định pháp nào gọi là tùy hỷ hồi hướng cả, thì Bồ tát đó chẳng đọa về tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Nếu trái lại, thì gọi là điên đảo.

-o0o-

Lại nữa, cũng nên biết Bồ tát dụng tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng... dẫn đến niệm thiện căn, mà khi tâm tận diệt biết rõ là tâm tận diệt; và tâm tận diệt thì sự tùy hỷ hồi hướng là bất khả đắc. Vì sao? Vì tâm có tận diệt, có tán hoại, thì tâm là vô thường vậy. Thế nhưng, khi vào được nơi “pháp tánh”, thì dứt trừ được mọi sự phân biệt, chẳng còn phân biệt là tâm (thị tâm), hay là chẳng phải tâm (phi tâm) nữa.

Bồ tát niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm thiện căn, rồi hồi hướng tất cả về chỗ “tận tướng”, nên là bất khả đắc hồi hướng. Bởi vậy nên nói: Khi sơ phát tâm, thì còn có ức niệm, còn có tùy hỷ hồi hướng; còn khi đã thuần thực hay nói cách khác, đã ở nơi “hậu tâm” rồi, thì tùy hỷ hồi hướng về

chỗ “tận tướng”, nên là “bất khả đắc hồi hướng”, là “chánh hồi hướng” vậy.

Hỏi: Nếu nói có “sơ tâm”, có “hậu tâm”, thì là có tướng sanh diệt, là có tướng vô thường. Còn hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề là hồi hướng về Vô Thượng đạo ở đời vị lai. Như vậy sao lại nói là hồi hướng về chỗ tận tướng?

Đáp: Trên đây nói đến tận diệt và vô thường; đó là nói về pháp tướng. Vì sao? Vì chỉ có pháp tướng mới có tận diệt. Còn vào được nơi pháp tánh rồi, thì chẳng còn nói đến sanh hay diệt, chẳng còn nói đến thường hay vô thường nữa.

Trước đây, trong kinh có nói rằng Vô Thượng Bồ Đề vượt ra khỏi 3 cõi, 3 đời, và chẳng thọ pháp tướng. Liều đạt được như vậy mà hồi hướng, thì mới gọi là chánh hồi hướng.

-o0o-

Lại nữa, hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề là chẳng phải chánh (phi chánh), cũng chẳng phải tà (phi tà). Vì sao? Vì Bồ tát biết rằng niệm chư Phật quá khứ cùng hàng đệ tử Phật, niệm các thiện căn... dẫn đến niệm Vô Thượng Bồ Đề, mà còn dụng tâm chấp tướng, thì có chỗ tận diệt. Bồ tát cũng biết rõ hồi hướng là tự tánh không. Dụng tâm như vậy mà hồi hướng mới gọi là chánh hồi hướng.

Lại nữa, Bồ tát biết rõ các pháp quá khứ là vô thường, mà đã là vô thường, thì chẳng thể hồi hướng về tự tánh không được; lại biết rõ các pháp quá khứ là tự tánh không, mà đã là tự tánh không, thì chẳng thể hồi hướng về tự tánh không được, Dụng tâm như vậy mà hồi hướng mới gọi là chánh hồi hướng.

Lại nữa, Bồ tát cũng biết rõ các pháp đều do các duyên

hòa hợp sanh, chẳng có chủ tác, chẳng phải thường trú; biết rõ tự tánh của các pháp là bất động, chẳng phải được làm ra (hữu sở tác), chẳng phải chẳng được làm ra (vô sở tác), nên biết rõ chẳng có pháp gì để hồi hướng cả, dụng tâm như vậy mà hồi hướng mới gọi là chánh hồi hướng.

-o0o-

Do hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, mà Bồ tát giữ được tâm bình đẳng ở nơi hết thấy các pháp, chẳng đọa về tướng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo, lại cũng chẳng chấp hết thấy các pháp vậy.

-o0o-

KINH:

Lại nữa, nếu Bồ tát biết sự gieo trồng thiện căn phước đức, ly hẳn 5 ấm, 12 nhập và 18 giới; biết Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật là ly tướng; biết nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không là ly tướng; biết 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp là ly tướng, mà dụng công tùy hỷ phước đức, thì như vậy gọi là Bồ tát Ma-ha-tát tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, nếu Bồ tát tùy hỷ phước đức, mà biết rõ sự tùy hỷ phước đức là tự tánh ly; cũng biết rõ Phật là tự tánh ly, thiện căn là tự tánh ly, Bồ Đề tâm là tự tánh ly, hồi hướng là tự tánh ly, Bồ tát là tự tánh ly, Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật là tự tánh ly, nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không là tự tánh ly, 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp là tự tánh ly, thì phải biết đó là Bồ tát Ma-ha-tát ly tướng mà hành

Bát nhã Ba-la-mật, trú trong Bát nhã Ba-la-mật mà khởi sanh tùy hỷ phước đức.

Lại nữa, nếu ở nơi chư Phật đã diệt độ, ở nơi các thiện căn công đức đã diệt độ, mà hồi hướng, thì Bồ tát phải tự niệm rằng Tướng của chư Phật quá khứ đã diệt độ, tướng của các thiện căn công đức đã diệt độ, thì tướng của tâm hồi hướng cũng diệt độ. Bồ tát tự niệm như vậy, mà tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, thì chẳng bị đọa về tướng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà còn thủ chấp tướng của chư Phật, tướng của các thiện căn công đức, tướng của sự hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, thì chẳng thể được “chánh tùy hỷ hồi hướng”. Vì sao? Vì chư Phật quá khứ, các thiện căn công đức... là chẳng có tướng duyên (phi tướng duyên), cũng chẳng phải vô tướng duyên (phi vô tướng duyên) Cho nên, nếu Bồ tát thủ tướng như vậy, thì chẳng thể gọi là đem thiện căn hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề được. Bồ tát này sẽ bị đọa về tướng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Di Lặc hỏi: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Nếu chẳng thủ tướng thiện căn, thì Bồ tát lấy gì để tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Đại Sĩ! Do vậy mà chư Bồ tát phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật, phải có các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật. Nếu phước đức mà ly Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng sao có thể hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề được. Vì sao? Vì trong Bát nhã Ba-la-mật, chư Phật là bất khả đắc, các thiện căn là bất khả đắc, tâm hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề cũng là bất khả đắc. Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật phải tự niệm rằng: Chư Phật

quá khứ đã diệt độ, các thiện căn đã diệt độ. Nay, nếu ta thủ tướng phân biệt chư Phật, các thiện căn và tâm hồi hướng, thì chư Phật chẳng ẩn chứng. Vì sao? Vì thủ tướng là có dụng tâm “hữu sở đắc” rồi vậy. Phật dạy phải chẳng có thủ tướng mà hồi hướng mới được lợi ích, vì hồi hướng mà có thủ tướng là có tạp độc. Ví như món ăn ngon mà có trộn chất độc; dù có hương vị thơm ngon, mà ăn vào cơ thể bị mang bệnh, dẫn đến có thể bị chết. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào chẳng thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thông suốt, liễu nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, mà lại dạy cho người khác rằng: Nên biết ở trong 3 đời và khắp 10 phương, có vô lượng các đức Phật, từ sơ phát tâm đến khi nhập Vô Dư Niết bàn... dẫn đến thời kỳ pháp tận, thường tu tập 6 pháp Ba-la-mật; gieo trồng các thiện căn công đức; tu 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; tu 4 niệm xứ ... dẫn đến 18 bất cộng pháp; thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, thành tựu các thiện căn, thành tựu giới chúng, định chúng, huệ chúng, giải thoát chúng, giải thoát tri kiến chúng, dẫn đến thành tựu Nhất thiết chủng trí; thành tựu các pháp như vậy mà chẳng có lầm lạc pháp, và thường tu hành xả. Lại cũng có hàng đệ tử gieo trồng thiện căn và được chư Phật thọ ký; có hàng Thiên Long Bát Bộ gieo trồng thiện căn. Tất cả các phước đức như vậy phải được hoà hợp, tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Do vì còn tâm thủ pháp, còn tâm đắc pháp, nên sự hồi hướng như vậy cũng giống như món ăn có trộn chất độc, chẳng phải là chánh hồi hướng. Vì sao? Vì hồi hướng với tâm chấp tướng như vậy, là hủy báng Phật, là hý luận, là chẳng y theo lời Phật dạy, chẳng y theo chánh pháp.

Bạch Đại Sĩ! Thiện nam, thiện nữ muốn cầu Phật đạo

phải niệm chú Phật ở trong 3 đời và khắp 10 phương, từ sơ phát tâm đến khi nhập Vô Dư Niết bàn... dẫn đến thời kỳ pháp tận, cùng với hàng đệ tử, thường tu tập 6 pháp Ba-la-mật, thành tựu các thiện căn... dẫn đến thành tựu Nhất thiết chủng trí; rồi lại phải biết rõ tất cả các thiện căn đó, y như chú Phật dùng “trí huệ vô thượng” để biết, mà tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì chú Phật đã dùng trí huệ vô thượng, biết rõ “thiện căn tướng” cũng tức là “thiện căn tánh” vậy.

Nếu thiện nam, thiện nữ y theo như vậy mà tùy hỷ hồi hướng, thì gọi là chẳng hủy báng Phật, là đúng theo lời Phật dạy, là đúng theo chánh pháp.

Hồi hướng như vậy mới là hồi hướng chẳng có tạp độc.

LUẬN:

Hỏi: Theo ý nêu trên đây, thì khi gieo trồng phước hành giả phải biết ly 5 ám, 12 nhập, 18 giới; lại cũng phải biết Bát nhã Ba-la-mật cùng hết thảy các pháp đều ly tướng. Như vậy, Bồ tát phải tùy hỷ hồi hướng phước đức như thế nào, mới có thể được gọi là “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”?

Đáp: Nếu Bồ tát biết rõ ở trong phước đức chẳng có 5 ám, 12 nhập, 18 giới; biết rõ Bát nhã Ba-la-mật cùng hết thảy các pháp đều là rốt ráo không, là vô tướng, là ly tướng, rồi dụng tâm như vậy mà tùy hỷ hồi hướng phước đức về Vô Thượng Bồ Đề, thì mới được gọi là “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”.

Lại nữa, Bồ tát cũng biết rõ tùy hỷ phước đức phải là tùy hỷ phước đức tánh, mà muốn vào được “phước đức tánh”, thì phải ly hết thảy các pháp tướng, ly Phật tướng, ly thiện căn tướng v.v..., Bồ tát tu tập 6 pháp Ba-la-mật, hành các thiện

căn, tùy hỷ hồi hướng các phước đức về Vô Thượng Bồ Đề, mà biết rõ tất cả đều là tự tánh không. Bồ tát dụng tâm như vậy mà tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, mới được gọi là “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”.

Lại nữa, Bồ tát đem hết thảy các phước đức tướng, các thiện căn tướng, tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng thủ chấp các tướng đó, Bồ tát dụng tâm như vậy mà tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, mới được gọi là “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”.

Trước đây đã nói rằng 5 ấm thân, Bồ tát cùng hết thảy các pháp đều chỉ là danh tự, nên nói muốn tu tập phước đức phải ly 5 ấm.

Nay nói các phước đức đều là tự tướng không. Đây là nói Bồ tát niệm chư Phật quá khứ, niệm các duyên sanh phước đức trong quá khứ đều đã tận diệt; niệm chư Phật quá khứ đã nhập Niết bàn, niệm tất cả phước đức đều là rốt ráo không, đều là vô tướng, là thường tịch diệt. Bồ tát dụng tâm như vậy mà tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề mới được gọi là “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”, nên chẳng có đọa về tướng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Lại nữa, nếu Bồ tát niệm thiện căn công đức của chư Phật quá khứ, mà còn phân biệt chấp tướng hồi hướng, thì sự hồi hướng đó chẳng phải là chánh hồi hướng. Vì sao? Vì chấp “hữu tướng” là chấp 1 bên, chấp “vô tướng” cũng là chấp 1 bên. Phải ly cả 2 bên mà hành đạo, mới được “trí huệ Phật”.

Nếu trái lại với trên đây, thì chẳng phải là “chánh hồi hướng”, nên bị đọa về tướng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Ngài Bồ tát Di Lặc hỏi ngài Tu Bồ Đề: Nếu chẳng thủ tướng thiện căn, thì Bồ tát lấy gì để tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề?

Ngài Tu Bồ Đề đã trả lời ngài Di Lặc rằng: Muốn được như vậy, thì Bồ tát phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật, phải có các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì nếu phước đức mà ly Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề được. Nếu tùy hỷ hồi hướng mà tâm chẳng chấp hết thảy các pháp, thì mới gọi là “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”. Bồ tát phải như vậy mà tu tập, thì mới chẳng bị lầm pháp, chẳng bị lỗi đạo, mới thật là tu tập Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói “Ly Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng thể có được chánh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”. Hành đạo mà ly Bát nhã Ba-la-mật là trái với thật tướng pháp, là còn dụng tâm hữu sở đắc, nên dù có thọ được quả báo tốt, thì phước báo đó rồi cũng sẽ bị tán hoại, khiến chẳng thể nào mau thành Phật đạo được.

-oOo-

Lại nữa, ở nơi chư Phật quá khứ mà ức tướng phận biệt là có lỗi lớn. Vì sao? Vì chư Phật quá khứ đã diệt độ, mà còn ức tướng, còn có tùy hỷ phước đức, là còn ái kiến, nên sự tùy hỷ đó cũng chỉ ví như món ăn có tạp độc. Người chấp tướng tùy hỷ như vậy, dù hưởng các phước đức, nhưng chỉ làm được Chuyển Luân Thánh Vương, làm Thiên Vương, hoặc được hưởng phước lạc, phú quý, danh vọng trong hàng phàm phu mà thôi.

Người vô trí tham ái, người ngu si chấp đắm các pháp, người mới sơ phát tâm cũng còn chấp tướng, chấp có chỗ sở đắc, đều ví như các món ăn có trộn lẫn tạp độc. Thức ăn

ngon có trộn tạp độc dụ cho các phước đức nhân duyên giàu sang, phú quý trong hàng trời, người. Ăn thức ăn này phải mang hoạ và thân, dụ cho hưởng hết phước lạc rồi sẽ lại phải thọ các ưu bi, khổ não. Như vậy là các phước lạc đều là vô thường, là tán hoại.

-o0o-

Trong đoạn kinh nêu trên đây, ngài Tu Bồ Đề nói: Người vô trí chẳng có tư duy sâu, chẳng tin thọ Bát nhã Ba-la-mật, chẳng nhận được nghĩa thâm thâm của Bát nhã Ba-la-mật, mà chỉ chấp vào danh tự, ngữ ngôn, chấp vào các pháp tướng, mà vọng khởi phân biệt, chẳng hành theo lời Phật dạy.

Nếu chẳng có tư duy sâu, thì khi đọc tụng kinh điển chẳng rõ được nghĩa kinh, mà chỉ chấp vào văn tự, khiến chẳng có được lợi ích. Nếu chẳng rõ nghĩa kinh mà dạy cho người khác rằng: Nên biết ở 3 đời và khắp 10 phương, có vô lượng chư Phật gieo trồng thiện căn, từ sơ phát tâm dẫn đến khi nhập Vô Dư Niết bàn... dẫn đến thời kỳ pháp tận v.v... ; phải hoà hợp tất cả phước đức như vậy, mà tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Người chẳng tư duy sâu, chẳng hiểu rõ nghĩa kinh, còn chấp các pháp tướng, mà nói như vậy là huỷ báng Phật, là chẳng hành theo lời Phật dạy, nên chẳng có được “chánh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”.

Trái lại, người cầu Phật đạo phải tự niệm rằng: Chư Phật ở cả 3 đời, trong khắp 10 phương dùng vô thượng trí huệ mà biết rõ thật tướng của các thiện căn. Ta nay cũng phải y theo chỗ chư Phật như thật biết, mà tùy hỷ hồi hướng thiện căn về Vô Thượng Bồ Đề.

Tùy hỷ hồi hướng như vậy mới thật là “chánh tùy hỷ hồi hướng”. Sự tùy hỷ hồi hướng này ví như tên bắn xuống đất, chẳng nơi nào mà chẳng trúng.

Bởi vậy nên người cầu Phật đạo phải như thật biết như chư Phật mới là chẳng huỷ báng Phật vậy.

-o0o-

KINH:

Lại nữa, thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, muốn hồi hướng thiện căn, phải biết:

Sắc... dẫn đến thức chẳng thuộc Dục giới, Sắc giới hay Vô Sắc giới; chẳng thuộc quá khứ, hiện tại hay vị lai. 12 nhập và 18 giới cũng là như vậy. Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật chẳng thuộc Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới; chẳng thuộc quá khứ, hiện tại hay vị lai. Nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng đều là như vậy, như pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, pháp trí, thật tế, bất khả tư nghì tánh, giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, cũng đều là như vậy. Tâm hồi hướng, chỗ hồi hướng, pháp hồi hướng, chư Phật, chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật, các thiện căn của chư Phật, của chư Thanh Văn, của chư Bích Chi Phật cũng đều là như vậy.

Lại phải biết:

Sắc cùng hết thấy pháp chẳng thuộc 3 cõi, 3 đời. Cho nên, chẳng có thể dụng tâm hữu sở đắc, chấp thủ các pháp tướng, để mà hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề được. Vì sao? Vì sắc... dẫn đến hết thấy các pháp đều là vô sanh. Đã là vô sanh, thì là vô pháp, mà đã là vô pháp, thì chẳng

thể trú nơi đó để hồi hướng được.

Thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo phải thường tu hạnh xả, chẳng nên dụng tâm hữu sở đắc, chấp thủ các pháp tướng, mà hồi hướng, thì mới được “chánh hồi hướng”. Hồi hướng như vậy ví như món ăn ngon chẳng có tạp độc.

Nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, mà còn tâm hữu sở đắc; đem thiện căn hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, mà còn thủ tướng, thì gọi là “tà hồi hướng”.

“Tà hồi hướng” như vậy chẳng được chư Phật tán thán. Vì sao? Vì dụng tâm tà hồi hướng, thì chẳng thể được đầy đủ Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật; chẳng được đầy đủ 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp; chẳng đầy đủ thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ... dẫn đến chẳng được Vô Thượng Bồ Đề.

Hồi hướng như vậy ví như món ăn có xen tạp độc.

Lại nữa, khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát phải tự niệm rằng: Hồi hướng thiện căn, mà như thật biết như chư Phật, mới gọi là “chánh hồi hướng”. Ta phải y như vậy mà hồi hướng.

Lúc bấy giờ, Phật tán thán ngài Tu Bồ Đề: Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! Vì Phật sự, vì hành Bồ tát, mà ông đã khéo thuyết về pháp hồi hướng chân chánh vậy. Pháp ấy chẳng có tướng chẳng được, chẳng mất, chẳng xuất, chẳng nhập, chẳng cấu, chẳng tịnh; pháp ấy là pháp tánh không, là tự tánh không, là như pháp tánh thật tế vậy.

Này Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh trong cả đại thiên thế giới đều hành 10 thiện đạo, 4 thiện, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 5 thần thông. Ý ông nghĩ sao? Các chúng sanh ấy có được nhiều phước đức chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề phước đức ấy chẳng bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ hồi hướng thiện căn về Vô Thượng Bồ Đề mà chẳng có thủ tướng. Phước đức này là đệ nhất tối thượng, là đệ nhất vi diệu, chẳng có gì sánh kịp.

Lại nữa, nếu chúng sanh trong cả đại thiên thế giới đều được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến được quả A-la-hán, Bích Chi Phật, và có thiện nam, thiện nữ đem tứ sự cúng dường, cung kính, tán thán chư vị ấy. Ý ông nghĩ sao? Thiện nam, thiện nữ ấy có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức ấy chẳng bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ hồi hướng thiện căn về Vô Thượng Bồ Đề mà chẳng có thủ tướng. Phước đức này là đệ nhất tối thượng, là đệ nhất vi diệu, chẳng có gì sánh kịp.

Lại nữa, nếu chúng sanh trong cả đại thiên thế giới đều phát Bồ Đề tâm, và mỗi mỗi chúng sanh, trải qua hàng sa kiếp, đều nhất tâm cung kính, cúng dường chư Phật. Ý ông nghĩ sao? Phước đức ấy có nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Phước đức ấy vô lượng vô biên, chẳng có gì sánh kịp. Nếu phước đức ấy mà có hình có tướng, thì hàng sa thế giới cũng chẳng dung thọ được.

Phật dạy: Lành thay, lành thay! Như lời ông nói, phước đức ấy vô lượng vô biên; nhưng chẳng sao bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ hồi hướng thiện căn về Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng có thủ tướng.

Công đức hồi hướng thiện căn mà tâm chẳng thủ tướng so với phước đức nêu trước đây, hơn cả trăm, ngàn, vạn ức lần... dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể tính được. Vì sao? Vì các chúng sanh, nêu trước đây, đã thủ chấp pháp tướng của 10 thiện đạo, của 4 thiên, của 4 vô lượng tâm, của 4 vô sắc định, của 5 thần thông; lại cũng thủ chấp tướng của sự cung kính, cúng dường các bậc Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật vậy.

Lúc bấy giờ, chư vị Tứ Thiên Vương cùng 2 vạn chư vị thiên tử chấp tay lễ Phật và bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Hồi hướng của Bồ tát thật là quảng đại. Vì sao? Vì Bồ tát có các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, dụng tâm vô sở đắc, dụng vô tướng pháp, vô giác pháp, mà hồi hướng thiện căn về Vô Thượng Bồ Đề. Hồi hướng như vậy là chẳng đọa về “nhị pháp”. Cùng lúc đó, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn và vô số chư thiên ở các cõi trời Dạ Ma, Đâu Suất, Hoá Lạc, Tha Hóa Tự Tại... đều đem hoa trời, hương trời, anh lạc, trần phan, bảo cái cúng dường Phật, và bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Bồ tát Ma-ha-tát được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, nên sự hồi hướng của các ngài thật là quảng đại. Vì dụng tâm vô sở đắc, dụng vô tướng pháp, vô giác pháp mà hồi hướng thiện căn về Vô Thượng Bồ Đề, nên sự hồi hướng như vậy chẳng đọa về “nhị pháp” vậy.

Chư thiên ở các cõi trời Quang Âm... dẫn đến cõi trời Sắc Cứu Cánh cũng đến cung kính, cúng dường Phật, và bạch Phật những lời tương tự như trên.

Phật dạy Này chư thiên tử! Nếu chúng sanh trong cả đại thiên thế giới đều phát Vô Thượng Bồ Đề tâm; niệm thiện căn của chư Phật và chư Bồ tát ở cả 3 đời; niệm

thiện căn của chư Thanh Văn và chư Bích Chi Phật, từ sơ phát tâm cho đến thời kỳ pháp trụ; niệm thiện căn của hết thấy chúng sanh tu tập bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, giới chúng, định chúng, huệ chúng, giải thoát chúng, giải thoát trí kiến chúng, cùng vô lượng Phật pháp khác; rồi hoà hợp hết thấy các công đức ấy hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, nhưng vẫn còn thủ chấp tướng “đắc hồi hướng”. Lại nếu có thiện nam, thiện nữ phát Vô Thượng Bồ Đề tâm; niệm thiện căn của chư Phật và chư Bồ tát ở cả 3 đời; niệm thiện căn của chư Thanh Văn và chư Bích Chi Phật, từ sơ phát tâm cho đến thời kỳ pháp trụ; niệm thiện căn của hết thấy chúng sanh tu tập bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ... cùng vô lượng Phật pháp khác; rồi hòa hợp hết thấy các công đức ấy hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, nhưng chẳng thủ chấp tướng “đắc hồi hướng”. Thiện nam, thiện nữ này dụng tâm vô sở đắc mà hồi hướng, nên sự hồi hướng như vậy chẳng đọa về “nhị pháp”, vì đây là pháp vô tướng, vô tác, vô chấp, là pháp đệ nhất tối thượng, đệ nhất vi diệu.

Cho nên công đức của thiện nam, thiện nữ này thù thắng hơn công đức của hết thấy các người trước cả trăm ngàn, vạn ức lần... dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể dùng để tính được.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là tùy hỷ tối thượng tối diệu?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu ở nơi quá khứ, hiện tại và vị lai mà thiện nam, thiện nữ chẳng thủ cũng chẳng xả, chẳng niệm cũng chẳng phải chẳng niệm, chẳng đắc cũng chẳng phải chẳng đắc; biết rõ hết thấy pháp đều là chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng

tăng, chẳng giảm, chẳng khứ, chẳng lai, chẳng tập, chẳng tán, chẳng xuất, chẳng nhập; lại biết rõ hết thấy các pháp tướng ở trong cả 3 đời đều là pháp như, pháp tánh, pháp vị, pháp trú, thật tế; biết rõ như vậy mà tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, thì phải biết đây chính là tùy hỷ hồi hướng tối thượng tối diệu vậy.

Này Tu Bồ Đề! Pháp tùy hỷ này thù thắng hơn những pháp tùy hỷ khác cả trăm, ngàn, vạn ức lần... dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể dùng để so sánh được.

Lại nữa, thiện nam thiện nữ nào cầu Phật đạo, mà muốn tùy hỷ thiện căn của chư Phật, chư Bồ tát ở cả 3 đời; tùy hỷ thiện căn của chư Thanh Văn, Bích Chi Phật, từ sơ phát tâm dẫn đến thời kỳ pháp trụ; tùy hỷ thiện căn của hết thấy chúng sanh cùng tùy hỷ vô lượng Phật pháp khác phải tự niệm rằng: Bồ thì, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, và trí huệ đều bình đẳng với giải thoát; sắc... dẫn đến thức đều bình đẳng với giải thoát, nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không đều bình đẳng với giải thoát, 4 Niệm Xứ... dẫn đến 8 Thánh đạo đều bình đẳng với giải thoát; 10 lực... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều bình đẳng với giải thoát; giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến đều bình đẳng với giải thoát; các pháp ở cả 3 đời đều bình đẳng với giải thoát; 10 phương chư Phật, chư Phật diệt độ, chư đệ tử Phật trong cả 3 thừa, tất cả các pháp tướng; thiện căn công đức hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề v.v... đều bình đẳng với giải thoát. Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều là bất sanh, bất diệt.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy gọi là Bồ tát Ma-ha-tát tùy hỷ công đức tối thượng, tối diệu, chẳng có gì sánh bằng được. Bồ tát thành tựu tùy hỷ công đức như vậy sẽ mau được Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có thiện nam, thiện nữ, vì cầu Phật đạo, trọn đời tinh tấn cung kính, cúng dường, tán thán 10 phương chư Phật cùng chư vị đệ tử Phật còn tại thế cũng như đã diệt độ, mà còn chấp có tướng “sở đắc”; dẫn đến tinh tấn tu tập bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, mà còn chấp có tướng “sở đắc”. Lại có thiện nam, thiện nữ, vì cầu Phật đạo, mà dụng tâm “vô sở đắc” tu tập 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến dụng tâm “vô sở đắc” tùy hỷ hồi hướng các thiện căn công đức về Vô Thượng Bồ Đề. Phải biết công đức của thiện nam, thiện nữ vừa nêu sau, thù thắng hơn công đức của thiện nam, thiện nữ trước, cả trăm, ngàn, vạn, ức lần... dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào để so sánh được.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma-ha-tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật, muốn được đầy đủ các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, phải dụng tâm “vô sở đắc” như vậy, mà tùy hỷ các thiện căn công đức, hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

LUẬN:

Bồ tát phải tự niệm rằng: Sắc... dẫn đến thức đều chẳng thuộc 3 cõi, chẳng thuộc 3 đời, chẳng thuộc chư Phật cùng chư đệ tử Phật, chẳng thuộc tâm hồi hướng, pháp hồi hướng, dụng hồi hướng. Do tự niệm như vậy, mà Bồ tát thường tu hạnh xả. Đây là “chánh hồi hướng”. Bồ tát lại phải tự niệm rằng: Nếu sắc ra ngoài 3 cõi, thì chẳng có thể nhiếp thủ sắc được; nếu chẳng nhiếp thủ sắc được, thì cũng chẳng có thể chấp có tướng “sở đắc” mà hồi hướng được. Vì sao? Vì sắc... dẫn đến hết thấy các pháp đều là vô sanh, vô diệt. Đã là vô sanh, vô diệt, thì chẳng thể trú nơi đó để hồi hướng được.

Bồ tát thường tu hạnh xả, chẳng chấp các pháp tướng, chẳng chấp tâm hồi hướng, pháp hồi hướng, dụng hồi hướng,

vì biết rõ hết thảy pháp đều là bất khả đắc, là vô sở hữu. Đây là “chánh hồi hướng”.

Hồi hướng như vậy được ví như món ăn ngon chẳng có xen tạp độc.

Hồi hướng như vậy mới được chư Phật tán thán, mới được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, mới mau được Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, Bồ tát phải tự niệm rằng: Phải như thật biết như chư Phật mà sanh tâm, mà khởi niệm, mà quán tưởng; lại phải như thật biết như chư Phật, mà tùy hỷ các thiện căn công đức, hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát tùy hỷ hồi hướng như vậy mới gọi là Bồ tát Ma-ha-tát như thật tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

Sau khi nghe ngài Tu Bồ Đề dẫn giải như trên, Phật đã tán thán rằng: Lành thay, lành thay, này Tu Bồ Đề! Vì Phật sự, mà ông đã nói về “vô tướng pháp hồi hướng” cho hàng Bồ tát nghe; dạy cho hàng Bồ tát phải dùng “vô tướng trí huệ” hoà hợp các thiện căn công đức, hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

“Vô tướng” có 3 nghĩa. Đó là:

1- Giả danh tướng: Do các duyên hòa hợp mà giả lập có các pháp, có giả danh tướng phân biệt pháp này với pháp khác. Ví như nhà cửa, ruộng, vườn, sông, núi v.v...

Cũng có thể nói chúng sanh, do vô minh che tâm, mà khởi chấp giả danh tướng của các pháp, dẫn đến khởi sanh các phiền não nghiệp.

2- Pháp tướng: Đây là dạng tướng của các pháp. Nếu dùng nhục nhãn mà quán sát các pháp, thì sẽ bị các kiến chấp trôi buộc, ái chấp các pháp tướng, dẫn đến khởi sanh các phiền não nghiệp.

3- Ly pháp tướng: Nếu dùng huệ nhãn mà quán sát các pháp, thì biết rõ các pháp đều là rỗng ráo không, là hư vọng, là chẳng thật có, nên phải xả ly các pháp tướng.

Hành giả phải biết rõ “thật tướng pháp” là vô tướng. Biết như vậy mà chẳng nên chấp tướng “vô tướng” ấy, vì nếu có khởi chấp là có khởi sanh phiền não kiết sử.

Lại nữa, vì “thật tướng pháp” là vô tướng nên là chẳng được, chẳng mất, chẳng xuất, chẳng nhập, chẳng cấu, chẳng tịnh, là tự tướng không, là như pháp tánh thật tế.

Hành giả phải nên dụng pháp như vậy, mà tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì tùy hỷ phước đức như vậy có đại lợi ích cho chúng sanh, dẫn đến có được đại quả báo.

Hỏi: *Thế nào gọi là đại lợi ích?*

Đáp: Ví như khiến chúng sanh trong cả đại thiên thế giới đều hành 10 thiện đạo... dẫn đến đều được 5 thân thông, là đại lợi ích.

Hỏi: *Trước đây thường chỉ nói đến chư thiên ở 2 cõi trời Dục giới, và Phạm Thiên Vương ở cõi Sắc giới đến nghe pháp. Nay vì sao nói chư thiên ở các cõi trời khác cũng đến nghe pháp?*

Đáp: Hai cõi trời Dục giới y chỉ nơi quả đất, nên chư thiên ở các cõi trời này có thiện duyên được gần Phật hơn chư thiên ở các cõi trời khác. Do vậy mà khi Phật đản sanh, tu khổ hạnh, hàng phục chúng ma, thành đạo, chuyển pháp luân v.v... đều có chư thiên ở hai cõi trời này, nhiều phen, đến cung kính, cúng dường, Còn chư thiên ở các cõi trời khác thường hay đăm chấp dục lạc, nên chẳng thường đến với Phật.

-o0o-

Trong kinh nói chư thiên ở cõi trời Đâu Suất có lợi căn, thường ưa nghe pháp, Nhưng vì thường được các vị Bồ Xứ Bồ tát đến nơi đây thuyết pháp, nên chư thiên ở cõi trời này cũng ít đến nghe Phật thuyết pháp.

Trong kinh cũng nói đến Phạm Thiên Vương, tuy ở cõi trời Sắc giới rất xa quả đất, nhưng vì đã ly dục, nên ưa nghe pháp, thường vẫn đến nghe Phật thuyết pháp. Vì Phạm Thiên Vương là Thiên chủ cõi Sắc giới, lại cũng thường thỉnh Phật thuyết pháp, nên khi thấy Phạm Thiên Vương đến nghe Phật thuyết pháp, thì chư thiên ở các cõi trời khác cũng đến theo.

Hỏi: Trước đây đã nói nhiều về “chánh hồi hướng” rồi. Nay vì sao còn nói thêm nữa?

Đáp: Trước đây nói tổng quát. Nay nói riêng về trường hợp Bồ tát Ma-ha-tát tùy hỷ phước đức, hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, vì đã như thật biết hết thấy trong 3 đời và khắp 10 phương đều là chẳng sanh, chẳng diệt, nên đều là chẳng thể được (bất khả đắc). Chẳng thể niệm (bất khả niệm).

Do vì biết rõ các pháp đều chẳng thể đắc, chẳng thể niệm, chẳng thể thủ, chẳng thể xả, mà Bồ tát Ma-ha-tát vào được nơi thật tướng pháp, niệm thật tướng pháp. Do niệm như vậy

mà khi tùy hỷ hồi hướng phước đức về Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát Ma-ha-tát chẳng có vọng khởi phân biệt các pháp, chẳng có hoại các pháp.

Tùy hỷ hồi hướng như vậy mới gọi là “chánh tùy hỷ hồi hướng”, mới thật là tối thượng, tối diệu, mới mau được Vô Thượng Bồ Đề.

Hỏi: *Vì sao nói 6 pháp Ba-la-mật cùng hết thảy các pháp đều bình đẳng? Vì sao nói sắc tướng và vô sắc tướng bình đẳng với giải thoát? Đã nói có “hữu vi giải thoát” và “vô vi giải thoát”, thì làm sao nói đến “bình đẳng giải thoát” được?*

Đáp: Trước đây nói đến phàm phu dùng nhục nhãn, y theo 6 thức điên đảo, mà quán các pháp, nên thấy có pháp tướng. Bồ tát dùng huệ nhãn quán các pháp, nên thấy các pháp tướng đều là hư vọng, chẳng thật có. Do vậy mà vào được nơi thật tướng pháp.

Thật tướng pháp là vô tướng, là Niết bàn tướng.

Người tu, khi vào được “như thật đạo” rồi là vào được Vô Du Niết bàn, là minh liễu được các pháp đều là chẳng sanh cũng chẳng diệt, chẳng xuất cũng chẳng nhập, chẳng cấu cũng chẳng tịnh, chẳng phải có cũng chẳng phải không, chẳng thường cũng chẳng phải vô thường, Vì sao? Vì hết thảy các pháp tướng đều thường tịch diệt, nên chẳng có thể dùng tâm thức để suy lường, chẳng có thể dùng ngôn ngữ để diễn bày được, Bởi vậy nên nói pháp là chẳng phải pháp (phi pháp), mà cũng chẳng phải chẳng phải pháp (phi phi pháp).

Hết thảy pháp đều là vô sở hữu, đều bình đẳng ở nơi tướng dụng, nên nói “sắc tướng” cùng “vô sắc tướng” bình đẳng với giải thoát; nói 6 pháp Ba-la-mật cùng hết thảy pháp bình đẳng với giải thoát. Đây là dùng huệ nhãn mà thấy được như vậy.

Nên biết “giải thoát” là huệ đức cao quý bậc nhất trong Phật pháp.

-o0o-

Nói về tùy hỷ hồi hướng công đức, ở đoạn kinh trên đây có nêu lên hai trường hợp. Đó là

- Người đã hành 6 pháp Ba-la-mật, đã tu tập các thiện căn trong vô lượng kiếp, mà còn dụng tâm “hữu sở đắc” tùy hỷ hồi hướng công đức về Vô Thượng Bồ Đề.

- Người chỉ niệm công đức của người khác, rồi dụng tâm “vô sở đắc” tùy hỷ hồi hướng công đức ấy về Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu đem so sánh, thì người sau có công đức thù thắng hơn người trước rất nhiều. Vì sao? Vì công đức có đắc (hữu đắc) là công đức có hạn lượng (hữu lượng); mà đã là có hạn lượng (hữu lượng), thì cũng là có tận diệt (hữu tận). Trái lại, công đức chẳng có đắc (vô đắc), là công đức chẳng có hạn lượng (vô lượng); mà đã là chẳng có hạn lượng, thì chẳng có tận diệt (vô tận).

Tùy hỷ hồi hướng như trường hợp một ví như món ăn có xen tạp độc. Còn tùy hỷ hồi hướng như trường hợp hai ví như món ăn chẳng có tạp độc.

Người tu theo trường hợp một còn tùy thuộc sanh tử, chưa phận định sẽ thành Phật đạo, hoặc thối chuyển. Còn người tu theo trường hợp hai là tùy Niết bàn, quyết định sẽ thành Phật đạo.

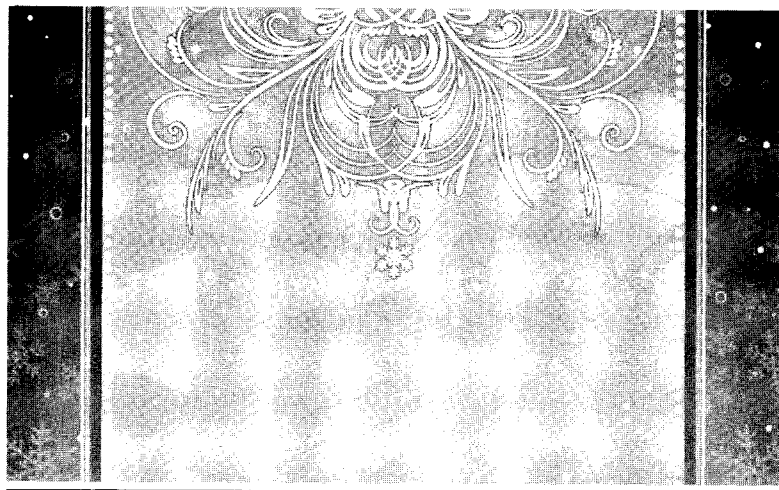
Sở dĩ có sự sai khác như vậy vì có những hạng người tu mà còn dụng tâm hữu sở đắc. Đó là:

- Trong hàng trời, người, đa số còn cầu dục lạc.
- Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật còn cầu Niết bàn lạc.

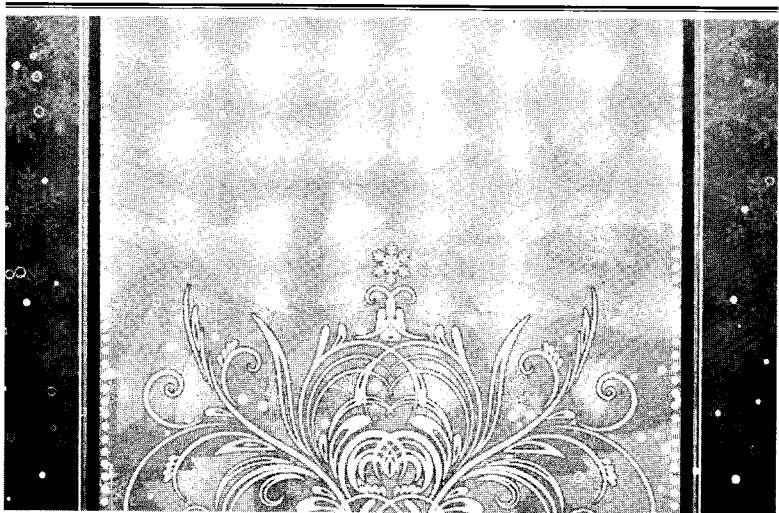
Trái lại, hàng Bồ tát chỉ cầu giải thoát, nên khi tùy hỷ phước đức hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát chẳng trú nơi các pháp tướng.

Chỉ có tùy hỷ hồi hướng như vậy mới gọi là “chánh tùy hỷ hồi hướng”.

(Hết quyển 61)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 62



Phẩm Thứ Bốn Mười



Chiếu Minh
(Chiếu sáng)

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đây là Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Đây chính là Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật rất tôn quý, rốt ráo thanh tịnh, thường chiếu minh hết thấy các pháp.

Bạch Thế Tôn! Nên cung kính, đánh lễ Bát nhã Ba-la-mật. Vì:

- Bát nhã Ba-la-mật chẳng dính mắc vào 3 cõi.
- Bát nhã Ba-la-mật tận trừ hết thấy các vô minh phiền não, cùng hết thấy các kiến chấp.
- Bát nhã Ba-la-mật là pháp tối thượng trong tất cả các pháp trợ đạo, tận đoạn hết thấy các sợ hãi, khổ não, và đem lại sự an lạc.
- Bát nhã Ba-la-mật thường chiếu diệu quang minh, và trang nghiêm 5 nhãn.
- Bát nhã Ba-la-mật dẫn dắt chúng sanh ra khỏi tà kiến, xa lìa chấp “nhị biên”.

- Bát nhã Ba-la-mật là Nhất thiết chủng trí, đoạn trừ hết thấy các tập khí phiền não.

- Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật và chư đại Bồ tát.

- Từ trong Bát nhã Ba-la-mật, xuất sanh hết thấy pháp.

- Bát nhã Ba-la-mật chẳng sanh, chẳng diệt, vì là tự tướng không.

- Bát nhã Ba-la-mật xả ly sanh tử, nên là chẳng phải thường chẳng phải đoạn.

Bạch Thế Tôn! Người được Bát nhã Ba-la-mật rồi chẳng cần ai cứu độ, mà tự mình hộ niệm cho mình, hộ niệm cho chúng sanh; lại còn đem các cửa báu phân bố cho chúng sanh. Vì:

- Bát nhã Ba-la-mật có đầy đủ các lực phương tiện, chẳng có gì phá hoại được.

- Bát nhã Ba-la-mật thường chuyển 12 hạnh pháp luân, khiến nơi hết thấy pháp chẳng hoại, chẳng thối.

- Bát nhã Ba-la-mật khai thị pháp tánh; dù là hữu pháp hay là vô pháp đều là tự tánh không cả.

Bạch Thế Tôn! Bởi nhân duyên vậy, nên phải cung kính, đánh lễ Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phất! Phải nên cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật như cung kính, cúng dường chư Phật. Vì:

- Bát nhã Ba-la-mật chẳng khác Phật; Phật chẳng khác Bát nhã Ba-la-mật. Bát nhã Ba-la-mật tức là Phật; Phật tức là Bát nhã Ba-la-mật.

- Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra chư Phật, chư Bồ tát, chư Bích Chi Phật, chư A-la-hán, chư A-na-hàm, chư Tu-đà-hàm, chư Tu-đà-hoàn.

- Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra 10 thiện đạo, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 5 thần thông.

- Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 10 lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi... dẫn đến Nhất thiết chủng trí.

- Lúc bấy giờ, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn, suy nghĩ về các lời trên, bèn nêu lên câu hỏi: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Vì sao ngài lại nêu ý kiến về vấn đề này?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Do vì chư đại Bồ tát, được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, đã dùng các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật để hoà hợp hết thảy các thiện căn của chư Phật trong 3 đời, từ sơ phát tâm... dẫn đến thời kỳ pháp trụ, rồi tùy hỷ hết thảy các thiện căn công đức đó mà hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Bởi nhân duyên vậy, nên tôi mới nói và thưa hỏi Phật về vấn đề nêu trên.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật được công đức thù thắng hơn hành 5 Ba-la-mật kia.

Ví như người mới sanh ra đời đã bị mù loà, tự mình chẳng thể đi vào thành được, nếu chẳng có người sáng mắt dẫn đường.

Cũng như vậy, 5 Ba-la-mật kia, nếu chẳng được Bát nhã Ba-la-mật dẫn đường, thì chẳng có thể đến được Nhất thiết chủng trí.

Trái lại, nếu được Bát nhã Ba-la-mật dẫn đường, thì 5

Ba-la-mật kia mới có được đầy đủ các lực công đức, mới xứng đáng được gọi là Ba-la-mật.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Như lời ngài vừa nói, thì 5 Ba-la-mật kia phải được Bát nhã Ba-la-mật dẫn đường, mới xứng đáng được gọi là Ba-la-mật chăng?

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Nếu chẳng có 5 Ba-la-mật kia, thì Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng được gọi là Ba-la-mật. Như vậy, vì sao chỉ riêng tán thán Bát nhã Ba-la-mật mà thôi?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Đúng như lời ngài nói, nếu chẳng có 5 Ba-la-mật kia, thì cũng chẳng có Bát nhã Ba-la-mật. Thế nhưng, có Bát nhã Ba-la-mật thì mới được đầy đủ 6 Ba-la-mật. Bởi vậy nên Bát nhã Ba-la-mật là tối thượng vi diệu đệ nhất.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật sanh?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Sắc... dẫn đến thức chẳng sanh, nên Bát nhã Ba-la-mật sanh. Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Thiền Ba-la-mật chẳng sanh, nên Bát nhã Ba-la-mật sanh. Nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không chẳng sanh, nên Bát nhã Ba-la-mật sanh. 4 niệm xứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng sanh, nên Bát nhã Ba-la-mật sanh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là sắc... dẫn đến hết thấy các pháp chẳng sanh, nên Bát nhã Ba-la-mật sanh?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Sắc chẳng sanh... dẫn đến hết thấy các pháp chẳng sanh, nên Bát nhã Ba-la-mật sanh.

Lại nữa, sắc chẳng khởi, chẳng sanh, chẳng được, chẳng mất... dẫn đến hết thấy các pháp chẳng khởi, chẳng sanh, chẳng được, chẳng mất, nên Bát nhã Ba-la-mật sanh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy, Bát nhã Ba-la-mật sanh sẽ hợp với pháp nào?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Bát nhã Ba-la-mật chẳng cùng hợp với các pháp thiện, chẳng cùng hợp với các pháp bất thiện, chẳng cùng hợp với các pháp xuất thế gian, chẳng cùng hợp với các pháp thế gian, chẳng cùng hợp với các pháp hữu vi, chẳng cùng hợp với các pháp vô vi, chẳng cùng hợp với các pháp hữu lậu, chẳng cùng hợp với các pháp vô lậu. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật, do chẳng đắc hết thấy các pháp mà sanh.

Bởi vậy nên Bát nhã Ba-la-mật chẳng cùng hợp với các pháp.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy thì Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng có hợp với Nhất thiết chủng trí chăng?

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Đúng như vậy. Bát nhã Ba-la-mật chẳng hợp với Nhất thiết chủng trí, và cũng chẳng đắc Nhất thiết chủng trí.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bát nhã Ba-la-mật chẳng hợp với Nhất thiết chủng trí, và chẳng đắc Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba-la-mật chẳng như danh tự, chẳng như tướng, chẳng như pháp, mà hợp.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy thì hợp như thế nào?

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Nếu Bồ tát y chỗ chẳng thủ, chẳng thọ, chẳng trú, chẳng dính mắc, chẳng đoạn mà hợp, thì như vậy là “vô sở hợp”, là chẳng có chỗ hợp vậy.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thật là chưa từng có! Vì hết thấy các pháp chẳng sanh, chẳng khởi, chẳng được, chẳng mất, nên Bát nhã Ba-la-mật sanh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát nào hành Bát nhã Ba-la-mật, mà nghĩ rằng Bát nhã Ba-la-mật hợp với hết thấy các pháp, và cũng chẳng hợp với hết thấy các pháp, thì vị Bồ tát đó đã xả Bát nhã Ba-la-mật, đã viễn ly Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có nhân duyên khiến Bồ tát xả Bát nhã Ba-la-mật, viễn ly Bát nhã Ba-la-mật. Ví như Bồ tát khởi niệm rằng Bát nhã Ba-la-mật là vô sở hữu, là như hư không, là chẳng kiên cố. Do vậy mà Bồ tát xả Bát nhã Ba-la-mật, viễn ly Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tin Bát nhã Ba-la-mật là chẳng tin pháp nào khác chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tin Bát nhã Ba-la-mật là chẳng tin sắc ... dẫn đến thức; chẳng tin nhãn... dẫn đến ý; chẳng sắc... dẫn đến pháp; chẳng tin Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Thiền Ba-la-mật; chẳng tin nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, chẳng tin 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo; chẳng tin 10 lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp; chẳng tin 4 quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo, Bồ tát đạo... dẫn đến chẳng tin Vô Thượng Bồ Đề, Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao tin

Bát nhã Ba-la-mật là chẳng tin 5 ám... dẫn đến chẳng tin Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Vì 5 ám... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là bất khả đắc nên tin Bát nhã Ba-la-mật là chẳng tin 5 ám... dẫn đến chẳng tin Nhất thiết chủng trí.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói tin Bát nhã Ba-la-mật là chẳng tin 5 ám... dẫn đến chẳng tin Nhất thiết chủng trí.

LUẬN:

Trên đây, đức Phật cùng các ngài Di Lặc, Thích Đề Hoàn Nhơn và Tu Bồ Đề đồng nói lên nghĩa “tùy hỷ hồi hướng”. Ngài Xá Lợi Phất im lặng lắng nghe nghĩa thậm thâm, vi diệu của Bát nhã Ba-la-mật, làm lợi ích cho chúng sanh. Mặc dù ngài đã lậu tận, tâm thường tịch tịnh, nhưng ngài cũng phát sanh hoan hỷ, từ tòa đứng dậy, chấp tay và bạch Phật rằng: Tùy hỷ như vậy có công năng đoạn được các hỷ luận, làm lợi ích cho vô lượng vô biên chúng sanh, khiến họ vào được Phật đạo. Tùy hỷ như vậy là hành Bát nhã Ba-la-mật rồi vậy. Phật ân chứng lời nói của ngài Xá Lợi Phất, và dạy: “Bát nhã Ba-la-mật nghĩa” là thật tướng pháp, chẳng cầu nhiễm, chẳng hỷ luận, nên là rốt ráo thanh tịnh, khắp chiếu hết thấy các pháp tạng trong cả 3 đời, là vô vi, chẳng thể thuyết ra được (bất khả thuyết).

Ngài Xá Lợi Phất lại bạch Phật: Bát nhã Ba-la-mật thường chiếu minh hết thấy các pháp, là rốt ráo thanh tịnh, thường thủ hộ Bồ tát, thường cứu thoát chúng sanh ra khỏi khổ nạn, thường thỏa mãn đầy đủ các tâm nguyện của chúng sanh. Bởi vậy nên Bát nhã Ba-la-mật được chúng sanh trong khắp cả 3 cõi thường cung kính, lễ bái.

Lại nữa, ở trong vũng bùn 3 độc, mà Bát nhã Ba-la-mật

chẳng bị ô nhiễm, chẳng dính mắc vào 3 cõi, phá sạch ái kiến, 108 phiền não cùng 62 tà kiến chấp.

Tóm lại, Bát nhã Ba-la-mật có công năng phá sạch vô minh, si ám; Bát nhã Ba-la-mật là trí huệ tối thượng, vi diệu đệ nhất.

-o0o-

Bát nhã Ba-la-mật là pháp tối thượng trong tất cả các pháp trợ đạo, có thể lực đoạn dứt các khổ “sanh, già, bệnh, chết”, đoạn hết thấy các sợ hãi, khổ não, và đem lại sự an lạc cho chúng sanh. Vì sao? Vì trí huệ Bát nhã Ba-la-mật giúp hành giả phân biệt, liễu nghĩa được 37 Phẩm Trợ Đạo.

Bát nhã Ba-la-mật thường chiếu diệu quang minh, Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật nhiếp cả 5 nhãn.

Bát nhã Ba-la-mật khai thị Thánh đạo. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật đưa chúng sanh ra khỏi các tà kiến, xa lìa chấp “nhị biên”.

Bát nhã Ba-la-mật là Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật đoạn trừ hết thấy các tập khí phiền não. Bồ tát an trú trong “Kim cang Tam muội”, dùng các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật tận đoạn hết thấy các tập khí. Bồ tát an trú trong “Kim cang Tam muội”, dùng các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật tận đoạn hết thấy phiền não và tập khí, được vô ngại giải thoát, thành tựu Nhất thiết chủng trí. Lại nữa, Bồ tát do tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà phân biệt rõ tổng tướng và biệt tướng của các pháp, nên nói Bát nhã Ba-la-mật là nhân dẫn sanh Nhất thiết chủng trí.

Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của 3 đời 10 phương chư Phật. Vì sao? Vì chư Phật, do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà thành

bậc Vô Thượng Chánh Giác. Cũng từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh vô lượng Phật pháp.

Bát nhã Ba-la-mật chẳng sanh, chẳng biết, vì là tự tướng không. Hết thấy các pháp, ở nơi thật tướng, cũng đều là chẳng sanh, chẳng diệt, vì đều là tự tánh không cả.

Nếu chẳng tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà khởi chấp đoạn hay chấp thường, thì sẽ dẫn sanh ra các kiến chấp, các kiết sử, dẫn sanh các ưu bi khổ não.

Nếu tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì sẽ đoạn trừ được các kiến chấp, cùng các kiết sử phiền não, dẫn đến sẽ được thoát ly sanh tử.

Do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà có được lòng tin bất hoại nơi Tam Bảo, được đầy đủ các thiện pháp thế gian và xuất thế gian, và có đầy đủ các lực phương tiện nhằm dẫn dắt chúng sanh tu tập, khiến họ cũng được hai pháp lạc ấy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói người được Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì chẳng cần ai cứu độ mà tự mình có thể tự hộ niệm cho chính mình, và hộ niệm cho chúng sanh. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là tự tánh không. Khi đã được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật rồi là vào được nơi thật tướng của các pháp, là biết rõ được các pháp chẳng chuyển, chẳng diệt.

Do vậy mà chẳng còn khởi chấp đoạn hay chấp thường, chẳng còn khởi chấp “có” hay chấp “không”, vì ở nơi pháp tánh, thì hữu pháp hay vô pháp cũng đều là tự tánh không cả.

Hỏi: *Có rất nhiều nhân duyên để tán thán Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy vì sao chỉ rộng nói Bát nhã Ba-la-mật là “vô tướng tướng”?*

Đáp: Người tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà chưa được

thuần phục, thì thường hay câu “định tướng”. Hạng người này chẳng biết Bát nhã Ba-la-mật là “vô tướng tướng”, nên thường sanh tâm kiêu mạn.

Bởi nhân duyên vậy, nên ngài Xá Lợi Phất mới nêu lên lý do nhằm khuyên chúng sanh phải nên cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.

Cũng vì vậy mà Phật dạy: Phải cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật như cung kính, cúng dường Phật.

Đây là đối với hạng người căn trí cạn mỏng, đã từ lâu thâm chấp chúng sanh tướng, chưa thâm hiểu Phật pháp, nên Phật mới dạy như trên đây. Còn đối với hạng người căn trí thông lợi, thì Phật dạy: phải xem Bát nhã Ba-la-mật chẳng khác Phật, Phật chẳng khác Bát nhã Ba-la-mật; Bát nhã Ba-la-mật tức là Phật, Phật tức là Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì do tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà được Nhất thiết chủng trí vậy.

Nhân đây, Phật cũng dạy: Từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh hết thảy thiện pháp thế gian và xuất thế gian... dẫn đến xuất sanh Nhất thiết chủng trí.

Sau khi nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật là “vô tướng tướng”, vị Đệ Thích tự niệm rằng: Ngài Xá Lợi Phất đã lậu tận, đã ly dục, mà nay tán thán Bát nhã Ba-la-mật là pháp hộ trì Bồ tát, lại nói phải dùng các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật tùy hỷ hồi hướng phước đức về Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng phá pháp tướng, Thật là chưa từng có. Như vậy, ta phải cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Vì sao nói thế lực Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn 5 Ba-la-mật kia? Vì sao nói nếu chẳng có Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo, thì 5 Ba-la-mật kia cũng chỉ ví như người mù?

Đáp: Chẳng luận phải nhiều mới có được thể lực lớn. Cả 5 Ba-la-mật kia hợp lại, tuy có nhiều thể lực, nhưng chẳng sao bằng được thể lực của Bát nhã Ba-la-mật.

Nếu chẳng có Bát nhã Ba-la-mật, thì 5 Ba-la-mật kia chẳng thể xứng đáng được gọi là Ba-la-mật. Tất cả 5 Ba-la-mật kia đều phải được Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo, soi sáng vậy.

Hỏi: *Vì sao trong kinh cũng có dụ Đàn Ba-la-mật như con mắt sáng?*

Đáp: Vì có người tin có tội phước, tin rằng tu phước có thể phá được vô minh tà kiến, nên đã hành bố thí. Do vậy mới dụ Đàn Ba-la-mật như con mắt sáng.

Thế nhưng, khi thật hành việc bố thí, hành giả phải được trí huệ soi sáng, phải hòa hợp bố thí với trí huệ, thì bố thí mới đầy đủ ý nghĩa, dẫn đến mới xứng đáng được gọi là Đàn Ba-la-mật. Mặc dù bố thí là chủ, trí huệ chỉ là khách, nhưng khách chủ chẳng rời nhau.

Bố thí có sự soi sáng của trí huệ Bát nhã Ba-la-mật như vậy mới xứng đáng được gọi là con mắt sáng.

Ví như 4 đại hòa hợp, chẳng rời nhau. Các Ba-la-mật cũng hòa hợp, chẳng rời nhau như vậy. Nếu các Ba-la-mật chẳng hòa hợp với nhau, thì chẳng sao thành tựu được Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, ví như người mù, tuy có đôi chân vững chắc, tuy có đầy đủ sức lực, đầy đủ ý chí, nhưng nếu chẳng nhờ người dẫn đường, thì chẳng sao vào thành được. 5 Ba-la-mật kia cũng là như vậy. Tuy mỗi Ba-la-mật đều có thể lực riêng, nhưng nếu chẳng được Bát nhã Ba-la-mật soi sáng dẫn đường, thì đến quả vị Nhị thừa còn chẳng được, huống nữa là được Vô Thượng Bồ Đề.

Bởi vậy nên nói 5 Ba-la-mật kia phải được Bát nhã Ba-la-mật dẫn đường, mới được gọi là Ba-la-mật, dẫn đến mới vào được Phật đạo.

Hỏi: *Vị Đế Thích nói với ngài Xá Lợi Phất rằng Bát nhã Ba-la-mật cũng phải nương 5 Ba-la-mật kia. Sao lại chỉ tán thán Bát nhã Ba-la-mật mà thôi? Nói như vậy có đúng chăng?*

Đáp: Tuy rằng 6 Ba-la-mật phải hòa hợp với nhau, tương trợ nhau, chẳng rời nhau, nhưng Bát nhã Ba-la-mật giữ vai trò lãnh đạo. Bát nhã Ba-la-mật có thể lực lớn nhất, nên 5 Ba-la-mật kia đều phải nương theo sự chỉ đạo của Bát nhã Ba-la-mật. Do được Bát nhã Ba-la-mật chỉ đạo, mà 5 Ba-la-mật kia mới được mang danh tự Ba-la-mật. Ví như đại quân nhờ được vị tướng giỏi, mà được danh thơm lây vậy.

Hỏi: *Thế nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật sanh?*

Đáp: Như trong kinh đã nói: Sắc chẳng sanh... dẫn đến hết thấy pháp chẳng sanh, nên Bát nhã Ba-la-mật sanh.

Hỏi: *Vì sao nói sắc chẳng sanh... dẫn đến nói hết thấy các pháp chẳng sanh, nên Bát nhã Ba-la-mật sanh?*

Đáp: Vì sắc do các duyên hòa hợp mà có... dẫn đến vì hết thấy các pháp đều do các duyên hòa hợp mà có. Hành giả biết rõ sắc... dẫn đến biết rõ hết thấy các pháp đều chẳng khởi, chẳng sanh, chẳng được, chẳng mất, đều là là hư vọng, chẳng thật có. Biết như vậy là Bát nhã Ba-la-mật sanh.

Hỏi: *Bát nhã Ba-la-mật là vô sanh, thì duyên cũng là vô sanh. Như vậy Bát nhã Ba-la-mật hợp với pháp nào, trú ở đâu, và được quả báo gì?*

Đáp: Bát nhã Ba-la-mật là “vô sanh tướng”, nên chẳng có chỗ hợp, tức là “vô sở hợp” vậy.

Nếu Bát nhã Ba-la-mật có pháp để hợp, thì ắt phải hợp với các pháp thiện hoặc với các pháp bất thiện; như vậy là chẳng phải Bát nhã Ba-la-mật nữa. Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng hợp với hết thảy pháp, nên mới dung nhiếp hết thảy.

Hỏi: *Vị Đệ Thích đã biết Bát nhã Ba-la-mật chẳng hợp với hết thảy các pháp rồi, vì sao ngài còn hỏi: Bát nhã Ba-la-mật có hợp với Nhất thiết chủng trí chăng?*

Đáp: Vị Đệ Thích tôn trọng Bát nhã Ba-la-mật, nên mới hỏi: Bát nhã Ba-la-mật có hợp với Nhất thiết chủng trí chăng.

Phật dạy: Bát nhã Ba-la-mật là “vô sanh pháp”, nên chẳng có chỗ hợp. Rồi nhằm phá các tà kiến, Phật dạy: Nếu Bát nhã Ba-la-mật có hợp với Nhất thiết chủng trí, thì đó là y Phật tâm mà hợp. Chẳng phải như phàm phu chấp có tướng, có danh, có tác, có khởi... ở nơi các pháp hữu vi vậy.

Hỏi: *Thế nào gọi là “y như Phật tâm mà hợp”?*

Đáp: “Y như Phật tâm mà hợp” có nghĩa là:

- Biết rõ hết thảy pháp tướng đều là hư vọng, nên chẳng có chấp tướng.

- Biết rõ nếu ở nơi các pháp mà khởi chấp “có” hay chấp “không” đều là lầm lỗi, nên chẳng thọ các pháp.

- Biết rõ các quả báo ở thế gian đều là điên đảo, đều như mộng, như huyễn, chẳng thật có, nên chẳng chấp pháp, chẳng sanh cao tâm, vào được nơi rốt ráo không, nơi thật tướng pháp, thâm nhập đại từ đại bi, phát đại nguyện rộng độ hết thảy chúng sanh.

Bồ tát biết rõ như vậy mà hợp với các pháp, mới gọi là “y như Phật tâm mà hợp”.

-oOo-

Vị Đế Thích tán thán: Thật là chưa từng có! Vì hết thấy các pháp chẳng khởi, chẳng sanh, chẳng được, chẳng mất, nên Bát nhã Ba-la-mật sanh, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy sẽ mau thành Phật đạo.

Ngài Tu Bồ Đề nói tiếp: Bồ tát nào dụng tâm hữu sở đắc, mà phân biệt Nhất thiết chủng trí cùng hết thấy các pháp là hợp hay chẳng hợp, thì vị Bồ tát ấy đã xa rời Bát nhã Ba-la-mật.

Phật ẩn chứng lời ngài Tu Bồ Đề, và dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Có nhân duyên khiến Bồ tát xa rời Bát nhã Ba-la-mật, như khởi niệm rằng Bát nhã Ba-la-mật là vô sở hữu, là như hư không, là chẳng kiên cố, nên xa rời Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là tướng bất khả đắc, nên lại bạch Phật: Tin Bát nhã Ba-la-mật là chẳng tin pháp nào khác chăng?

Phật dạy: Tin Bát nhã Ba-la-mật là chẳng tin sắc... dẫn đến chẳng tin hết thấy các pháp. Vì sao? Vì sắc... dẫn đến hết thấy các pháp đều là bất khả đắc, nên là bất khả tín vậy.

-oOo-

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật gọi là Ma ha Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì nhân duyên gì mà ông gọi Bát nhã Ba-la-mật là Ma ha Bát nhã Ba-la-mật?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Vì:

**- Bát nhã Ba-la-mật chẳng làm cho sắc lớn hay nhỏ...
dẫn đến chẳng làm cho Phật lớn hay nhỏ.**

**- Bát nhã Ba-la-mật chẳng làm cho sắc hợp hay tan...
dẫn đến chẳng làm cho Phật hợp hay tan.**

**- Bát nhã Ba-la-mật chẳng làm cho sắc vô lượng hay
chẳng phải vô lượng... dẫn đến chẳng làm cho Phật vô
lượng hay chẳng phải vô lượng.**

**- Bát nhã Ba-la-mật chẳng làm cho sắc rộng hay hẹp...
dẫn đến chẳng làm cho Phật rộng hay hẹp.**

**- Bát nhã Ba-la-mật chẳng làm cho sắc có lực hay
chẳng có lực... dẫn đến chẳng làm cho Phật có lực hay
chẳng có lực.**

**Bạch Thế Tôn! Bởi nhân duyên vậy, nên Bát nhã Ba-
la-mật được gọi là Ma ha Bát nhã Ba-la-mật.**

**Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát sơ phát tâm mà chẳng ly
Bát nhã Ba-la-mật, chẳng ly 5 Ba-la-mật kia, lại dụng tâm
vô sở đắc hành Bát nhã Ba-la-mật, thì Bồ tát ấy chẳng
làm cho sắc... dẫn đến chẳng làm cho Phật lớn hay nhỏ,
hợp hay tan, vô lượng hay chẳng phải vô lượng, rộng hay
hẹp, có lực hay chẳng có lực.**

**Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, phải biết như vậy,
vì Bát nhã Ba-la-mật là chẳng có tướng (phi tướng) là vô
sở đắc vậy.**

**Trái lại, nếu Bồ tát dụng tâm sở hữu đắc mà hành
Bát nhã Ba-la-mật, thì sẽ làm cho sắc... dẫn đến Phật lớn
hay nhỏ, hợp hay tan, vô lượng hay chẳng phải vô lượng,
rộng hay hẹp, có lực hay chẳng có lực.**

Bồ tát dụng tâm hữu sở đắc hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy là có lỗi lớn, là còn chấp tướng, nên chẳng sao có thể đến được Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì:

- Chúng sanh là bất sanh (chẳng sanh), sắc là bất sanh... dẫn đến Phật là bất sanh, nên Bát nhã Ba-la-mật là bất sanh.

- Chúng sanh là tánh không, sắc là tánh không... dẫn đến Phật là tánh không, nên Bát nhã Ba-la-mật là tánh không.

- Chúng sanh là phi pháp (chẳng phải pháp), sắc là phi pháp ... dẫn đến Phật là phi pháp, nên Bát nhã Ba-la-mật là phi pháp.

- Chúng sanh là không, sắc là không... dẫn đến Phật là không, nên Bát nhã Ba-la-mật là không.

- Chúng sanh là ly, sắc là ly... dẫn đến Phật là ly, nên Bát nhã Ba-la-mật là ly.

- Chúng sanh là chẳng phải có, sắc là chẳng phải có... dẫn đến Phật là chẳng phải có, nên Bát nhã Ba-la-mật là chẳng phải có.

- Chúng sanh là bất khả tư nghi (chẳng thể nghĩ bàn), sắc là bất khả tư nghi... dẫn đến Phật là bất khả tư nghi, nên Bát nhã Ba-la-mật là bất khả tư nghi.

- Chúng sanh là bất diệt (chẳng diệt), sắc là bất diệt... dẫn đến Phật là bất diệt, nên Bát nhã Ba-la-mật là bất diệt.

- Chúng sanh là bất khả tri (chẳng thể biết được), sắc là bất khả tri... dẫn đến Phật là bất khả tri, nên Bát nhã Ba-la-mật là bất khả tri.

- Chúng sanh là bất thành tựu (chẳng thể thành tựu), sắc là bất thành tựu... dẫn đến Phật là bất thành tựu, nên Bát nhã Ba-la-mật là bất thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Bởi nhân duyên vậy, nên Bát nhã Ba-la-mật được gọi là Ma ha Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Ngài Tu Bồ Đề nghe lời Phật dạy giải được nghi tâm, nên tán thán Bát nhã Ba-la-mật là Ma ha Bát nhã Ba-la-mật.

Phật hỏi lại ngài Tu Bồ Đề: Vì nguyên nhân gì mà ông gọi Bát nhã Ba-la-mật là Ma ha Bát nhã Ba-la-mật?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng làm cho sắc... dẫn đến chẳng làm cho Phật lớn hay nhỏ, hợp hay tan, vô lượng hay chẳng phải vô lượng, rộng hay hẹp, có lực hay chẳng có lực.

-o0o-

Phát biểu như trên, ngài Tu Bồ Đề dụng ý nói rằng: “Tất cả đều do tâm tạo” ra cả.

Ví như người đang phải lo việc gấp, thì tâm hầu như bị thu hẹp lại; còn người giàu có, an nhàn, thì tâm như được mở rộng ra.

Ví như người tu, khi vào 8 bối xả, thì thấy ngoại sắc lớn hay nhỏ tùy theo tâm quán.

Lại ví như phạm phu khi mắt thấy sắc rồi, thì ở nơi chẳng có sắc cũng nghĩ là có sắc; ví như chúng sanh, tùy theo nghiệp lực, tùy theo ngoại cảnh, mà nói có một hay nhiều sắc pháp khác nhau.

Lại nữa, khi tâm duyên sắc, thì có danh sắc, khiến phân biệt được các đại, cùng hết thấy các sắc pháp. Phạm phu thấy có hình, có sắc, có phương phận v.v... Thế nhưng danh sắc chẳng thể phân biệt được nên danh sắc chẳng thể gọi là sắc được.

-o0o-

Có thuyết cho rằng “thô sắc” là hư vọng, chẳng phải là “chân sắc”; chỉ có vi trần mới gọi là chân sắc. Do nhiều vi trần hợp lại, mà giả danh có sắc vậy thôi. Phạm phu chấp “giả danh sắc”, rồi phân biệt có lớn, có nhỏ, khác nhau.

Người tu tập Bát nhã Ba-la-mật biết rõ thật tánh của sắc; mà ở nơi thật tánh, thì chẳng có lớn, chẳng có nhỏ, vì các pháp đều chẳng phải tập, chẳng phải tán.

Người tu tập Bát nhã Ba-la-mật biết rõ sắc chẳng tập, chẳng tán, chẳng phải sắc tập do các vi trần hòa hợp tạo thành, chẳng phải sắc tán trở lại thành vi trần. Vì sao? Vì sắc chỉ là giả danh, chẳng có định tướng, chẳng có đối, chẳng có hình, chẳng có lớn hay nhỏ, chẳng phải vô lượng hay chẳng phải chẳng vô lượng, chẳng có rộng hay hẹp, chẳng có lực hay chẳng phải chẳng có lực. Vì sao?

Vi:

- Phạm phu, do chẳng tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nên mới khởi phân biệt, trừ lượng có nhiều, có ít; khi chấp “không”, thì nói sắc là vô lượng; khi chấp “có”, thì nói sắc là hữu lượng. Còn người tu tập Bát nhã Ba-la-mật xả ly “không” và “có”, nên nói sắc là chẳng phải vô lượng cũng chẳng phải chẳng vô lượng.

- Phạm phu, do chẳng vào được thật tướng pháp, nên tùy ý niệm, mà suy tưởng sắc có lớn, có nhỏ. Người tu tập Bát

nhã Ba-la-mật, do đã vào được nơi thật tướng pháp, chẳng còn tùy ý niệm mà suy tưởng, nên biết rõ sắc chẳng phải lớn cũng chẳng phải nhỏ.

- Phạm phu, do chẳng biết rõ rằng sắc do vô lượng duyên tác thành, nên nói sắc có lực; ví như thấy bức tường đổ xuống làm chết người, mà cho rằng bức tường có lực. Người tu Bát nhã Ba-la-mật biết rõ hết thấy các sắc pháp đều chỉ là giả danh tướng, nên nói sắc chẳng có lực, cũng chẳng phải chẳng có lực.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật là Ma ha Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Do chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật cùng 5 Ba-la-mật kia, mà ở nơi hết thấy các pháp, Bồ tát chẳng có khởi phân biệt lớn nhỏ, rộng hẹp v.v... Nếu tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà tâm còn tán loạn, thì chẳng có được nhu thuận, dẫn đến sẽ khởi sanh tâm nghi hối.

Phải dung nhiếp, điều hợp, như thuận Bát nhã Ba-la-mật và 5 Ba-la-mật kia mới tránh được lỗi lầm, khiến thành tựu được các duyên pháp. Ví như trong 8 thánh đạo có chánh kiến dẫn đầu, nhưng nếu chánh kiến mà chẳng có 7 thánh đạo kia hỗ trợ, thì chẳng thành tựu được đầy đủ các thánh đạo, dẫn đến chẳng có thể được gọi là chánh kiến.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật dạy: Hết thấy các pháp đều do các duyên hòa hợp cộng sanh; chẳng có 1 pháp nào tự sanh cả. Khi đã hội đủ các duyên hòa hợp dẫn sanh, thì mỗi pháp mới có lực. Dựa vào đó mà nói có lớn hay nhỏ, có rộng hay hẹp v.v...

Nếu Bồ tát ly Bát nhã Ba-la-mật, ly 5 Ba-la-mật kia, rồi tự cho rằng đã hành đầy đủ 6 Ba-la-mật, vọng chấp các pháp có lớn hay nhỏ, rộng hay hẹp v.v... Như vậy là đọa về “nhị biên”.

Trái lại, nếu Bồ tát tạt vào được nơi thật tướng pháp, thì chẳng còn chấp tướng, khiến ở nơi các pháp tướng chẳng còn vọng khởi phân biệt có lớn hay nhỏ, có rộng hay hẹp v.v... Như vậy là chẳng có lỗi lầm. Vì sao? Vì dụng tâm vô sở đắc mà tu tập như vậy, là tu Vô Thượng Bồ Đề. Là tu tịch diệt tướng, là cứu cánh thanh tịnh.

Trái lại, nếu dụng tâm hữu sở đắc, thì sẽ khởi hý luận, đấu tranh chẳng có được thanh tịnh vậy.

Lại nữa, hết thấy các pháp đều là chẳng sanh, chẳng diệt. Ví như ngã và chúng sanh đều là giả danh pháp, đều do duyên hòa hợp mà có, đều chẳng sanh, chẳng diệt, đều là bất khả đắc cả.

Khi phá được tướng “vô ngã”, thì tướng sanh cũng như tướng diệt đều trở thành bất khả đắc cả. Do duyên hòa hợp mà có các pháp tướng, như tướng sanh, tướng diệt, nhưng hết thấy các pháp tướng đều chỉ là giả danh tướng, chẳng phải là định tướng. Cho nên nói các pháp đều là vô sanh pháp, vô diệt pháp, đều là “bất nhị pháp”.

Vì hết thấy pháp đều là tự tánh không, là tự tánh ly, là bất khả tư nghì, nên nói: “Chúng sanh lực” chẳng thành tựu, “Bát nhã Ba-la-mật lực” chẳng thành tựu.

Hết thấy pháp đều do duyên hòa hợp sanh. Nhưng mỗi duyên pháp đều chẳng có tự lực. Bát nhã Ba-la-mật cũng là tự tánh không, là chẳng có tự lực.

Hỏi: Trước đã nói sắc cùng hết thấy pháp đều chẳng có tự lực và cũng chẳng phải chẳng có tự lực. Nay vì sao lại nói

lực của chúng sanh, lực của sắc... dẫn đến lực của hết thảy các pháp chẳng thành tựu, thì lực cả Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng thành tựu?

Đáp: Trước đây nói các pháp chẳng có lực, cũng chẳng phải chẳng có lực. Nhưng sợ người nghe Bát nhã Ba-la-mật khởi nghi tâm, vì họ nghĩ rằng Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo hết thảy các pháp quán, ắt là phải có đại lực. Bởi vậy nên phải nói rõ thêm là lực của chúng sanh, của sắc, cũng như của hết thảy các pháp đều chẳng thành tựu, thì lực của Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng thành tựu.

Như vậy là các duyên pháp đều bình đẳng cả. Chính vì vậy mà gọi Bát nhã Ba-la-mật là Ma ha Bát nhã Ba-la-mật.

Phẩm Thứ Bốn Mười Mốt



Tín Hủy

(Tin Kính & Hủy Báng)

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát tín giải Bát nhã Ba-la-mật đã từ đâu sanh về đây? Đã phát Vô Thượng Bồ Đề tâm từ bao lâu? Đã cúng dường bao nhiêu đức Phật? Đã hành Bát nhã Ba-la-mật như thế nào, mà nay có thể tùy thuận Bát nhã Ba-la-mật và thâm giải nghĩa Bát nhã Ba-la-mật như vậy?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phát! Bồ tát đã cúng dường chư Phật khắp 10 phương, đã phát Vô Thượng Bồ Đề tâm từ vô lượng vô biên a tăng tỷ kiếp, và từ sơ phát tâm đã thường hành 6 pháp Ba-la-mật, đã cúng dường vô lượng vô biên bất khả tư nghi chư Phật, nay sanh về cõi này.

Này Xá Lợi Phát! Bồ tát này hoặc thấy, hoặc nghe Bát nhã Ba-la-mật liền tự niệm rằng: Ta đã thấy Phật và đã nghe Phật thuyết Bát nhã Ba-la-mật như vậy.

Bởi vậy nên Bồ tát này thường tùy thuận Bát nhã Ba-la-mật và thâm giải nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, vì biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là vô tướng pháp, là vô nhị pháp, là bất khả đắc pháp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật có thể nghe, có thể thấy được chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật chẳng thể nghe, chẳng thể thấy được. Vì sao? Vì các pháp đều là độn cả.

Cũng như vậy, Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Thiền Ba-la-mật chẳng thể nghe, chẳng thể thấy được; nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không chẳng thể nghe, chẳng thể thấy được; 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo chẳng thể nghe, chẳng thể thấy được; 10 lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp chẳng thể nghe, chẳng thể thấy được. Vì sao? Vì các pháp đều là độn cả.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật! Bạch Thế Tôn Bồ tát hành Phật đạo trong bao nhiêu lâu, mới có thể hành thâm Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phải nên phân biệt như sau:

- Có Bồ tát từ sơ phát tâm đã hành thâm Bát nhã Ba-la-mật và 5 Ba-la-mật kia. Do có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên chẳng phá hoại các pháp tướng; lại cũng chẳng thấy pháp nào là chẳng có lợi ích cả. Bồ tát này trọn chẳng ly 6 pháp Ba-la-mật, trọn chẳng ly chư Phật; từ thế giới này sang thế giới khác thường dùng thiện căn cúng dường chư Phật, đúng theo như ý nguyện; vĩnh viễn chẳng bị sanh tử nghiệp dẫn sanh vào thai mẹ, ở trong loài người; trọn chẳng ly các thần thông, trọn chẳng sanh phiền não, chẳng sanh tâm Thanh Văn, và tâm Bích Chi Phật; từ quốc độ này đến quốc độ khác thường thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

Như vậy gọi là Bồ tát hành thâm Bát nhã Ba-la-mật.

- Có Bồ tát đã thấy được chư Phật trong vô lượng quốc độ; hoặc, từ vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp, thường chẳng ly chư Phật, thường tu tập 6 pháp Ba-la-

mật, nhưng còn dụng tâm hữu sở đắc, vì chưa có được đầy đủ các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát này, khi nghe thuyết thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, liền từ trong chúng hội đứng dậy bỏ ra đi. Như vậy là chẳng cung kính Bát nhã Ba-la-mật, chẳng cung kính chư Phật.

Này Tu Bồ Đề! Ở hiện đời, Bồ tát ấy ngồi trong chúng hội nghe thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, lại cũng tự bỏ đi, vì chẳng ưa thích nghe thuyết như vậy. Bồ tát ấy, ở đời trước, khi nghe thuyết thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, đã tự bỏ đi, nên ở đời nay, nghe thuyết thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, lại cũng hành động y như vậy.

Hạng người này, do thân tâm chẳng hòa hợp, nên thường trông nhân si muội. Do si muội, nên vừa nghe thuyết thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, liền sanh tâm hủy báng. Do hủy báng thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, nên từ quá khứ đến hiện tại dẫn đến vị lai vẫn thường hủy báng 3 đời chư Phật, hủy báng Nhất thiết chủng trí.

Do khởi nghiệp tội phá pháp như vậy, mà hạng người này, trải qua trăm ngàn muôn ức kiếp, phải đọa vào đại địa ngục; chuyển từ đại địa ngục này sang đại địa ngục khác; đến khi hỏa kiếp phát khởi ở cõi này, thì lại thác sanh vào đại địa ngục ở cõi khác ở trong khắp 10 phương, thọ vô lượng khổ đau. Khi tội phá pháp đã giảm dần, mới được sanh vào loài súc sanh, rồi sanh trở lại làm người. Thế nhưng, vì tội phá pháp chưa dứt, nên dù trở lại sanh làm người, cũng chỉ được sanh vào các nhà hạ tiện; hoặc sanh vào những nơi chẳng có Phật, Pháp, Tăng; hoặc sanh ra đời với các căn không đầy đủ, như mù mắt, thiếu chân, thiếu tay v.v...

Hạng người này, do gieo trồng tội phá pháp sâu dày, nên phải thọ quả báo như vậy.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tội “ngũ nghịch” và tội phá pháp tương tự nhau chăng?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phát! Chẳng nên nói là tương tự. Vì sao?

Vì có người nghe nói thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có tin, mà lại còn hủy báng, cho rằng Bát nhã Ba-la-mật là phi pháp, chẳng phải là thiện pháp, chẳng phải là lời Phật dạy; tự mình chẳng học, và dạy người khác chẳng nên học. Như vậy là đã tự hủy báng Bát nhã Ba-la-mật, và dạy người khác hủy báng Bát nhã Ba-la-mật; tự mình phá hoại thân tâm mình, và khiến người khác phá hoại thân tâm họ; tự mình chẳng tin, chẳng biết thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, và khiến người khác chẳng tin chẳng biết thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật; chẳng khác gì tự mình dùng thuốc độc để tự giết mình, và cũng đầu độc người khác.

Này Xá Lợi Phát! Đối với hạng người này như vậy, ta chẳng muốn nghe nói đến tên, huống nữa là nhìn thấy họ hay muốn ở chung với họ. Vì sao? Vì hạng người này làm ô uế chánh pháp, sa đọa vào chốn tối tăm, mê muội. Ai nghe theo lời hạng người này, tin dùng họ, cũng phải thọ vô lượng khổ đau.

Này Xá Lợi Phát! Hạng người phá Bát nhã Ba-la-mật như vậy cũng gọi là hạng người phá pháp.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người phạm trọng tội phá pháp như vậy, phải thọ thân lớn hay nhỏ?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phát! Chẳng nên nói thân lớn hay nhỏ. Vì sao? Vì người phá pháp phải thọ vô lượng khổ đau, chẳng có phân biệt thân lớn hay thân nhỏ.

Hạng người này, khi nghe mình tội lỗi như vậy, chịu khổ báo như vậy, hoặc bị nhồi máu mà chết; hoặc sợ hãi, lo lắng, đau buốt như bị mũi tên đâm vào tim, mà khô héo dần dần cho đến chết.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn răn dạy, để người đời sau biết rõ rằng tội hủy báng Bát nhã Ba-la-mật là trọng tội.

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phát! Người phạm trọng tội hủy báng Bát nhã Ba-la-mật phải thọ vô lượng khổ báo trong các đại địa ngục chẳng sao kể xiết được.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bởi vậy nên những thiện nam, thiện nữ tâm tánh thanh tịnh, khi nghe được thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, là liền lấy đó là chỗ y chí; thà phải mất mạng, chẳng hề dám hủy báng chánh pháp. Vì sao? Vì họ nghĩ rằng nếu hủy báng Bát nhã Ba-la-mật, thì sẽ phải chuốc lấy vô lượng khổ báo.

LUẬN:

Ngài Xá Lợi Phát nghe thuyết thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, tự nghĩ rằng: Người nghe được Bát nhã Ba-la-mật cũng còn hiếm có, huống nữa là người tu tập, tín giải Bát nhã Ba-la-mật. Người tín giải Bát nhã Ba-la-mật ắt phải từ một cảnh giới an lành nào đến, chẳng là hạng sơ phát tâm.

Theo ý ngài, thì hạng người chưa cúng dường được nhiều chư Phật, chưa hành Bát nhã Ba-la-mật trải qua nhiều đời, thì chưa phải là bậc Thánh, chưa vào được Thánh đạo. Bởi vậy nên ngài mới hỏi: Bồ tát đã cúng dường bao nhiêu đức Phật, đã tu tập Bát nhã Ba-la-mật trong bao nhiêu lâu, mới có thể tùy thuận Bát nhã Ba-la-mật, và thâm giải được nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Có Bồ tát chẳng chấp hết thấy các pháp tướng mà cũng chẳng chấp không, chẳng phá hoại các pháp tướng, hòa hợp 6 pháp Ba-la-mật, phát khởi đại từ đại bi vì hết thấy chúng sanh mà hành Bát nhã Ba-la-mật, nên đã từ các thể giới thanh tịnh trong 10 phương sanh về cõi này.

Như trường hợp của Bồ tát Thích Ca Mưu Ni, chư vị Bồ tát này đã có duyên với chúng sanh ở cõi này, nên mới sanh về đây để độ họ. Khi cõi này hoại, thì lại sanh về các cõi khác để viên thành đạo nguyện. Trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp tu hành như vậy, nên được phước đức sâu dày, khởi sanh tín giải, tùy thuận thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật. Trái lại, có Bồ tát đã thấy được chư Phật, đã tu tập Bát nhã Ba-la-mật từ lâu, nhưng còn dụng tâm hữu sở đắc, thì chẳng có được công đức như vậy.

-o0o-

Bồ tát phải thành tựu đầy đủ các phước đức trí huệ, mới khiến các phiền não tận diệt, mới được tâm nhu khuyến, được trí huệ bình đẳng, được các căn lanh lợi, tăng trưởng mãi trở thành lực. Có được như vậy mới có thể thâm nhập vào thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, còn phải dứt bỏ các uế trực thể gian, mới thấy được kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật, mới hướng tâm về Phật, mới tinh tấn đọc tụng các kinh điển để tìm hiểu nghĩa lý, khiến trí huệ càng thêm tăng trưởng. Thấy kinh như thấy Phật; đọc kinh như nghe lời Phật dạy. Nhờ thành tựu tín lực, huệ lực như vậy, mà tùy thuận, tín giải được thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, còn phải biết rõ thật tướng pháp là vô tướng; phải ly 5 âm, 12 nhập, 18 giới; phải ở trong “nhị pháp” mà chẳng chấp “nhị pháp”. Dụng tâm vô sở đắc như vậy mà tu tập, thì mới có thể tùy thuận, tín giải thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật thuyết về Bát nhã Ba-la-mật, mà tán thán việc thấy kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật, việc theo Phật nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật, việc đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật v.v... tợ như có chấp tướng, nên ngài mới nêu lên câu hỏi: Bát nhã Ba-la-mật có thể nghe, có thể thấy chăng?

Nơi đây, ngài Tu Bồ Đề muốn nói: Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không; dù dùng thiên nhãn, thiên nhĩ cũng chẳng có thể thấy, chẳng có thể nghe được, huống nữa là dùng nhục nhãn, nhục nhĩ; dù dùng xuất thế gian huệ nhãn cũng chẳng thấy được, huống nữa là dùng thế gian nhãn.

Phật đáp lại lời ngài Tu Bồ Đề: Bát nhã Ba-la-mật chẳng có thể thấy, chẳng có thể nghe.

Nơi đây, Phật dụng ý cho biết rằng khi đã thâm nhập vào trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì biết rõ hết thảy các pháp đều chỉ là một tướng (nhất tướng), đều chẳng có tướng (vô tướng), nên chẳng còn vọng chấp phân biệt nữa. Sỡ dĩ phàm phu chấp có thấy, có nghe, vì vọng khởi phân biệt đây là sắc, đây là nhãn, đây là nhĩ... đây là thức; lại phân biệt giữa 6 thức với 6 trần; phân biệt 6 thức lanh lợi, 6 trần vô tri; phân biệt trí huệ lanh lợi, còn sắc... dẫn đến pháp là vô tri.

Các pháp vào trong Bát nhã Ba-la-mật cũng giống như trăm sông chảy dồn về biển. Khi vào biển rồi, thì các nguồn nước từ trăm sông chảy đến đều hòa đồng với nước biển. Cũng như vậy, khi các pháp đã vào trong biển Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì trở thành nhất tướng, vô tướng, chẳng có gì phân biệt nữa. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật chẳng có thể thấy, chẳng có thể nghe.

Cũng như vậy, Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Thiên Ba-la-mật, nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 10 lực... dẫn đến 18 bất cộng

pháp, Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo... dẫn đến Phật đạo và Nhất thiết chủng trí đều chẳng thể thấy, chẳng thể nghe được. Vì sao? Vì các pháp đều là vô tri, đều là độn cả. Chúng sanh ly pháp thì chẳng thể thấy, chẳng thể nghe, mà pháp ly chúng sanh cũng chẳng thể thấy, chẳng thể nghe vậy.

Hỏi: Trước đã nói rằng Bồ tát sơ phát tâm đã từng cúng dường chư Phật trong vô lượng kiếp rồi, mới có thể tùy thuận, tín giải thâm, nghĩa Bát nhã Ba-la-mật. Nay vì sao còn hỏi nữa?

Đáp: Ở đoạn kinh trên đây, Phật dạy: Bát nhã Ba-la-mật chẳng thể thấy, chẳng thể nghe được.

Thấy kinh như thấy Phật, đọc kinh như nghe lời Phật dạy. Nói đến 2 tướng như vậy nhằm nêu lên ý nghĩa là Bát nhã Ba-la-mật có thấy, có nghe, mà cũng chẳng thấy, chẳng nghe, vì là “bất nhị pháp” vậy.

Chính ở nơi “bất nhị pháp” này, mà ngài Tu Bồ Đề đã hỏi Phật: Bồ tát phải trải qua bao nhiêu kiếp tu hành, mới có được các phương tiện lực, mới có thể tùy thuận Bát nhã Ba-la-mật, mà hành các pháp?

Nơi đây, ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng:

- Làm thế nào để có hành các sự việc, mà chẳng vọng niệm?
- Làm thế nào để có hành các sự việc, mà chẳng bị trôi buộc vào 3 cõi?
- Làm thế nào để ở nơi “không”, mà chẳng đọa về đoạn diệt?

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề rằng: Cần phải phân biệt 2 trường hợp:

1. Có Bồ tát từ sơ phát tâm đã nhất tâm tín thọ Bát nhã

Ba-la-mật, dùng các lực phương tiện Ba-la-mật để tu tập 6 Ba-la-mật, mà chẳng có chấp đấm các phước đức nhân duyên đó, nên được tùy thuận, tín giả thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

Hạng Bồ tát này có tín lực và huệ lực rất lớn, nên nghe thâm pháp Đại thừa Ma Ha Diễn liền được tín giải; nghe pháp Thanh Văn chẳng khởi tâm bất kính; nghe pháp ngoại đạo chẳng khởi tâm phá hoại.

Hạng Bồ tát biết rõ:

- “Đạo” và “phi đạo”, nên thường thành chánh đạo.

- Hết thấy các pháp, khi đã vào trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, chẳng là “thị” hay là “phi”, chẳng phá, chẳng thọ nữa. Dẫn đến chẳng có pháp nào là chẳng lợi ích cả.

Bồ tát thường hành các pháp, mà chẳng thủ lợi ích của các pháp, mới được đầy đủ phước đức. Bởi vậy nên nói Bồ tát chẳng ly 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến chẳng ly thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh.

2. Có Bồ tát, tuy đã phát tâm từ lâu, đã cúng dường vô lượng chư Phật, nhưng còn dụng tâm hữu sở đắc mà tu tập 6 pháp Ba-la-mật thì chẳng thể nào tùy thuận, tín giải thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật được. Hạng Bồ tát này khi nghe nói thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật là liền bỏ đi. Dẫn đến đời sau, khi nghe nói thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, hạng Bồ tát này cũng chẳng tin, chẳng thọ. Như vậy là phá pháp, khiến phải gánh chịu vô lượng khổ báo.

Phật dạy hạng người này, do thân tâm chẳng hòa hợp, nên thường trồng nhân si muội, khiến chẳng tin, chẳng thọ Bát nhã Ba-la-mật. Do tâm nghi hối, tà kiến càng ngày càng tăng trưởng, nên hạng người này, giữa đại chúng, thường hủy

báng Bát nhã Ba-la-mật, hủy báng ba đời chư Phật. Do tội lỗi như vậy, mà phải đọa vào địa ngục A Tỳ thọ vô lượng khổ báo. Đến khi kiếp hỏa phát khởi ở cõi này mà tội vẫn chưa hết, thì vẫn còn phải chuyển sang địa ngục ở cõi khác, để tiếp tục thọ khổ báo. Sau khi tội phá pháp đã nhẹ dần, mới được chuyển làm thân súc sanh, tiếp tục thọ khổ. Rồi mãn kiếp súc sanh, mới được trở lại thân làm người, nhưng lại phải thọ sanh vào các nhà hạ tiện, hoặc sanh ra đời với các căn chẳng đầy đủ, hoặc sanh vào những nơi chẳng có Phật, Pháp, Tăng.

Hỏi: *Vì sao chẳng nói đọa về chốn ngạ quỷ, mà chỉ nói đọa vào địa ngục và súc sanh?*

Đáp: Vì phá hoại Bát nhã Ba-la-mật là do phiền não và ngu si. Vì hai duyên pháp này, mà người phá hoại Bát nhã Ba-la-mật phải đọa vào địa ngục và súc sanh.

Còn đọa về ngạ quỷ là do tham lam. Do vậy mà chẳng có đề cập ở nơi đây.

Hỏi: *Vì sao ngài Xá Lợi Phất nêu lên câu hỏi: Tội “ngũ nghịch” và tội phá pháp tương tự với nhau chẳng?*

Đáp: Ngài Xá Lợi Phất là Thanh Văn, nên cho tội “ngũ nghịch” là trọng tội. Nhiều người tu theo pháp Thanh Văn chẳng biết rằng cúng dường Bát nhã Ba-la-mật là đại đại phước báo, nên cũng chẳng biết rằng hủy báng Bát nhã Ba-la-mật là đại tội vậy.

Vì muốn giải niêm nghi của ngài Xá Lợi Phất, nên Phật dạy: Chẳng nên nói là tương tự.

Vì xét về tướng tội, thì hai bên khác hẳn nhau:

- Người phạm tội hủy báng Bát nhã Ba-la-mật tự mình làm tiêu hủy thiện căn nơi mình, và làm tiêu hủy thiện căn

nơi người khác; tự mình phá trí huệ của mình, và phá trí huệ của người khác; chẳng khác gì tự mình uống thuốc độc để tự hại thân mình, và cũng khiến người khác uống thuốc độc để hủy hoại thân họ vậy.

- Người phạm tội làm thân Phật chảy máu, phá A-la-hán, phá hòa hợp tăng, giết cha, giết mẹ, tuy là trọng tội, còn có thể sám hối được. Nhưng phá hoại Bát nhã Ba-la-mật thì không thể sám hối được.

Nên biết, cha mẹ thương con chỉ thương nhiều nhất là trong một đời; còn người thâm ái Bát nhã Ba-la-mật nguyện thâm ái chúng sanh trong vô lượng kiếp. Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật nguyện cần khổ thay cho chúng sanh làm những việc khó làm... dẫn đến bố thí cả thân mạng mình để làm lợi ích cho chúng sanh.

Cũng nên biết rằng phá hoại Bát nhã Ba-la-mật tức là phá hoại pháp thân Phật. Bởi vậy nên Phật dạy: Đối với hạng người phá hoại Bát nhã Ba-la-mật, ta chẳng muốn nghe nói đến tên, huống nữa là nhìn thấy.

-o0o-

Bồ tát, dù chưa được bất thối chuyển, nhưng nếu có nhiều người đến cúng dường, có nhiều đệ tử xuất gia cũng như tại gia đến cầu pháp, thì phải nên phát đại bi tâm, vì họ thuyết Bát nhã Ba-la-mật. Thế nhưng nếu còn dụng tâm hữu sở đắc, thì thay vì làm lợi ích cho họ, mà lại khiến họ phải chịu tội phá pháp. Vì sao? Vì Bồ tát này muốn làm tăng trưởng lợi ích cho chúng sanh, mà do còn chấp tướng, nên đã gián tiếp phá Bát nhã Ba-la-mật, và cũng khiến người khác phá Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Xem như vậy, thì tội phá Bát nhã Ba-la-mật và tội “ngũ nghịch” chẳng có tương tợ nhau.

-o0o-

Ví như người siêng năng làm việc, mà do thiếu trí tuệ, nên tài sản mỗi ngày mỗi tiêu hao. Người thường tụng kinh, niệm Phật mà thiếu trí huệ, thì thiện căn vẫn chẳng có tăng trưởng được.

Ví như vũng nước dơ chẳng thể soi mặt được, chẳng thể uống được, chẳng thể tắm giặt được. Người phá pháp cũng vậy, chẳng thể nghe theo được. Hạng người này, do bị tà kiến, nghi hối làm nhiều loạn tâm, mà chẳng tùy thuận, chẳng tin giải được thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến hủy báng Bát nhã Ba-la-mật. Nếu ai tin theo hạng người này cũng phạm tội phá pháp vậy.

Hỏi: *Vì sao ngài Xá Lợi Phất hỏi Phật: Người phạm trọng tội phá pháp phải thọ thân lớn, hay thân nhỏ?*

Đáp: Ngài Xá Lợi Phất đã nghe nói về thời gian và nơi chốn thọ tội báo của người phạm tội phá pháp rồi. Nay ngài muốn nêu lên câu hỏi này xin Phật giải đáp, nhằm răn dạy người ở đời sau.

Có hai vấn đề mà Phật chẳng muốn đáp. Đó là:

- Sự thọ khổ báo ở các chốn địa ngục và súc sanh quá nhiều và quá lâu. Dù thân lớn hay nhỏ cũng đều thọ như nhau.

- Những người nghe nói mình phạm trọng tội như vậy, mình phải thọ khổ báo như vậy, hoặc sẽ bị nhồi máu tim mà chết, hoặc sẽ quá sợ hãi lo lắng, đau buốt như bị mũi tên đâm vào tim, mà khô héo dần dần cho đến chết.

Do vì ngài Xá Lợi Phất khẩn thiết xin Phật răn dạy cho người ở đời sau chẳng nên phạm tội phá pháp, mà Phật đã nói: Chẳng nên nói thân lớn hay nhỏ. Người phạm tội phá pháp, hủy báng Bát nhã Ba-la-mật phải thọ vô lượng khổ báo, chẳng sao kể xiết được.

Vâng theo lời Phật dạy, các người đã có được tâm tánh thanh tịnh, khi nghe được thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, là liền lấy đó làm chỗ y chi, thà phải mất mạng, chẳng hề dám hủy báng chánh pháp. Vì nghĩ rằng nếu hủy báng Bát nhã Ba-la-mật, thì sẽ phải chuốc lấy vô lượng khổ báo, nên họ sẽ thâm tín Bát nhã Ba-la-mật, nhiếp các nghiệp “thân, khẩu và ý” tinh tấn tu hành hướng về Vô Thượng đạo.

(Hết quyển 62)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 63



Phẩm Thứ Bốn Mười Mốt (TIẾP THEO)



Tín Hủy (Tiếp theo)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ phải khéo nhiếp các nghiệp “thân, khẩu và ý”, đừng để phải thọ các khổ như vậy. Vì sao? Vì đã thọ các khổ như vậy, thì chẳng thấy được Phật, chẳng nghe được pháp, chẳng thân cận được chư Tăng; hoặc phải sanh vào các thế giới chẳng có Phật; hoặc sanh vào chốn bần cùng hạ tiện, khiến chẳng tin thọ được lời Phật. Bạch Thế Tôn! Đây là do khẩu nghiệp mà phạm tội hủy báng Bát nhã Ba-la-mật như vậy chẳng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Ở trong Phật pháp, có người đã xuất gia thọ giới rồi, chỉ vì ngu si mà phạm tội phá Bát nhã Ba-la-mật, hủy báng pháp.

Này Tu Bồ Đề! Nếu phá Bát nhã Ba-la-mật là phá chư Phật trong 10 phương, phá Nhất thiết chủng trí, phá Phật bảo, phá Pháp bảo, phá Tăng bảo. Phá 3 ngôi “Tam bảo” là phá chánh kiến ở thế gian, phá 4 niệm xứ... dẫn đến phá Nhất thiết chủng trí, nên phải thọ vô lượng vô biên tội báo, vô lượng vô biên khổ não.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu tác duyên khiến người ngu si phá thâm Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có 4 tác duyên khiến người ngu si phá tâm Bát nhã Ba-la-mật. Đó là:

- Bị ma sai sử.

- Chẳng có tín giải tâm Bát nhã Ba-la-mật; chẳng có được tâm thanh tịnh.

- Thường gần gũi ác tri thức, nên sanh tâm giải đãi, chấp đắm 5 ấm thân.

- Còn nhiều sân nhuế, tự cao, khinh miệt người.

Do 4 tác duyên, nêu trên đây, mà người ngu si phạm tội hủy báng tâm Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: *Hủy báng pháp là do khẩu nghiệp. Như vậy vì sao lại nói người tu phải nhiếp cả 3 nghiệp “thân, khẩu và ý”?*

Đáp: Gốc của khẩu nghiệp là ý nghiệp; có ý nghiệp mới dẫn sanh khẩu nghiệp. Bởi vậy trước hết phải nhiếp ý nghiệp.

Nơi đây, ngài Tu Bồ Đề tự nói các nhân duyên dẫn đến thọ khổ, khiến chẳng thấy được Phật, chẳng được nghe pháp, chẳng được gần gũi chư Tăng.

Phật dạy: Người ngu si do khẩu nghiệp mà tạo ra bao nhiêu tội lỗi. Trong các chúng xuất gia, thọ giới, có nhiều người còn chấp pháp Thanh Văn. 500 năm sau khi ta diệt độ họ, sẽ phân ra làm nhiều bộ chúng, lên đến 800 bộ chúng khác nhau. Từ đó về sau, họ cầu pháp tướng, chấp đắm danh pháp. Họ chấp thủ những lời Phật nói ra, mà chẳng biết rằng chỉ vì đạo giải thoát, mà Phật phương tiện nói ra các pháp.

Có nhiều người, khi nghe nói Bát nhã Ba-la-mật rất ráo không, tưởng như bị tổn thương. Hạng người này chấp các pháp tướng quyết định là có. Nay nghe nói các pháp đều là

tự tướng không, nghe nói hành Bát nhã Ba-la-mật là chẳng trú chấp các pháp tướng, thì họ khởi nghi tâm, cho đó chẳng phải là lời Phật dạy... dẫn đến hủy báng Bát nhã Ba-la-mật. Hạng người này chẳng biết rằng, vì thương xót chúng sanh, mà Phật đã phương tiện phân biệt đạo và phi đạo, để chúng sanh tu tập. Nay ở trong hội Bát nhã Ba-la-mật, nghe Phật thuyết đạo và phi đạo đều là vô tướng, là bất khả đắc, nên họ khởi nghi tâm. Từ đó họ khởi sanh tà kiến; rồi do lực tà kiến thúc đẩy, mà tại giữa đại chúng, họ hủy báng Bát nhã Ba-la-mật, khiến phải mang tội phá pháp. Hủy báng Bát nhã Ba-la-mật như vậy là hủy báng 3 đời 10 phương chư Phật, phá các lực công đức của 3 ngôi Tam bảo. Phá Tam bảo là phá thế gian lạc, phá chánh kiến, phá xuất thế gian lạc, nghĩa là phá 4 niệm xứ... dẫn đến phá Nhất thiết chủng trí.

Bởi nhân duyên vậy, nên người phá pháp phải thọ vô lượng vô biên tội báo, vô lượng vô biên ưu bi khổ não.

Hỏi: Trước đã nói ái chấp pháp là nhân duyên dẫn đến phá pháp. Nay vì sao còn nói nữa?

Đáp: Trước chỉ lược thuyết. Nay rộng thuyết về các tác duyên dẫn đến hành động phá pháp.

1. Có người bị ma sai sử, khiến vô minh thâm nhập vào tâm, chuyển thành nghiệp ở thân, khẩu, rồi dẫn đến hành động hủy báng Bát nhã Ba-la-mật.

Các bậc Thanh Văn còn bị ma ám thay, huống nữa là hàng phàm phu.

Ví như trong hàng đại đệ tử của Phật, ngài A Nan là bậc đa văn, hiểu rộng, biết nhiều. Thế nhưng, có lúc Phật hỏi ngài về một vấn đề đến 3 lần, mà ngài bị ma ám chẳng trả lời được.

Nên biết, có 4 loại ma. Đó là:

- 5 ấm ma.
- Phiền não ma.
- Tử ma
- Tự Tại Thiên ma.

Trước đây đã nói về 4 loại ma này rồi. Nay nói riêng về phiền não ma và Tự Tại Thiên ma khiến người tu chẳng tin nơi Bát nhã Ba-la-mật, tự thủ chấp pháp của mình, khinh chê pháp của người. Hạng người này ngu si, điên đảo, độn căn, thiếu trí, nên chẳng hiểu, chẳng tín, chẳng thọ được thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến hủy báng Bát nhã Ba-la-mật.

2. Có người lợi căn nhưng chẳng có được tâm thanh tịnh, nên cũng chẳng tin nơi Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến hủy báng Bát nhã Ba-la-mật.

3. Có người trước đã siêng năng tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nhưng về sau bị các tri thức mê hoặc, dẫn dắt, khiến trở nên giải đãi, chẳng còn tín thọ Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến hủy báng Bát nhã Ba-la-mật.

4. Có người thường sanh tâm sân nhuế, cang cường, tự cao, khinh miệt người khác.

Hạng người này chẳng tin nơi Pháp sư thuyết giảng, mà tự nghĩ: Ta có trí tuệ mà còn chưa biết rõ Bát nhã Ba-la-mật, huống nữa là hạng người độn căn thiếu trí làm sao mà hiểu rõ được.

Khởi tâm sân nhuế, kiêu mạn như vậy cũng là phá hủy Bát nhã Ba-la-mật.

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người thân cận các ác tri thức, thường gieo trồng các bất thiện căn, chẳng tinh tấn tu tập các thiện pháp, thì chẳng có thể tin, chẳng có thể hiểu được thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Người thân cận các ác tri thức, thường gieo trồng các bất thiện căn, thì chẳng sao có thể tin, có thể hiểu được thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật lại khó tin khó hiểu đến như vậy?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Sắc bất phược (chẳng buộc), bất giải (chẳng mở)... dẫn đến thức bất phược, bất giải. Vì sao? Vì đều là tánh vô sở hữu.

Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật bất phược, bất giải, nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không bất phược, bất giải, 4 niệm xứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất phược, bất giải. Vì sao? Vì đều là tánh vô sở hữu.

Này Tu Bồ Đề! Sắc quá khứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí quá khứ bất phược, bất giải; sắc hiện tại dẫn đến Nhất thiết chủng trí hiện tại bất phược, bất giải; sắc vị lai... dẫn đến Nhất thiết chủng trí vị lai bất phược, bất giải. Vì sao? Vì đều là tánh vô sở hữu.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng nhất tâm tinh tấn, chẳng gieo trồng thiện căn, giải đãi, ưa quên, lại thường gần gũi ác tri thức, thì chẳng có được các lực phương tiện, nên khó có thể tin, khó có thể hiểu được thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Người như vậy khó có thể tin, khó có thể hiểu được thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao?

Này Tu Bồ Đề! Vì 5 ám bản lai thanh tịnh, nên quả cũng thanh tịnh. Dẫn đến vì Vô Thượng Bồ Đề bản lai thanh tịnh, nên quả cũng thanh tịnh.

Này Tu Bồ Đề! Sắc thanh tịnh tức là Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh. Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh. Dẫn đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh tức là Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh; Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh tức là Nhất thiết chủng trí thanh tịnh.

Sắc thanh tịnh và Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh là chẳng phải hai, chẳng phải khác, chẳng phải đoạn, chẳng phải hoại. Dẫn đến thiết chủng trí thanh tịnh và Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh là chẳng phải hai, chẳng phải khác, chẳng phải đoạn, chẳng phải hoại. Vì sao?

Này Tu Bồ Đề! Vì “bất nhị pháp” thanh tịnh, nên sắc thanh tịnh. Dẫn đến vì “bất nhị pháp” thanh tịnh, nên Nhất thiết chủng trí thanh tịnh. “Bất nhị pháp” thanh tịnh cùng với sắc thanh tịnh... dẫn đến cùng với Nhất thiết chủng trí thanh tịnh đều là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Lại nữa, vì ngã thanh tịnh... dẫn đến tri giả, kiến giả thanh tịnh; nên sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh, vì sắc thanh tịnh... dẫn đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh nên ngã... dẫn đến trí giả, kiến giả thanh tịnh.

Ngã thanh tịnh... dẫn đến tri giả, kiến giả thanh tịnh cùng với sắc thanh tịnh... dẫn đến cùng với Nhất thiết chủng trí thanh tịnh là chẳng phải hai chẳng phải khác, chẳng phải đoạn, chẳng phải hoại.

LUẬN:

Ở đoạn kinh trên đây, ngài Tu Bồ Đề bạch Phật với nội dung: Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm vi diệu như vậy, nên người giải đãi, chẳng gieo trồng thiện căn, lại thường gán gũi các ác tri thức, thì rất khó tin, rất khó giải được thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

Ngược lại với các điều nêu trên đây, thì mới có được tín lực nơi Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Vì sao thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật lại khó tin, khó hiểu như vậy?

Phật dạy: Sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều chẳng phược, chẳng giải.

Nơi đây, Phật muốn nói rằng có người cho rằng 3 độc là phược, còn 3 giải thoát môn là giải. Thế nhưng, họ chẳng biết rằng 3 độc gồm “tham, sân, si”, cùng với hết thảy các phiền não đều là hư vọng, chẳng thật có, đều là tự tánh không, nên bản lai vốn chẳng có phược, cũng chẳng có giải. Phá 3 độc thành 3 giải thoát môn cũng chẳng có phược, chẳng có giải như vậy.

-o0o-

Phàm phu do chấp các pháp tướng, mà bị các phiền não trói buộc. Thật vậy, nếu chấp mỗi pháp đều có tự tánh, thì chẳng sao có thể giải được, chẳng sao có thể đoạn, có thể hoại được. Trái lại, nếu biết rõ hết thảy các pháp đều là hư vọng, chẳng thật có, thì các chấp liền được tiêu trừ, và chẳng còn thấy có phược, có giải nữa.

Lại nữa, do phân biệt tâm và tâm sở... dẫn đến do chấp các pháp tướng, rồi bị trói buộc vào các duyên, mà khởi sanh phiền não vậy. Nếu vào được nơi thật tướng pháp, biết rõ các pháp đều là hư vọng, đều chẳng thật có, thì tâm liền được thanh tịnh.

Khi tâm đã thanh tịnh, thì là “phi tâm tướng”, nên chẳng còn có các tướng trói buộc nữa. Đã chẳng có trói buộc, thì cũng chẳng có cởi mở vậy.

-o0o-

Nơi đây, Phật nói sắc cùng hết thảy các pháp hữu vi đều do các nhân duyên hòa hợp sanh, nên đều chẳng có định tánh, đều là vô sở hữu tánh. Đã là vô sở hữu tánh, thì sắc tánh... dẫn đến hết thảy các pháp tánh, ở trong cả 3 đời, đều chẳng có phục cũng chẳng có giải. Ngài Tu Bồ Đề biết rõ Bát nhã Ba-la-mật chẳng thậm thâm (phi thậm thâm), chẳng phải chẳng thậm thâm (phi bất thậm thâm), nên đã nói rằng: Nếu cho Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm là xa lìa Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì nếu cho Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm, khó tin, khó giải mà chẳng nhất tâm tinh tấn tu hành, chẳng gieo trồng thiện căn giải thoát, lại thân cận ác tri thức, chỉ cầu thế gian lạc, thì chẳng sao có được xuất thế gian giải thoát. Hạng người như vậy thường bị các phiền não loạn tâm, khiến quên làm điều thiện, gieo trồng các bất thiện căn, chẳng phá được kiêu mạn, chẳng trừ được tà kiến hý luận. Bởi vậy nên, dù cầu thật tướng pháp, mà vẫn chẳng sao có đủ trí để phân biệt thiện ác, nên chẳng sao có được lực phương tiện thiện xảo vậy.

Hạng người hành các ác pháp như vậy rất khó tin giải thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Ngài Tu Bồ Đề chẳng có đề cập đến các ma sự. Vì sao Phật lại dạy thêm về các ma sự?*

Đáp: Vì muốn cho chúng hội biết đầy đủ về nội nhân duyên lẫn ngoại nhân duyên, nên Phật dạy thêm về các ma sự.

Phật lại nêu lên các nhân duyên khiến Bát nhã Ba-la-mật khó tin, khó giải, khi nói với ngài Tu Bồ Đề rằng: Sắc bản lai thanh tịnh, nên quả cũng thanh tịnh... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề bản lai thanh tịnh, nên quả cũng thanh tịnh.

Ví như người tu 4 niệm xứ, khi tu tập thân niệm xứ, quán sắc cùng hết thấy các pháp là bất tịnh, là vô thường. Quán như vậy sẽ thấy rõ tánh của sắc cũng như tánh của hết thấy pháp đều là vô lậu, là thanh tịnh, nên đoạn trừ được các phiền não, vào được Niết bàn.

Quán 3 niệm xứ kia cũng là như vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói sắc cùng hết thấy pháp thanh tịnh, nên quả thanh tịnh. Quả đã thanh tịnh, thì nhân cũng thanh tịnh.

Hỏi: *Trước nói niệm sắc là bất tịnh, là vô thường, thì được thân niệm xứ. Nay vì sao lại nói quả thanh tịnh, thì nhân cũng thanh tịnh?*

Đáp: Khi mới vào sơ môn, thì quán bất tịnh, quán vô thường... nhưng đó chẳng phải là thật quán. Vì sao? Vì khi đã vào được Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì chẳng còn nói quán thường hay vô thường, quán tịnh hay bất tịnh nữa. Tất cả các pháp quán đó đều chỉ là hý luận.

Khi vào được Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì các hý luận đó đều tận diệt. Lúc bấy giờ mới thấy rõ thật tướng pháp là rốt

ráo thanh tịnh. Do vậy mà nói: “Quả đã thanh tịnh thì nhân cũng thanh tịnh”.

Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo thanh tịnh, là như hư không, chẳng có nhiễm ô. Khi vào trong Bát nhã Ba-la-mật, thì biết rõ sắc... dẫn đến hết thấy các pháp đều chẳng sanh, chẳng diệt, đều là rốt ráo thanh tịnh cả. Lại nữa, hành Bát nhã Ba-la-mật là thành tựu được 3 chánh nhân:

- Chánh quán.
- Chánh hạnh.
- Chánh tu.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh, thì sắc... dẫn đến hết thấy các pháp đều thanh tịnh cả; ngược lại vì hết thấy các pháp thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh. Ở nơi thật tướng pháp thì hết thấy các pháp cùng Bát nhã Ba-la-mật là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Vì là chẳng phải hai, chẳng phải khác nên là chẳng ly, chẳng đoạn, chẳng hoại.

Lại nữa, cầu ngã, cầu pháp... dẫn đến cầu 3 đời 10 phương chư Phật đều bất khả đắc cả. Bởi vậy nên 5 âm chi là giả danh, chúng sanh chỉ là giả danh... dẫn đến tri giả, kiến giả, cùng hết thấy các pháp cũng đều là giả danh cả; ngã là “không”, là vô sở hữu, là thanh tịnh, nên chúng sanh... dẫn đến tri giả, kiến giả, cùng hết thấy các pháp đều cũng là “không”, là vô sở hữu, là thanh tịnh cả.

-oOo-

KINH:

Này Tu Bồ Đề! Vì “tham, sân, si” thanh tịnh, nên sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh.

“Tham, sân, si” thanh tịnh cùng với “sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí” thanh tịnh là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Này Tu Bồ Đề ! Vì vô minh thanh tịnh, nên hành thanh tịnh; hành thanh tịnh, nên thức thanh tịnh; thức thanh tịnh, nên sắc thanh tịnh; danh sắc thanh tịnh, nên 6 nhập thanh tịnh; 6 nhập thanh tịnh, nên xúc thanh tịnh; xúc thanh tịnh, nên thọ thanh tịnh; thọ thanh tịnh, nên ái thanh tịnh; ái thanh tịnh, nên thủ thanh tịnh; thủ thanh tịnh, nên hữu thanh tịnh; hữu thanh tịnh, nên sanh thanh tịnh; sanh thanh tịnh, nên lão tử thanh tịnh.

Vì tất cả 12 chi duyên khởi đều thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh.

Vì Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh, nên Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Thiền Ba-la-mật đều thanh tịnh, nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không đều thanh tịnh, 4 niệm xứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều thanh tịnh.

Vì sao? Vì hết thấy pháp thanh tịnh là chẳng phải hai, chẳng phải khác, chẳng đoạn, chẳng hoại.

Này Tu Bồ Đề! Vì Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh nên sắc... dẫn đến cùng với Nhất thiết chủng trí đều thanh tịnh.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật cùng với sắc... dẫn đến cùng với Nhất thiết chủng trí là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Này Tu Bồ Đề ! Vì hữu vi thanh tịnh, nên vô vi thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu vi thanh tịnh cùng vô vi thanh tịnh là chẳng phải hai, chẳng phải khác, chẳng đoạn, chẳng hoại.

Này Tu Bồ Đề ! Vì quá khứ thanh tịnh, nên hiện tại và vị lai đều thanh tịnh.

Vì sao? Vì quá khứ cùng hiện tại và vị lai là chẳng phải hai, chẳng phải khác, chẳng đoạn, chẳng hoại.

LUẬN:

Hỏi: *Phật đã dạy 3 độc là bất tịnh. Nay vì sao lại nói “tham, sân và si” thanh tịnh, nên sắc thanh tịnh?*

Đáp: Đây là nói tánh của 3 độc thanh tịnh, nên tánh của sắc cũng là thanh tịnh. Bởi vậy nên nói 3 độc thanh tịnh, nên sắc cũng thanh tịnh. Vì sao? Vì 3 độc thanh tịnh cùng sắc thanh tịnh là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Còn nói 12 chi duyên khởi thanh tịnh là nói tánh của vô minh là rốt ráo không, là vô sở hữu, là rốt ráo thanh tịnh, nên tánh của các chi khác trong 12 chi duyên khởi cũng đều rốt ráo thanh tịnh cả.

Vì 12 chi duyên khởi thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh.

Vì Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh, nên Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Thiền Ba-la-mật đều thanh tịnh, nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không đều thanh tịnh, 4 niệm xứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều thanh tịnh. Vì hết thảy các pháp thanh tịnh là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Lại nữa, vì hữu vi thanh tịnh, nên vô vi thanh tịnh. Vì thật tướng của hữu vi là vô vi vậy.

Ví như người cầu “thường, lạc, ngã, tịnh” ở nơi các pháp, mà chẳng biết rằng “thường, lạc, ngã, tịnh” ở nơi các pháp là bất khả đắc.

Vì thật tướng vô vi là bất khả đắc, nên nói hữu vi thanh tịnh, thì vô vi thanh tịnh..

Lại nữa, do nhân duyên có hữu vi mới có vô vi. Các bậc

Thánh đã trú ở nơi vô vi, nên thấy hữu vi thanh tịnh, mà đã là thanh tịnh, thì cũng tức là vô vi vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói: hữu vi thanh tịnh, thì vô vi thanh tịnh, dẫn đến hữu vi pháp ở cả ba đời đều thanh tịnh. Vì sao? Vì quá khứ đã qua, vị lai chưa đến, hiện tại hằng chuyển, niệm niệm sanh diệt, nên hết thấy pháp đều là chẳng trú, mà cũng là chẳng phải chẳng trú; cả ba đời đều là rốt ráo không.

Khi vào được trong Bát nhã Ba-la-mật rồi thì biết rõ hữu vi cùng vô vi đều là không, tức là biết rõ hết thấy các pháp, ở nơi thật tướng, đều là rốt ráo thanh tịnh cả.

Hỏi: *Nếu chẳng tin Bát nhã Ba-la-mật, thì đọa vào địa ngục; nếu tin Bát nhã Ba-la-mật, thì sẽ thành tựu được Phật quả. Như vậy, hạng người phạm tội “ngũ nghịch” phá giới, tà kiến, giải đãi, mà tin Bát nhã Ba-la-mật, thì có bị đọa địa ngục không? Người trì giới tinh tấn mà chẳng tin Bát nhã Ba-la-mật, thì có đọa địa ngục không?*

Đáp: Phá Bát nhã Ba-la-mật có hai trường hợp. Đó là:

- Phá hoại lời Phật dạy trong các kinh điển. Ví như người vô trí nghe người khác đọc tụng kinh điển, mà phi báng, cho đó là chẳng phải lời Phật dạy. Hạng người như vậy đọa vào đoạn diệt kiến. Do chấp tà kiến như vậy, mà phải đọa vào địa ngục.

Lại có người viết chép lời Phật dạy, mà thêm bớt cho sai lệch, hoặc miệng thuyết Bát nhã Ba-la-mật là “không” mà tâm chấp là “có”. Hạng người như vậy cũng bị đọa vào địa ngục.

- Người tin Bát nhã Ba-la-mật mà luận nghị còn vương mắc, thì chẳng gọi là phá Bát nhã Ba-la-mật.

Ví như ông Điều Đạt và ông Kỳ Vút đều làm thân Phật chảy máu, nhưng với tâm niệm khác nhau, nên đã thọ các

quả báo khác nhau. Ông Điều Đạt thì bị tội, còn ông Kỳ Vút thì được phước.

Lại ví như 2 người phá tượng Phật, một người vì thấy tượng chẳng đẹp mà phá đi để tạc tượng khác, một người vì ác tâm mà phá tượng, thì người sau bị đọa địa ngục vì tội phá pháp, phá tượng.

Lại nữa, có người, tuy chẳng có ý khinh Phật, nhưng lại phân biệt tư duy rằng: Bát nhã Ba-la-mật là pháp thâm thâm, ắt phải có chỗ thâm diệu. Sao lại rốt ráo không được?

Tư duy như vậy, nói ra như vậy cũng là phá hoại Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Phật muốn cứu độ chúng sanh mà phương tiện nói ra để chỉ bày thật tướng pháp, mà phạm phu lại chấp tâm, thủ tướng. Do vậy mà khởi khẩu nghiệp hủy báng, phá hoại Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Tin Bát nhã Ba-la-mật cũng có 2 trường hợp. Đó là:

- Người tin giải Bát nhã Ba-la-mật được vô lượng công đức.
- Người tin kinh quyền Bát nhã Ba-la-mật, tin theo văn tự cùng ngữ ngôn Bát nhã Ba-la-mật, thì chỉ được quả báo phước đức.

Trái lại, người tinh tấn trì giới, điều thân khẩu tốt, mà vẫn còn tùy thuận theo tà kiến, thì cũng bị tội hành ác pháp.

Ví như người trồng giống cây quả đắng, thì chắc chắn sẽ hái quả đắng vậy. Người theo tà kiến cũng như vậy; tuy có tinh tấn trì giới, tinh tấn điều thân khẩu, mà vẫn có thể bị đọa vào đường ác.

Hỏi: *Người phạm tội “ngũ nghịch” là người phạm trọng tội. Hạng người này thường bị vô minh, si ám che tâm, chẳng tin vào các nghiệp quả báo ở đời này và cả ở đời sau, do các tội ác của họ gây ra. Như vậy, hạng người này làm sao có thể thâm tín Bát nhã Ba-la-mật được?*

Đáp: Có người trước đã phạm tội “ngũ nghịch” như giết cha, giết mẹ, phá hòa hợp tăng v.v..., nhưng về sau biết ăn năn, hối cải, lại được thiện tri thức dạy dỗ, cũng có thể tín giải được thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, và vào được đạo.

Như trường hợp vua A Xà Thế phạm tội giết cha, đã nhờ Phật và ngài Bồ tát Văn Thù Sư Lợi thuyết Bát nhã Ba-la-mật cho nghe, mà thâm tín Bát nhã Ba-la-mật chứng được đạo quả.

-o0o-

Nên biết, người viết chép kinh quyển, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật mong khỏi tội ác, nhưng nếu chẳng liễu được thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng vẫn chẳng vào được đạo.

Lại cũng nên biết, có người ở đời trước đã được gặp thiện tri thức, đã chứa nhóm các nhân duyên phước đức, đã có lợi căn, đã thâm tín Bát nhã Ba-la-mật, thì ở đời nay cũng lại thâm tín Bát nhã Ba-la-mật vậy.

-oOo-

Phẩm Thứ Bốn Mươi Hai



Thán Tịnh

(Tán Thán Thanh Tịnh)

KINH:

Lúc bảy giờ, ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh này rất thậm thâm chăng?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Thanh tịnh này rất thậm thâm, vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là thanh tịnh thậm thâm?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Vì sắc... dẫn đến thức thanh tịnh, nên là thanh tịnh thậm thâm.

Vì 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 10 lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp đều thanh tịnh, nên là thanh tịnh thậm thâm.

Vì Bồ tát thanh tịnh, Phật thanh tịnh... dẫn đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh, nên là thanh tịnh thậm thâm.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh này rất diệu minh chăng?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Thanh tịnh này rất diệu minh vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là thanh tịnh diệu minh?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Vì Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, 4 niệm xứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh, nên là thanh tịnh diệu minh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh này bất tương tục chăng?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Thanh tịnh này bất tương tục, vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những pháp gì bất tương tục, khiến thanh tịnh này bất tương tục?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Vì sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều vô khứ (chẳng đi), bất tương tục (chẳng tương tục), nên thanh tịnh này bất tương tục.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh này vô cấu chăng?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Thanh tịnh này vô cấu, vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những pháp gì vô cấu, khiến thanh tịnh này vô cấu?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Vì tánh của sắc... dẫn đến tánh của Nhất thiết chủng trí thường thanh tịnh, nên thanh tịnh này vô cấu.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh này vô đố, vô trước chăng?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Thanh tịnh này vô đố, vô trước, vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những pháp gì vô đố, vô trước, khiến thanh tịnh này vô đố, vô trước?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phát! Vì sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều vô đắc, vô trước, nên thanh tịnh này vô đắc, vô trước.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh này vô sanh chăng?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phát! Thanh tịnh này vô sanh, vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những pháp gì vô sanh, khiến thanh tịnh này vô sanh?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phát! Vì sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí vô sanh, nên thanh tịnh này vô sanh.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh này chẳng có sanh trong Dục giới chăng?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phát! Thanh tịnh này chẳng có sanh trong Dục giới, vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao thanh tịnh này chẳng có sanh trong Dục giới?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phát! Vì tánh của Dục giới bất khả đắc, nên thanh tịnh này chẳng có sanh trong dục giới.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh này chẳng có sanh trong Sắc giới và Vô Sắc giới chăng?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phát! Thanh tịnh này chẳng có sanh trong Sắc giới và Vô Sắc giới, vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao thanh tịnh này chẳng có sanh trong Sắc giới và Vô Sắc giới?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phát! Vì tánh của Sắc giới và

của Vô Sắc giới là bất khả đắc, nên thanh tịnh này chẳng có sanh trong Sắc giới và Vô Sắc giới.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh này vô tri chằng?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phất! Thanh tịnh này vô tri vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật! Bạch Thế Tôn! Vì sao thanh tịnh này là vô tri?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phất! Vì các pháp đều là độn, nên thanh tịnh này vô tri.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật! Bạch Thế Tôn! Sắc... dẫn đến thức vô tri là tịch tịnh chằng?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phất! Vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật! Bạch Thế Tôn! Vì sao sắc... dẫn đến thức tịch tịnh, thì thanh tịnh này là rốt ráo thanh tịnh.

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phất! Vì sắc... dẫn đến thức đều là tự tướng không, nên sắc... dẫn đến thức tịch tịnh, khiến thanh tịnh này là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật! Bạch Thế Tôn! Vì sao hết thấy các pháp tịch tịnh, thì thanh tịnh này là rốt ráo thanh tịnh.

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phất! Hết thấy các pháp đều là bất khả đắc, nên hết thấy các pháp tịch tịnh, khiến thanh tịnh này là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật! Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật ở nơi Nhất thiết chủng trí có tăng, có giảm chằng?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Chẳng có tăng giảm, vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật! Bạch Thế Tôn! Vì sao Bát nhã Ba-la-mật ở nơi Nhất thiết chủng trí chẳng có tăng giảm?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Vì hết thảy các pháp thường trú, nên Bát nhã Ba-la-mật ở nơi Nhất thiết chủng trí chẳng có tăng giảm.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật! Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh chẳng thọ hết thảy các pháp chẳng?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Vì pháp tánh bất động, nên Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh chẳng thọ hết thảy các pháp.

LUẬN:

Thanh tịnh thể hiện ở hai nơi tướng. Đó là:

- Trí tuệ thanh tịnh.
- Duyên pháp thanh tịnh.

Đây là hai tướng tịnh do đối đãi với nhau, nương vào nhau mà có.

Ly trí tịnh, thì chẳng có duyên tịnh; mà ly duyên tịnh cũng chẳng có trí tịnh. Vì sao? Vì hết thảy tâm pháp cũng như tâm sở pháp đều từ duyên sanh. Nếu tâm chẳng duyên, thì trí chẳng sanh được. Ví như chẳng có củi hay chẳng có các loại chất đốt khác, thì lửa chẳng thể nào hiển tác được.

Người có trí huệ biết rõ các duyên đều thanh tịnh. Người vô trí chẳng có thể biết được như vậy, nên ở nơi trí tịnh, nơi duyên tịnh mà tương đãi phân biệt.

Nên biết, thật tướng pháp bản lai thanh tịnh, ly cả trí và

duyên. Chỉ vì tâm và tâm sở y vào các nhiễm duyên pháp, mà cho là chẳng thanh tịnh vậy.

Cũng nên biết, hết thảy các pháp bản lai thanh tịnh, chẳng phải do Phật tạo tác ra; chẳng phải do ai khác tạo tác ra. Dù có Phật hay chẳng có Phật, thì pháp tánh vẫn thường trú, chẳng có hoại. Tuy rằng các pháp là hư vọng, nhưng bản lai vẫn chẳng nhiễm, chẳng tịnh; tự tánh của các pháp vẫn thường thanh tịnh, là như pháp tánh thật tế, là Bát nhã Ba-la-mật, là đạo; thường là bất sanh, bất diệt, thường là vô tướng, vô tác, vô tri, vô đắc; thường là rốt ráo không.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phất quán thật tướng Bát nhã Ba-la-mật là bất văn (chẳng nghe được), bất kiến (chẳng thấy được), bất thuyết (chẳng nói ra được), bất hoại (chẳng hoại). Bởi vậy nên người hủy báng Bát nhã Ba-la-mật phải chịu vô lượng tội khổ; còn người tín thọ Bát nhã Ba-la-mật được vô lượng phước đức. Quán như vậy rồi, ngài phát tâm hoan hỷ, bạch Phật: Thanh tịnh như vậy là thanh tịnh thậm thâm.

Phật dạy: Chỗ ông thấy như vậy thật là hy hữu. Thế nhưng thật tướng pháp lại còn vi diệu hơn nhiều.

Vì sao? Vì hết thảy pháp đều là thanh tịnh, đều là vô sở trú... dẫn đến thanh tịnh đó cũng là vô sở trú. Thanh tịnh như vậy mới gọi là rốt ráo thanh tịnh.

Lại nữa, thanh tịnh như vậy chính là Bát nhã Ba-la-mật, khiến vô biên phiền não khổ đau đều được tận diệt.

Chư Thánh, ở nơi hết thảy các pháp, vẫn thường giữ tâm thanh tịnh, thường làm các việc lợi ích cho chúng sanh, mà chẳng có chấp trước. Đây là thanh tịnh “thậm thâm”.

Phật dạy: Bồ tát, ở nơi các sắc pháp, phải đoạn hết các quán hạnh, thì mới được thanh tịnh. Vì sao? Vì khi danh sắc đã được thanh tịnh, thì sẽ phá được các hý luận vô minh, sẽ vào được nơi rốt ráo không, sẽ được trí huệ quang minh.

Đây là thanh tịnh “diệu minh”.

Bồ tát hành các diệu pháp Ba-la-mật, rồi lại nhập vào “không tam muội” để xả các thiện pháp, nên được thanh tịnh diệu minh, vào Hữu Dư Niết bàn.

Đến khi thọ mạng tận, khiến 5 ấm thân chẳng còn tương tục nữa, Bồ tát vĩnh viễn chẳng còn thọ nghiệp báo sanh thân nữa.

Đây là thanh tịnh “bất tương tục”.

Bồ tát được thanh tịnh bất tương tục, vào Vô Dư Niết bàn.

-o0o-

Lại nữa, do được thanh tịnh mà hành giả chẳng còn bị 108 phiền não che tâm, chẳng còn bị nhiễm ô nữa.

Đây là thanh tịnh “vô cấu”.

Hành giả được các diệu pháp tự tại như vậy, là vào được nơi thật tướng pháp, vào được nơi “bất nhị môn”.

Hành giả tu khổ pháp nhẫn, tu 4 thánh đế dẫn đến được 16 tâm hạnh, được quả Sa môn, chẳng còn bị đọa nữa.

-o0o-

Hành giả lại tinh tấn tu tập 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến được nhu thuận nhẫn, được vô sanh pháp nhẫn, vào Bồ tát vị, được thanh tịnh pháp.

Ở nơi đây, hành giả dụng tâm vô sở đắc, hành các diệu pháp, mà biết rõ hết thấy pháp đều là rốt ráo không. Vì biết rõ các pháp đều là rốt ráo không, nên chẳng chấp trước, chẳng khởi nghiệp. Đây là thanh tịnh “vô đắc”, “vô trước”.

-o0o-

Do chẳng có tác nghiệp, nên hành giả ở nơi hết thấy các thể gian pháp, mà vẫn được thể “vô sanh”.

Đây là thanh tịnh “vô sanh”.

Ở trong 3 cõi, có 2 nhân duyên dẫn đến “vô sanh”. Đó là:

- Chẳng khởi 3 nghiệp “thân, khẩu và ý”.
- Biết rõ 3 cõi đều là tự tánh không, đều là bất khả đắc.

-o0o-

Lại nữa, hết thấy pháp vốn là vô tri, là động, vì tự tánh thường bất sanh, bất diệt, thường là bất khả đắc, là rốt ráo thanh tịnh. Đây là thanh tịnh “vô tri”.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phất biết các vị tân học Bồ tát còn tham trước Bát nhã Ba-la-mật; ngài muốn đoạn các sự tham trước ấy, nên đã bạch với Phật rằng: Bát nhã Ba-la-mật có vô lượng công đức như vậy nhưng lại là rốt ráo thanh tịnh, ở nơi Nhất thiết chủng trí, Bát nhã Ba-la-mật chẳng có tăng, chẳng có giảm.

Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều như mộng, như huyễn. Người nằm mộng tưởng như có được, có mất, nhưng thật

ra chẳng có gì tăng, chẳng có gì giảm, chỉ ví như hư không vậy thôi.

Bát nhã Ba-la-mật cũng như vậy, chẳng có tăng, chẳng có giảm, là như hư không, là rốt ráo thanh tịnh, là vô sở hữu.

Vì Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo thanh tịnh như hư không, nên Bồ tát mới thành tựu chúng sanh, cứu độ chúng sanh, mà vẫn là bất khả đắc.

Vì pháp tánh là bất động, nên Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo thanh tịnh, đoạn hết thảy các ngôn ngữ hý luận, diệt hết thảy các quán, chẳng thọ hết thảy các pháp, dẫn vào nơi thật tướng pháp vậy.

-o0o-

KINH:

Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì ngã thanh tịnh, nên sắc thanh tịnh chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao ngã thanh tịnh nên sắc thanh tịnh là rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì ngã là vô sở hữu, nên sắc là vô sở hữu là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì ngã thanh tịnh, nên thọ, tưởng, hành và thức thanh tịnh chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao ngã thanh tịnh, nên thọ, tưởng, hành và thức thanh tịnh là rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì ngã là vô sở hữu nên thọ, tướng, hành và thức đều là vô sở hữu, là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì ngã thanh tịnh, nên 6 pháp Ba-la-mật thanh tịnh chẳng?

Vi ngã thanh tịnh, nên 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 10 lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp thanh tịnh chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì ngã thanh tịnh, nên 4 quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo... dẫn đến Phật đạo thanh tịnh chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao ngã thanh tịnh, nên 4 quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo... dẫn đến Phật đạo là rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì là tự tướng không.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì ngã thanh tịnh, nên Nhất thiết chủng trí thanh tịnh chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Vì sao ngã thanh tịnh, nên Nhất thiết chủng trí là rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì là vô tướng, vô niệm.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì vô tướng, vô niệm thanh tịnh nên vô đắc, vô trước thanh tịnh chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì vô tướng, vô niệm thanh tịnh, nên vô đắc, vô trước thanh tịnh là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao vô tướng, vô niệm thanh tịnh, nên vô đắc, vô trước thanh tịnh là rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì là vô cấu, vô tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì ngã vô biên, nên sắc... dẫn đến thức thanh tịnh chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao ngã vô biên, nên sắc... dẫn đến thức thanh tịnh là rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì là tất cánh không, là vô thí không.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát biết được như vậy gọi là Bồ tát Ma-ha-tát Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao gọi Bồ tát biết được như vậy gọi là Bồ tát Ma-ha-tát Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì Bồ tát ấy biết đạo chủng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba-la-mật, do có lực phương tiện, nên tự niệm rằng: Sắc chẳng biết sắc... dẫn đến thức chẳng biết thức; pháp quá khứ chẳng biết pháp quá khứ; pháp hiện tại chẳng biết pháp hiện tại; pháp vị lai chẳng biết pháp vị lai.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma-ha-tát hành Bát

nhã Ba-la-mật, do có lực phương tiện, nên chẳng tự niệm rằng: Ta tu bố thí như vậy, tu trì giới như vậy, tu nhẫn nhục như vậy, tu tinh tấn như vậy, tu thiền định như vậy, tu trí huệ như vậy; ta được phước đức như vậy.

Lại cũng chẳng tự niệm rằng: Ta sẽ nhập Bồ tát vị, sẽ thành tựu chúng sanh, sẽ thanh tịnh Phật độ, sẽ được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba-la-mật, do có lực phương tiện, nên chẳng có tướng niệm phân biệt các pháp, vì đều là nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, tánh không, chư pháp không, tự tướng không vậy.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba-la-mật, do có lực phương tiện như vậy, nên được vô sở ngại.

LUẬN:

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề cần nêu lên các nhân duyên, mới có thể vì chúng hội, thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật.

Do vậy mà ngài Xá Lợi Phất hỏi về “thanh tịnh tướng”, và ngài đã được Phật tác chứng.

Nay ngài Tu Bồ Đề thuyết về “thanh tịnh tướng”, nên Phật cũng lại tác chứng, và vì đại chúng dạy rằng: Vì ngã thanh tịnh, nên sắc... dẫn đến thức thanh tịnh; vì ngã là vô sở hữu, là rốt ráo không, nên sắc... dẫn đến thức cũng là vô sở hữu, là rốt ráo không.

Nếu nói 5 ấm thanh tịnh, thì người nghe khó hiểu. Do vậy mà Phật nói ngã thanh tịnh để người nghe dễ hiểu hơn, rồi sau đó mới nói đến 5 ấm thanh tịnh. Dùng chỗ dễ hiểu để giải thích chỗ khó hiểu vậy.

Thuyết về 6 pháp Ba-la-mật, về 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, về 10 lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp, về 4 quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo... dẫn đến Phật, Phật cũng nói về ngã thanh tịnh để giải thích cho đại chúng biết rõ hết thấy các pháp đó cũng đều là thanh tịnh cả.

Hỏi: *Trên đây đã nói ngã vô sở hữu, nên sắc... dẫn đến 18 bất cộng pháp đều là vô sở hữu. Nay vì sao nói 4 quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo... dẫn đến Phật đạo đều là tự tướng không?*

Đáp: Ngã do nhân duyên hòa hợp mà giả danh có. Thế nhưng, ở nơi vô ngã, mà phạm phu điên đảo chấp ngã.

Bởi vậy nên Phật dạy: Ngã là hư vọng, là vô sở hữu, nên sắc... dẫn đến thức, Đản Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 10 lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp, cùng hết thấy các pháp đều là hư vọng, là vô sở hữu cả.

Các pháp, dù là thiện, dù là bất thiện cũng đều là pháp hữu vi. Vì các Bồ tát phát tâm còn chấp vào các thiện pháp, nên Phật dạy: Các pháp hữu vi đều là vô sở hữu.

Còn 4 quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo... dẫn đến Phật đạo là pháp vô vi, nên Phật dạy: Các pháp này đều là tự tướng không.

Đã là tự tướng không, thì là vô sanh, vô diệt, vô trú, vô dị vậy. Sở dĩ chẳng nói các pháp vô vi là vô sở hữu, mà nói là tự tướng không, vì lý do sau đây:

- Ở nơi các pháp hữu vi còn có khởi các tà hạnh, nên phải nói là vô sở hữu.

- Ở nơi các pháp vô vi chẳng có khởi tà hạnh, nên nói là

vô sanh, vô diệt, vô trú, vô dị, là tự tướng không.

Cho nên nói: Ngã thanh tịnh thì Nhất thiết chủng trí cũng thanh tịnh. Nếu Bồ tát thâm nhập được vô tướng, vô niệm, thì vào được “vô tướng tam muội”.

Nay ngài Tu Bồ Đề biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là chân thanh tịnh, nên đã thưa hỏi Phật về 2 pháp “vô đắc” và “vô trước” thanh tịnh.

Nên biết, thanh tịnh, nói nơi đây, có 2 nghĩa:

- Dùng hai pháp đều là thanh tịnh cả.
- Dùng “bất nhị pháp” thanh tịnh.

Khi nói hai pháp thanh tịnh là nói về mặt danh tự. Còn khi nói về “bất nhị pháp” thanh tịnh là nói về chân thanh tịnh.

Phật dạy: Các pháp đều là rốt ráo không, rốt ráo thanh tịnh. Sở dĩ trong kinh nói đến hai pháp thanh tịnh, vì nhằm phá các chấp về “có đắc”, “có trước” của phàm phu. Ví như nói: Vì ngã thanh tịnh, nên 5 ấm thanh tịnh; vì ngã vô biên thanh tịnh, nên 5 ấm vô biên thanh tịnh v.v...

Ở đây, Phật nói lên nhân duyên hết thảy các pháp đều là “vô cấu, vô tịnh”, nên đều là “vô tướng, vô niệm”, là “vô đắc, vô trước”, là rốt ráo thanh tịnh vậy.

Hỏi: *Nói rốt ráo thanh tịnh là đủ rồi. Vì sao còn nói tất cánh không, vô thi không làm gì nữa?*

Đáp: Rốt ráo thanh tịnh cũng có nghĩa là rốt ráo không, tức là tất cánh không rồi vậy. Do phàm phu sợ nghĩa “không”, nên phải nói nghĩa “thanh tịnh” vậy.

Ở đoạn kinh trên đây có nói đến “ngã vô biên”. Đây là nói về “chúng sanh không”; mà “chúng sanh không” tức là “vô

thì không” vậy. Người hiểu rõ được như vậy, mới là người tín giải được thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, là người biết rõ được “chúng sanh không” và “pháp không”, biết rõ được hết thấy các pháp đều rớt ráo không, biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là rớt ráo thanh tịnh.

Trên đây, Phật đã nói rõ về nghĩa “rớt ráo không”, nên ngài Tu Bồ Đề mới hỏi: Nếu nói rớt ráo không, thì làm thế nào để biết được hết thấy pháp đều là rớt ráo không? Vì sao nói Bồ tát biết được như vậy là Bồ tát Ma-ha-tát Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Vô tri (chẳng biết) cũng tức là tri đạo chùng (biết đạo chùng). Bồ tát biết rõ hết thấy pháp đều là rớt ráo không, rồi lại muốn chúng sanh cũng biết như vậy, để xa lìa tâm chấp trước. Vì sao? Vì nói rớt ráo không chỉ nhằm để phá tâm chấp trước, nhưng “rớt ráo không” chẳng phải là định pháp vậy.

Nghe Phật dạy như vậy, ngài Tu Bồ Đề nói: Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật phải tự niệm rằng: Sắc chẳng biết sắc... dẫn đến thức chẳng biết thức, pháp quá khứ chẳng biết pháp quá khứ, pháp hiện tại chẳng biết pháp hiện tại, pháp vị lai chẳng biết pháp vị lai v.v...

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật lại phải tự niệm rằng: Bát nhã Ba-la-mật chẳng có định tướng. Chỉ vì lợi ích chúng sanh, mà dùng đạo chùng trí phân biệt thuyết ra vậy thôi.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, do có các lực phương tiện, nên biết rõ các pháp đều là rớt ráo không, biết rõ sắc pháp chẳng biết sắc pháp. Quán hết thấy các pháp là rớt ráo không như vậy là dùng “huệ năng quán” để dẫn đạo chúng sanh xả ly chấp tướng, thể nhập vào rớt ráo không vậy.

Bồ tát, do quán nội pháp cũng như ngoại pháp đều rốt ráo không như vậy, mà có được đầy đủ các lực phương tiện, nên khi hành bố thí được tam luân không tịch, chẳng thấy có ta là người hành bố thí, chẳng thấy có người thọ hưởng sự bố thí, chẳng thấy có tài vật đem ra bố thí vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nói sắc pháp chẳng biết sắc pháp, vì hết thấy các pháp đều là rốt ráo không. Nếu các pháp chẳng tương tri, tức là chẳng biết nhau, thì các pháp đều là “vô sở tác” vậy.

Như vậy là phá được hai chấp là chấp có người thọ thí, có tài vật thí. Nay lại phá luôn cả chấp có người hành bố thí nữa, dẫn đến phá chấp ngã, chấp Nhất thiết chủng trí, chấp hết thấy pháp. Do Bồ tát có đầy đủ các lực phương tiện mà được như vậy.

Nếu chẳng phải như vậy, mà vọng khởi phân biệt, là chẳng liễu triệt được “nội không”... dẫn đến chẳng liễu triệt được “tự tướng không”.

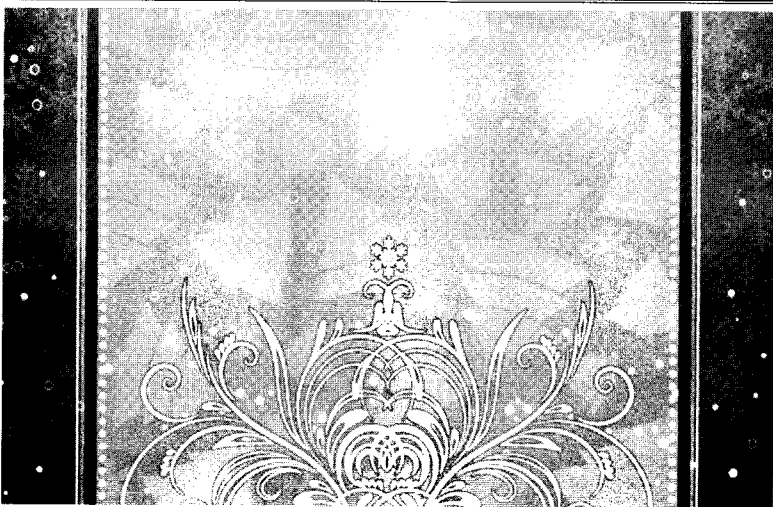
Nên biết, 13 “pháp không” nêu ở đây, từ nội không... dẫn đến tự tướng không, nhằm phá hết thấy các chấp về pháp tướng. Còn 5 “pháp không” sau cùng gồm có chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không và vô pháp hữu không, nhằm phá tổng tướng của hết thấy các pháp.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, do có lực phương tiện như vậy, nên được vô sở ngại; vô ngại đối với ngã cũng như vô ngại đối với pháp.

(Hết quyển 63)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 64



Phẩm Thứ Bốn Mươi Hai (TIẾP THEO)



Thán Tịnh (tiếp theo)

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi ngài Tu Bồ Đề: Thưa đại đức! Thế nào gọi là thiện nam, thiện nữ cầu Bồ tát đạo, mà chứng ngại pháp?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Có thiện nam, thiện nữ cầu Bồ tát đạo, mà mong tâm chấp tướng, như là chấp tướng Đàn Ba-la-mật... dẫn đến tướng Bát nhã Ba-la-mật, chấp tướng nội không... dẫn đến tướng vô pháp hữu pháp không, chấp tướng 4 niệm xứ... dẫn đến tướng 8 thánh đạo, chấp tướng 10 lực... dẫn đến tướng 18 bất cộng pháp, chấp tướng gieo trồng thiện căn của chư Phật, chấp tướng hòa hợp hết thấy các phước đức, chấp tướng hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Như vậy là thiện nam, thiện nữ cầu Bồ tát đạo, mà chứng ngại pháp. Dụng pháp như vậy chẳng được vô ngại ở nơi Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì còn chấp tướng 5 âm... dẫn đến còn chấp tướng Nhất thiết chủng trí, thì chẳng thể hồi hướng được.

Lại nữa, thưa ngài Kiều Thi Ca! Nếu Bồ tát muốn giáo hóa người khác tu tập để đến được Vô Thượng Bồ Đề, thì phải giáo hóa họ về thật tướng các pháp.

Thiện nam, thiện nữ, nếu cầu Bồ tát đạo, thì khi hành

6 pháp Ba-la-mật chẳng nên khởi tâm phân biệt rằng: Tôi có bố thí, có trì giới, có nhẫn nhục, có tinh tấn, có thiền định, có trí huệ; tôi có tu tập nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, có tu tập 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, có tu tập 10 lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp, có hành Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu giáo hóa người khác tu Vô Thượng Bồ Đề như vậy, thì thiện nam, thiện nữ ấy đã theo đúng lời Phật dạy, chẳng có lầm lạc, khiến xa lìa được hết thảy các ngại pháp.

Lúc bấy giờ, Phật tán thán ngài Tu Bồ Đề: Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! Ông đã vì chur Bồ tát khéo thuyết về các chướng ngại pháp.

Này Tu Bồ Đề! Này ông hãy lắng nghe ta nói về các tướng chướng ngại vi tế.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con xin nhất tâm nghe.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề, mà còn chấp tướng tướng niệm chur Phật là còn bị chướng ngại pháp.

Lại nữa, nếu thiện nam, thiện nữ tưởng hết thảy thiện căn của chur Phật, từ sơ phát tâm... dẫn đến thời kỳ pháp trụ, rồi hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, mà còn chấp tướng, thì như vậy là còn bị chướng ngại pháp.

Lại nữa, nếu thiện nam, thiện nữ chấp tướng thiện căn của chur Phật, của chur đệ tử Phật ... dẫn đến của các chúng sanh, rồi đem hết thảy các thiện căn đó hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, thì như vậy cũng là còn bị chướng ngại pháp.

Vì sao? Vì chẳng nên chấp tướng chư Phật, chẳng nên chấp tướng tướng niệm chư Phật, chẳng nên chấp tướng thiện căn, chẳng nên chấp tướng tướng niệm thiện căn.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật thật thâm thâm.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Thâm thâm vì thường ly hết thấy các pháp vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con xin thành kính đánh lễ Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật chẳng khởi, chẳng tác, nên chẳng có ai năng đắc cả.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy hết thấy các pháp đều bất khả đắc chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Hết thấy các pháp đều chi là một tánh (nhất tánh), chẳng phải là hai tánh (nhị tánh).

Nhất tánh cũng tức là vô tánh, nên chẳng có khởi, chẳng có tác.

Nếu Bồ tát biết rõ các pháp chỉ là nhất tánh, là vô tánh, đều chẳng khởi, chẳng tác, thì xa lìa được hết thấy chướng ngại tướng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật thật khó biết, khó giải.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói, Bát nhã Ba-la-mật chẳng ai thấy, chẳng ai nghe, chẳng ai biết, chẳng ai đắc cả.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật là bất khả tư nghì.

Phật dạy: **Này Tu Bồ Đề!** Đúng như lời ông nói, **Bát nhã Ba-la-mật chẳng từ tâm sanh, chẳng từ 5 ấm sanh, ... dẫn đến chẳng từ 18 bất cộng pháp sanh.**

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao vị Đế Thích lại hỏi về chướng ngại pháp?*

Đáp: Ngại tướng ở nơi chư vị Bồ tát rất là vi tế. Vì sao? Vì ngay ở nơi các thiện pháp cũng có vi tế ngại tướng. Người lợi căn, thượng trí mới có thể thấy được; còn người độn căn, thiếu trí thì chẳng sao có thể thấy được vậy.

Bởi vậy nên, trước Phật, vị Đế Thích mới thưa hỏi về vi tế chướng ngại pháp.

-o0o-

Nên biết, “xan tâm” là chướng ngại pháp. Muốn bỏ “xan tâm”, phải hành “thí tâm”. Thế nhưng, bỏ xan tâm, hành thí tâm, mà vẫn còn thủ chấp tướng bố thí, thì cũng vẫn còn bị ngại pháp.

Trái lại, nếu bố thí các nội ngoại vật sở hữu của mình, mà chẳng chấp có tướng người thí, người thọ và tài vật thí, thì mới chẳng bị ngại pháp, mới là bố thí Ba-la-mật. Đối với tùy hỷ thiện căn, hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề cũng là như vậy.

Vì sao? Vì mặc dù bố thí là diệu pháp, nhưng nếu trong vẫn còn chấp ngã, và ngoài vẫn còn chấp pháp, thì cũng vẫn còn là bị ngại pháp vậy.

Vì như món ăn ngon có trộn tạp độc, khiến người ăn phải mang bệnh vào thân.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề nói rõ rằng: Pháp tướng rốt ráo là không. Bồ tát phải chẳng chấp tướng chư Phật, tướng thiện căn, tướng hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề... mới xa lìa được các chướng ngại pháp. Ở nơi “vô ngại tướng”, Bồ tát phải dụng thật trí huệ khai thị cho người cầu Vô Thượng Bồ Đề, để họ biết rõ được thật nghĩa của 6 pháp Ba-la-mật, khiến họ diệt sạch được các thức tướng phân biệt, dẫn họ vào nơi thật tướng pháp.

Nếu Bồ tát dụng thật tướng pháp, giáo hóa cho người cầu Vô Thượng Bồ Đề như vậy, sẽ đạt được hai điều lợi ích. Đó là:

- Tự mình chẳng lầm lạc.

- Đúng theo lời Phật dạy mà giáo hóa người khác, khiến họ chẳng bị lầm lạc.

Được như vậy là chẳng còn bị “ngại pháp tướng” nữa, nên gọi là được “vô ngại pháp tướng”, được “vô tướng pháp tướng” vậy.

Hỏi: *Ngài Tu Bồ Đề đã khéo thuyết về nghĩa “ngại pháp tướng”, và đã được Phật tán thán. Nay vì sao Phật còn dạy thêm về “vi tế ngại pháp tướng” nữa?*

Đáp: Phật thấy ngài Tu Bồ Đề có trí lực, nên đã tán thán ngài là người đã xả được “chúng sanh tâm”, và đã thuyết về nghĩa “ngại pháp tướng”. Thế nhưng, trí lực của ngài Tu Bồ Đề vẫn còn có hạn lượng, nên Phật đã dạy rõ thêm về nghĩa của “vi tế ngại pháp tướng”, khiến ngài nhất tâm xin lắng nghe.

Vì sao? Vì nếu Bồ tát còn chấp tướng niệm Phật, chấp tướng thiện căn, chấp tướng hồi hướng... là còn bị “vi tế ngại pháp tướng”, là chưa vào được Bát nhã Ba-la-mật, vì Bát nhã Ba-la-mật là vô ngại tướng, là vô tướng tướng vậy.

Chư Phật xuất sanh từ nơi Bát nhã Ba-la-mật cũng là vô tướng tướng.

Bởi vậy nên, nếu ở các thiện căn, còn chấp có tướng thiện căn, còn chấp có tướng hồi hướng thiện căn về Vô Thượng Bồ Đề, thì chỉ thọ được quả báo thế gian có tạp độc, chẳng có thể nào đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Hỏi: “*Thô ngại pháp tướng*” và “*Vi tế ngại pháp tướng*” có gì sai khác nhau chăng?

Đáp: Trên đây đã nói về “*thô ngại pháp tướng*”, như nói hành bố thí mà còn chấp có tướng người thí, có tướng người thọ, có tướng tài vật thí là còn bị “*thô ngại pháp tướng*”.

Nay nói về “*vi tế ngại pháp tướng*”, như nói về trường hợp Bồ tát thù tam muội.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề biết Phật dạy đến chỗ thâm diệu của Bát nhã Ba-la-mật, mà chính ngài chưa có đạt đến được, nên ngài đã tán thán Bát nhã Ba-la-mật là thậm thâm.

Phật dạy: Vi thường ly hết thầy các pháp tướng... dẫn đến phải ly hết thầy các vi tế pháp tướng, mới vào được Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề được thâm giải nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, nên phát tâm kính lễ Bát nhã Ba-la-mật, và bạch Phật rằng: Con xin thành kính đánh lễ Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Bát nhã Ba-la-mật chẳng khởi, chẳng tác, nên

chẳng có ai đắc. Hằng sa chư Phật khắp trong 10 phương đều chẳng đắc, huống nữa là hàng Thanh Văn làm nói sao đắc được.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Chẳng phải riêng Bát nhã Ba-la-mật là pháp chẳng thể biết, chẳng thể đắc, mà hết thảy các pháp cũng đều là chẳng thể biết, chẳng thể đắc cả.

Phật dạy: Các pháp đều chỉ là nhất tánh (một tánh), chẳng phải là nhị tánh (hai tánh). Nhất tánh là rốt ráo không, nên cũng là vô tánh vậy. Vì là rốt ráo không, nên là chẳng thủ chấp vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng: Nếu là vô tánh, thì chẳng khởi, chẳng tác... dẫn đến chẳng còn tương tục ở đời sau.

Biết được như vậy là vào được Bát nhã Ba-la-mật, xả ly hết thảy các ngại pháp, nếu xả ly hết thảy các ngại pháp, thì được tự tại... dẫn đến được Vô Thượng đạo vậy.

Ngài Tu Bồ Đề lại nghĩ rằng: Chỗ ta cho là đắc, thì Phật gọi là bất đắc. Bát nhã Ba-la-mật thật là khó giải, khó biết vậy.

Phật dạy: Chẳng phải chỉ riêng ông nghĩ là khó, mà hết thảy chúng sanh đều chẳng thể thấy, chẳng thể nghe, chẳng thể biết, chẳng thể đắc vậy. Chẳng có thể dùng 6 căn, 6 thức để biết, để đắc Bát nhã Ba-la-mật được. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật vượt ra ngoài tầm hay biết của 6 thức, nên nói là khó giải vậy.

Ngài Tu Bồ Đề dụng trí lực đến chỗ cùng tột mới thâm nhập được vào Bát nhã Ba-la-mật, nên ngài bạch Phật rằng: Bát nhã Ba-la-mật là bất khả tư nghì.

Phật dạy: Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải từ tâm sanh, chẳng phải từ 5 ấm sanh... dẫn đến chẳng phải từ 18 bất cộng pháp sanh. Bởi vậy nên Bát nhã Ba-la-mật là vô sanh tướng vậy.

Hỏi: Nói Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải từ tâm sanh là đủ rồi. Vì sao lại còn nói Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải từ 5 ấm sanh làm gì nữa? Vì trong 5 ấm, thì thức ấm cũng chính là tâm rồi vậy.

Đáp: Trước nói Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải từ tâm sanh là nói lược. Nay nói Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải từ 5 ấm sanh là nói rộng. Đây là nói 5 ấm... dẫn đến 18 bất cộng pháp, tuy cùng với Bát nhã Ba-la-mật duyên khởi, mà chẳng sanh ra Bát nhã Ba-la-mật. Ví như gió lớn làm cho đám mây tan biến, khiến mặt trời và mặt trăng xuất hiện, mà gió chẳng phải là mặt trời, mặt trăng vậy.

-o0o-

Phẩm Thứ Bốn Mười Ba



Vô Tác

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy Bát nhã Ba-la-mật là vô sở tác chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì tác giả là bất khả đắc, nên sắc... dẫn đến hết thấy các pháp đều là bất khả đắc cả.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát muốn thật hành Bát nhã Ba-la-mật, thì phải thật hành như thế nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng hành sắc... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí, mới là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát chẳng hành sắc thường hay vô thường... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí thường hay vô thường, là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát chẳng hành sắc lạc hay khổ... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí lạc hay khổ, là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát chẳng hành sắc ngã hay vô ngã... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí ngã hay vô ngã, là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát chẳng hành sắc tịnh hay bất tịnh... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí tịnh hay bất tịnh, là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí là tự tánh không, là vô sở hữu. Bởi vậy nên sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều chẳng phải là thường, là vô thường, là lạc, là khổ, là ngã, là vô ngã, là tịnh hay bất tịnh vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng hành sắc bất cụ túc (chẳng đầy đủ)... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí bất cụ túc, mới là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì sắc bất cụ túc thì chẳng gọi là sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất cụ túc, thì chẳng gọi là Nhất thiết chủng trí. Chẳng hành như vậy mới là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thật là chưa từng có! Thế Tôn đã khéo thuyết về “ngại pháp tướng”, và về “vô ngại pháp tướng” của các thiện nam, thiện nữ cầu Bồ tát đạo.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! “ngại pháp tướng” và “vô ngại pháp tướng” của các thiện nam, thiện nữ cầu Bồ tát đạo là như vậy đó.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng hành sắc... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí, là chẳng bị chướng ngại pháp, mới là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên biết rõ sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí là vô ngại; biết rõ 4 quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề đều là vô ngại.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thật là

chưa từng có! Pháp thậm thâm này, hoặc thuyết ra, hoặc chẳng thuyết ra, cũng chẳng có tăng giảm.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Tu Bồ Đề! Pháp thậm thâm này, hoặc được thuyết ra, hoặc chẳng được thuyết ra, cũng chẳng có tăng giảm.

Ví như Phật, hoặc được tán thán, hoặc bị hủy báng mãi cho đến trọn đời, tâm vẫn thường như hư không, chẳng có tăng, chẳng có giảm.

Lại ví như người huyễn, khi được tán thán chẳng có vui, khi bị hủy báng chẳng có buồn.

Nay Tu Bồ Đề! Hết thấy các pháp tướng cũng đều là như vậy, dù có nói ra cũng như vậy, dù chẳng nói ra cũng như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát đạo rất khó hành rất khó tu. Chư Bồ tát, lúc tu tập Bát nhã Ba-la-mật chẳng ưu phiền, chẳng hoan hỷ. Các ngài luôn tu tập, hành trì Bát nhã Ba-la-mật chẳng bao giờ thối chuyển, mãi cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Tu tập Bát nhã Ba-la-mật là như tu tập hư không. Trong hư không chẳng có Đàn Ba-la-mật... dẫn đến chẳng có Bát nhã Ba-la-mật; chẳng có sắc... dẫn đến chẳng có thức; chẳng có nội không... dẫn đến chẳng có vô pháp hữu pháp không, chẳng có 4 niệm xứ... dẫn đến chẳng có 8 thánh đạo; chẳng có 10 lực... dẫn đến chẳng có 18 bất cộng pháp; chẳng có 4 quả Thanh Văn, chẳng có Bích Chi Phật đạo... dẫn đến chẳng có Vô Thượng Bồ Đề. Trong Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy.

Bạch Thế Tôn! Phải kính lễ chư Bồ tát Ma-ha-tát, vì chư vị này đã phát đại thế trang nghiêm. Vì chúng sanh mà chư vị này đã phát đại thế trang nghiêm, tinh tấn tu hành; y như vì hư không, mà phát đại thế trang nghiêm tinh tấn tu hành vậy.

Bạch Thế Tôn! Chư Bồ tát này muốn độ chúng sanh như muốn độ hư không. Chư Bồ tát này phát đại thế trang nghiêm, như hư không không phát đại thế trang nghiêm.

Bạch Thế Tôn! Chư Bồ tát này phát đại thế trang nghiêm, muốn độ chúng sanh, như là muốn nâng hư không lên vậy.

Bạch Thế Tôn! Chư Bồ tát này do tinh tấn đồng mãnh muốn độ chúng sanh như độ hư không, mà phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

Vì sao? Vì khắp 3.000 đại thiên thế giới, chư Phật vẫn thường thuyết pháp, độ vô lượng vô biên chúng sanh, khiến họ vào được Niết bàn, mà vẫn biết rõ chúng sanh tánh chẳng có tăng giảm, biết rõ chúng sanh tánh là vô sở hữu.

Bạch Thế Tôn! Bởi nhân duyên vậy, nên con mới nói Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, muốn độ vô lượng vô biên chúng sanh, như là muốn độ hư không vậy.

Lúc bấy giờ, trong chúng hội, có một vị Tỷ-kheo bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Con xin đánh lễ Bát nhã Ba-la-mật.

Trong Bát nhã Ba-la-mật, dù chẳng có pháp sanh, dù chẳng có pháp diệt, mà vẫn có giới chúng, định chúng, tuệ chúng, giải thoát chúng, giải thoát tri kiến chúng; vẫn có 4 quả Thanh Văn, có Bích Chi Phật đạo... dẫn đến

có Phật đạo; vẫn có Phật bảo, có Pháp bảo, có Tăng bảo; vẫn có chuyển pháp luân.

LUẬN:

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật thuyết Bát nhã Ba-la-mật chẳng khởi, chẳng tác, nên ngài tự niệm rằng: Nếu Bát nhã Ba-la-mật chẳng khởi chẳng tác thì hành Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng đoạn được các phiền não, chẳng trồng được các thiện căn.

Ngài Tu Bồ Đề lại nghe Phật thuyết về nhân duyên tác giả bất khả đắc, mà hết thấy các pháp đều bất khả đắc, nên ngài lại tự niệm rằng: Nếu chẳng có tác giả, thì Bát nhã Ba-la-mật là vô sở tác. Như vậy thì làm sao mà hành Bát nhã Ba-la-mật được.

Phật dạy: Vì Bồ tát chẳng hành hết thấy pháp, nên chẳng đắc hết thấy pháp. Bồ tát chẳng hành sắc thường hay vô thường, khổ hay lạc, ngã hay vô ngã, tịnh hay bất tịnh, là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí thường hay vô thường, khổ hay lạc, ngã hay vô ngã, tịnh hay bất tịnh, là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Người vô trí hành các pháp thường, vô thường, khổ, lạc v.v... rồi trú nơi các pháp đó, nên mới khởi phân biệt. Còn người trí, tuy có hành các pháp đó, nhưng lại dùng trí huệ Bát Nhã soi sáng, biết rõ thật tướng pháp, nên chẳng có vướng chấp các pháp là thường, là vô thường, là khổ, là lạc... nữa.

Cũng nên biết, vì muốn phá chấp thường của phàm phu, mà nói đến vô thường v.v... Thế nhưng khi đã vào được Bát nhã Ba-la-mật, thì hành giả chẳng thọ hết thấy pháp, nên chẳng còn thủ chấp các pháp. Bởi vậy nên tư duy, trừ lượng đề cầu “thường” hay “vô thường” cũng đều là bất khả đắc cả.

Hỏi: Nói các sắc pháp là tội lỗi, là khổ, là bất tịnh v.v... còn hợp lý. Vì sao nói các thiện pháp cũng là khổ, là bất tịnh?

Đáp: Đã là “danh Pháp”, thì là bất tịnh, là khổ rồi vậy.

Ví như khi một pháp ứng hợp với ý mình, thì cho pháp ấy là tịnh, là lạc; trái lại, khi một pháp chẳng ứng hợp với ý mình, thì cho pháp ấy là bất tịnh, là khổ.

Đối với thiện pháp cũng là như vậy. Khi ưa thích, thì cho là tịnh, là lạc; khi đã nhàm chán thì cho là bất tịnh, là khổ.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề tự niệm rằng: Nếu ly hết thấy các pháp quán, là chẳng được cụ túc Bồ tát đạo chăng?

Phật dạy: Nếu chẳng hành sắc bất cụ túc... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí bất cụ túc, mới là hành Bồ tát đạo.

Nên biết: “Cụ túc” (đầy đủ) có nghĩa là ở nơi các sắc pháp mà còn có ức tướng, còn có phân biệt là thường, là vô thường v.v...

Còn “bất cụ túc” có nghĩa là dùng vô thường để phá chấp về thường v.v... Nay ở nơi sắc cũng chẳng hành quán vô thường nữa, nên nói: Chẳng hành sắc bất cụ túc là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Lại có thuyết nói: Bồ tát cụ túc là vị Bồ tát Bồ Xứ, như thật quán sắc... dẫn đến như thật quán Nhất thiết chủng trí. Nếu trái lại, thì gọi là Bồ tát bất cụ túc.

Nếu Bồ tát chẳng hành sắc bất cụ túc, là Bồ tát ấy hành cụ túc Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì sắc bất cụ túc là “phi sắc”. Chẳng phải là sắc, thì cũng chẳng phải là thường tướng vậy.

Phật dạy: Phải vượt qua sự chấp thường của chúng sanh, phải dụng vô sở hữu, mới nói năng được vô ngại, mới thật là thanh tịnh. Vì sao? Vì chẳng hành sắc... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí, mới gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Đây là lược nói về “đạo” và “phi đạo” của Bồ tát.

Nếu còn ngại pháp là phi đạo. Phải chẳng còn ngại pháp nữa, mới là đạo.

Bởi vậy nên ngài Tu Bồ đề đã tán thán: Thật chưa từng có. Phật quán biết toàn thể chúng hội đã hướng tâm về pháp “không” đã biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là vô ngại, nên nói: Chẳng hành sắc... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí, mới gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề, tuy chưa rót ráo thông đạt về lý “không”, mà thường năng thuyết về pháp “không”. Ngài cho rằng: Pháp này cùng với hết thảy pháp thế gian trái nhau.

Phật dạy: Dù được thuyết ra, hay dù chẳng được thuyết ra, thì pháp này vẫn chẳng tăng chẳng giảm. Dù có dùng thân, dùng ý nhằm hủy hoại cũng chẳng làm cho thật tướng pháp thay đổi được, huống nữa là dùng miệng nói ra. Vì sao? Vì thật tướng pháp là thường hằng, là vô sanh tướng, là như hư không vậy. Bát nhã Ba-la-mật ví như hư không, chẳng có tăng, chẳng có giảm. Người hành Bát nhã Ba-la-mật ví như người huyền, dù được tán thán cũng chẳng vui, dù bị hủy báng cũng chẳng buồn vậy.

Do nghiệp tội nhân duyên, mà hư vọng, điên đảo chấp có các pháp sai khác. Thế nhưng, khi đã vào được trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì biết rõ các pháp, ở nơi tự thể, chẳng hề thay đổi.

Ví như, khi đã qui tụ về núi Tu Di rồi, thì hết thấy các sắc pháp đều biến thành vàng ròng cả.

Cũng như vậy, hết thấy các pháp tướng, ở trong Bát nhã Ba-la-mật, đều là thật tướng pháp, nên đều chẳng thể biết, chẳng thể nói ra được. Dù có nói ra, hay dù chẳng có nói ra, thì thật tướng pháp, trước sau, vẫn rớt ráo là như vậy.

Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề tự niệm rằng: Nếu hết thấy các pháp đều là rớt ráo không, đều là vô sở hữu, là như hư không... dẫn đến chẳng có vi tế tướng, thì sự việc chư Bồ tát tu tập các thiện pháp dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề thật là khó tin, khó lãnh thọ được.

Tự niệm như vậy rồi ngài bạch Phật: Vì muốn độ hết thấy chúng sanh, nên Bồ tát cần khổ làm những việc khó làm. Vì Vô Thượng Bồ Đề, mà Bồ tát phát đại thế trang nghiêm. Bởi vậy nên hết thấy các hàng Trời người đều phải cung kính, lễ bái Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Vì sao biết thế nguyện của Bồ tát là đại thế trang nghiêm?*

Đáp: Như ngài Tu Bồ Đề đã nêu lên thí dụ: Bồ tát biết rõ chúng sanh là tự tánh không, là vô sở hữu như hư không, mà vẫn phát thế nguyện siêng năng, tinh tấn tu tập, làm những việc khó làm, vì lợi ích cho chúng sanh. Như vậy nên gọi là đại thế trang nghiêm.

Bồ tát vì lợi ích chúng sanh, vì muốn độ hết thấy chúng sanh, mà vẫn biết rõ chúng sanh là hư không, nên gọi là phát đại thế trang nghiêm vậy.

Hỏi: *Vì sao chỉ có một vấn đề mà cứ hỏi đi hỏi lại mãi như vậy?*

Đáp: Vì muốn làm lợi ích cho những người chưa vào được Niết bàn, khiến họ được trí huệ, thiên định... dẫn đến được phước lợi ở đời sau, khiến họ được lậu tận, thành tựu được 3 thừa đạo, và được Vô Dư Niết bàn, chẳng còn bị trói buộc bởi ‘sanh, diệt, khổ, vui’, được vô sở hữu như hư không, mà ngài Tu Bồ Đề nói đi nói lại nhiều lần: Bồ tát muốn độ chúng sanh như độ hư không, mà phát đại thế trang nghiêm.

Ngài Tu Bồ Đề lại tán thán: Bồ tát này được đại tinh tấn, chẳng còn nghi tâm, nên dù chưa được Phật đạo, chưa diệt sạch kiết sử, mà thường hành Bồ tát hạnh một cách đồng mãnh vậy. Có như vậy mới làm được việc khó làm, mới có thể độ “hư không chúng sanh”, như lấy vật nhọn vẽ trong hư không vậy.

Đây chính là nghĩa “chúng sanh không”. Chúng sanh do nhân duyên hòa hợp mà có, nên đều là tự tánh không vậy.

Chư Phật trong khắp 10 phương, vì chúng sanh thuyết pháp, trong nhiều đời nhiều kiếp. Mỗi Phật dùng thần lực, độ vô lượng vô biên chúng sanh vào Niết bàn, mà số chúng sanh vẫn chẳng có giảm thiểu. Chúng sanh chẳng có giảm thiểu thì chư Phật cũng chẳng có giảm thiểu.

Bởi vậy nên nói: Bồ tát muốn độ chúng sanh cũng rất khó, như là muốn độ hư không.

Lúc bấy giờ, có một vị Tỷ-kheo nghe thuyết về rốt ráo không, vừa kinh hãi, vừa vui mừng, đứng lên bạch Phật rằng: Con xin đánh lễ Bát nhã Ba-la-mật. Trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có pháp nào có định tướng cả, mà vẫn có chúng sanh, vẫn có các quả báo vậy.

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Thích Đề Hoàn Nhon nói với ngài Tu Bồ Đề rằng: Thưa đại đức! Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật phải nên tu tập pháp gì?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật là tu tập pháp “không”.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng nói, chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, thì con phải thủ hộ người ấy như thế nào?

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Ngài có thấy pháp gì để thủ hộ chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon đáp: Thưa đại đức! Tôi chẳng thấy pháp gì để thủ hộ người hành Bát nhã Ba-la-mật cả.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Nếu thiện nam, thiện nữ y theo Bát nhã Ba-la-mật mà hành trì, thì như vậy là đã tự thủ hộ rồi vậy. Thiện nam, thiện nữ ấy thường chẳng xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, và thường y theo Bát nhã Ba-la-mật mà hành trì, nên chẳng bị các hạng người xấu ác, chẳng bị các loài phi nhơn quấy phá, hãm hại.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Thủ hộ người hành Bát nhã Ba-la-mật là như thủ hộ hư không vậy.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Ý ngài nghĩ sao? Ngài có thể thủ hộ mộng, diệm, ảnh, hưởng, huyễn, hóa được chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon đáp: Thưa đại đức! Chẳng thể thủ hộ được.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Nếu ai

muốn thủ hộ Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng là như vậy. Chỉ tự mình làm nhọc mình thôi.

Lại nữa, thưa ngài Kiều Thi Ca! Ý ngài nghĩ sao? Ngài có thể thủ hộ pháp mà Phật biến hóa ra được chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp: Thưa đại đức! Chẳng thể thủ hộ được.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Thưa ngài Kiều thi Ca! Nếu ai muốn thủ hộ Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng là như vậy.

Lại nữa, thưa ngài Kiều Thi Ca! Ý ngài nghĩ sao? Ngài có thể thủ hộ pháp tánh thật thế, bất khả tư nghi tánh chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp: Thưa đại đức! Chẳng thể thủ hộ được.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Nếu ai muốn thủ hộ Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng là như vậy.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi: Thưa đại đức! Bồ tát phải hành Bát nhã Ba-la-mật như thế nào, để như thật biết hết thấy các pháp đều như là mộng, như diệm, như ảnh, như hương, như huyễn, như hóa?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng niệm mộng, chẳng niệm đây là mộng, chẳng niệm ta dùng mộng, chẳng niệm mộng là của ta. Đối với diệm, ảnh, hương, huyễn, hóa cũng là như vậy.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật lại cũng chẳng niệm sắc, chẳng niệm đây là sắc,

chẳng niệm ta dùng sắc, chẳng niệm sắc là của ta... dẫn đến chẳng niệm Nhất thiết chủng trí, chẳng niệm đây là Nhất thiết chủng trí, chẳng niệm ta dùng Nhất thiết chủng trí, chẳng niệm Nhất thiết chủng trí là của ta.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy là như thật biết hết thấy các pháp đều là như mộng, như niệm, như ảnh, như hưởng, như huyễn, như hóa.

LUẬN:

Ở đoạn kinh trên đây, vị Đế Thích, sau khi nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, bèn hỏi ngài Tu Bồ Đề: Phải nên tu tập pháp gì?

Ngài Tu Bồ Đề đã đáp lại rằng: Hết thấy các pháp đều dẫn đến Niết bàn, nên phải tu tập pháp: “Không”. Muốn tu tập pháp Bát nhã Ba-la-mật là phải tu tập pháp “không” vậy.

-oOo-

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn là một vị Thiên chủ, có lực tự tại, lại phát nguyện thủ hộ người tu hành. Khi nghe được Bát nhã Ba-la-mật, ngài rất vui mừng, bạch Phật rằng: Con phải làm gì để thủ hộ người tu tập Bát nhã Ba-la-mật?

Lại nữa, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn biết ngài Tu Bồ Đề là một vị Tỷ-kheo, xuất gia, kính pháp, sợ các ác quỷ manh tâm quấy phá, như đã thường làm náo hại người hành Bát nhã Ba-la-mật, nên bạch Phật rằng: Con phải làm gì để thủ hộ người tu tập Bát nhã Ba-la-mật?

Ngài Tu Bồ Đề biết Bát nhã Ba-la-mật là pháp rất quý trọng, có vô lượng oai lực, nhưng lại chẳng có chỗ nhãn thọ, nên đã nói với vị Đế Thích rằng: Bát nhã Ba-la-mật là tự tánh không, là như mộng, như diệm, như ảnh, như hưởng,

như huyễn, như hóa. Như vậy ngài có thấy có pháp gì để thủ hộ chẳng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp lại rằng: Chẳng thấy có pháp gì để thủ hộ người hành Bát nhã Ba-la-mật cả, vì Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Nếu hành giả y theo Bát nhã Ba-la-mật mà an trú, là đã tự thủ hộ rồi vậy.

Nếu y theo Bát nhã Ba-la-mật, mà nhất tâm tín thọ, tư duy, chánh ức niệm, thì sẽ vào được thâm thiền định, quán được thật tướng pháp, vào được nơi rốt ráo không.

-o0o-

Với trí huệ lực như vậy, hành giả sẽ mau được vô sanh pháp nhãn, mau vào được Bồ tát vị.

Vì đã vào được nơi thật tướng pháp, biết rõ các pháp đều là như mộng, như huyễn, đều là tự tướng không, nên hành giả dứt sạch được các phiền não, thường được an lạc, cần khổ làm các việc lợi ích cho chúng sanh, mà chẳng tiếc thân mạng.

Vì đã xả ly hết thảy các pháp thế gian, nên hành giả chẳng còn có ưu sầu, khổ não, chẳng có đắm chấp các lạc sự ở thế gian. Được thế gian lạc chẳng vui, mất thế gian lạc chẳng buồn. Hành giả thường y theo Bát nhã Ba-la-mật, nên tâm thường như như, bất động, thường được vô sở úy.

Trong kinh có nêu mẫu chuyện về ngài Xá Lợi Phất như sau:

Khi ngài Xá Lợi Phất đang nhập vào Diệt Tận Định, các quỷ Dạ Xoa đến quấy phá, đánh trên đầu ngài, mà ngài vẫn an nhiên tự tại. Vì sao? Vì nhập vào Diệt Tận Định là được

khí phần của Bát nhã Ba-la-mật, nên giữ được tâm bất động, khiến các kẻ ác, các loài phi nhơn chẳng sao tìm được chỗ tiện lợi để gây tác hại được.

-o0o-

Như vậy, người hành Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật, tự thủ hộ cho mình, chẳng cần đến sự thủ hộ của người khác.

Chỉ có người hành Bát nhã Ba-la-mật, mà còn chấp có được, có mất, thì mới cần có sự thủ hộ vậy.

Có 2 trường hợp chẳng cần có sự thủ hộ. Đó là:

- Người đã nhàm chán thân, đã xả ly hết thảy pháp, được vô ngã và vô ngã sở. Do vì chẳng còn chấp ngã, nên dù thân có bị chẻ như chẻ tre cũng chẳng hề bị phiền não quấy nhiễu.

- Người đã được Thượng Diệu Pháp, đã được 10 phương chư Phật, chư Đại Bồ tát thường hộ niệm.

Lại nữa, người hành Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật được tâm tĩnh lặng như hư không, mưa chẳng thể làm ướt, gió chẳng thể lay động, đao thương chẳng thể làm hại được. Người muốn thủ hộ hư không chỉ tự mình làm nhọc mình, người muốn thủ hộ người hành Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi ngài Thích Đề Hoàn Nhơn: Ngài có thường thủ hộ hư không, thường thủ hộ người trong mộng chẳng?

Vì Đệ Thích đáp: Chẳng thể thủ hộ được.

Vì sao?

Vì người hành Bát nhã Ba-la-mật xem 5 âm thân như hư không, như mộng, như huyễn, là vô vi pháp, là như pháp tánh thật tế, là bất khả tư nghì tánh, nên thủ hộ người hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng lợi ích gì cả. Do vì xem thân là như pháp tánh thật tế, là bất khả tư nghì tánh, nên người hành Bát nhã Ba-la-mật luôn luôn được an nhiên tự tại, khi được cúng dường chẳng đắm, khi bị hủy báng chẳng buồn nản. Do vậy mà chẳng cần đến sự thủ hộ của người khác nữa.

-o0o-

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn biết rõ phước lạc của mình cũng như mộng như huyễn, biết rõ Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật có đại trí lực, chẳng cần sự thủ hộ của người khác nên đã hỏi ngài Tu Bồ Đề: Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật làm thế nào để như thật biết các pháp đều là như mộng như huyễn?

Ngài Tu Bồ Đề đáp lại vị Đệ Thích với nội dung như sau:

Như thật biết các pháp đều là như mộng, là chẳng niệm mộng, chẳng niệm đây là mộng, chẳng niệm ta dùng mộng, chẳng niệm mộng là của ta.

Phàm phu chẳng biết 5 âm là như mộng, mà thường đắm chấp thân 5 âm, nên phải dạy cho họ quán 5 âm như là mộng, chẳng nên chấp, và ngay cả mộng đó cũng chẳng nên chấp nữa. Vì sao?

Vì:

- Dù đã lấy mộng để dụ cho 5 âm, mà phàm phu vẫn chấp cảnh mộng khởi sanh ra trong lúc ngủ. Như vậy là “niệm mộng”.

- Ở trong cảnh mộng, lại phân biệt có tốt, có xấu, có lành, có dữ... cho như vậy là thật. Như vậy là “niệm đây là mộng”.

- Thấy cảnh mộng tốt lành, thì phấn khởi, vui vẻ; thấy cảnh mộng xấu ác thì buồn khổ, chán nản. Rồi lấy các điều thấy trong mộng để chứng minh, suy luận. Như vậy là “niệm dùng mộng”.

- Do chứng minh, suy luận về cảnh mộng, mà đắm chấp vào cảnh mộng của mình. Như vậy là “niệm mộng là của ta”.

Bởi vậy nên phải dạy cho họ chẳng nên niệm mộng, chẳng nên niệm đây là mộng, chẳng nên niệm ta dùng mộng, chẳng nên niệm mộng là của ta.

Đối với diệm, ảnh, hưởng, huyễn, hóa cũng là như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề lại nói tiếp: Người hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng niệm sắc, chẳng niệm đây là sắc, chẳng niệm ta dùng sắc, chẳng niệm sắc là của ta... dẫn đến chẳng niệm Nhất thiết chủng trí, chẳng niệm đây là Nhất thiết chủng trí, chẳng niệm ta dùng Nhất thiết chủng trí, chẳng niệm Nhất thiết chủng trí là của ta.

Người chẳng niệm sắc vì biết rõ nội ngoại sắc đều do 4 đại và 4 đại tạo sắc tạo thành... dẫn đến chẳng niệm 4 đại tạo sắc, thì dù là sắc thường, sắc vô thường v.v... vẫn chẳng hành sắc. Do chẳng hành sắc là thường, là vô thường, nên chẳng có sanh kiêu mạn. Do chẳng niệm sắc là ngã, là vô ngã, nên vào thẳng trong thật tướng pháp vậy.

Do chẳng niệm sắc, nên cũng chẳng niệm mộng, chẳng niệm đây là mộng, chẳng niệm ta dùng mộng, chẳng niệm mộng là của ta.

Khi đã phá được chấp về 5 âm rồi, thì dù ở trong mộng cũng chẳng có lầm lạc. Còn người chưa phá được sắc, thì ở

nơi sắc bị lầm lạc, ở nơi mộng bị lầm lạc. Chưa phá được các chấp về thọ, tướng, hành, thức... dẫn đến chưa phá được chấp về Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

Đối với các dụ về “diệm, ảnh, hương, huyễn, hóa” cũng luận giải như trên.

-o0o-

KINH:

Lúc bảy giờ, do thần lực của Phật, chư thiên khắp trong 3.000 đại thiên thế giới, từ cõi trời Tứ Thiên Vương, Đạo Lợi Thiên, Đâu Suất Đà Thiên, dẫn đến Dạ Ma Thiên, Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên, Phạm Thiên, Phạm Phú Thiên, Phạm Chúng Thiên, Đại Phạm Thiên, Thiếu Quang Thiên... dẫn đến Tịnh Cư Thiên đều tán hương chiên đàn cúng dường Phật, và cùng đánh lễ dưới chân Phật rồi đứng sang một bên.

Do thần lực của Phật, mà chư thiên thấy được ở phương Đông có cả ngàn đức Phật đang thuyết pháp; lại thấy có các vị Tỷ-kheo như ngài Tu Bồ Đề đang vấn nạn về phẩm Bát nhã Ba-la-mật; lại cũng thấy các vị Đế Thích đang thưa hỏi các đức Phật.

Ở chín phương kia cũng đều là như vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Di Lạc, khi thành Vô Thượng Bồ Đề, sẽ ở nơi đây thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật. Chư đại Bồ tát trong Hiền kiếp cũng đều ở nơi đây thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Khi được Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát Di Lạc sẽ dùng tướng gì, nhân gì, nghĩa gì mà nói Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi được Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát Di lạc sẽ thuyết rằng sắc... dẫn đến thức đều chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; chẳng phải khổ, chẳng phải lạc; chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; chẳng phải phược, chẳng phải giải; chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai. Lại thuyết rằng sắc... dẫn đến thức đều là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo thanh tịnh chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sắc... dẫn đến thức rốt ráo thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao sắc... dẫn đến thức rốt ráo thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu sắc... dẫn đến thức chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, thì gọi là sắc... dẫn đến thức rốt ráo thanh tịnh. Sắc... dẫn đến thức rốt ráo thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh.

Lại nữa, Này Tu Bồ Đề! Vì hư không rốt ráo thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao hư không rốt ráo thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hư không chẳng sanh, chẳng diệt, nên là rốt ráo thanh tịnh. Hư không rốt ráo thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật cũng rốt ráo thanh tịnh.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Vì sắc... dẫn đến thức chẳng nhiễm ô nên Bát nhã Ba-la-mật rất ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao sắc... dẫn đến thức chẳng nhiễm ô, nên Bát nhã Ba-la-mật rất ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như hư không chẳng nhiễm ô, sắc... dẫn đến thức chẳng nhiễm ô là rất ráo thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật rất ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao hư không chẳng nhiễm ô nên Bát nhã Ba-la-mật rất ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hư không bất khả thủ (chẳng thể nắm bắt được), nên là rất ráo thanh tịnh. Hư không rất ráo thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật cũng rất ráo thanh tịnh.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Vì hư không bất khả thuyết (chẳng thể nói ra được), nên Bát nhã Ba-la-mật rất ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao hư không bất khả thuyết, nên Bát nhã Ba-la-mật rất ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hư không chỉ là danh tự, nên là bất khả thuyết. Hư không bất khả thuyết là rất ráo thanh tịnh nên Bát nhã Ba-la-mật cũng rất ráo thanh tịnh.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Vì hư không bất khả đắc (chẳng thể được) nên Bát nhã Ba-la-mật rất ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao hư không bất khả đắc, nên Bát nhã Ba-la-mật rất ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hư không chẳng có tướng đặc nên là bất khả đặc. Hư không bất khả đặc là rốt ráo thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật cũng rốt ráo thanh tịnh.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy các pháp đều chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, nên Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao hết thấy các pháp chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, nên Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Hết thấy các pháp chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, là rốt ráo thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh.

LUẬN:

Bát nhã Ba-la-mật là pháp thâm thâm, vi diệu. Chư thiên, nhờ nghe Phật thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật, mà rõ được thật tướng các pháp, nên đã từ khắp 3.000 đại thiên thế giới tán hương chiên đàn cúng dường Phật, cùng nhau đến đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng sang một bên để nghe pháp.

Các lời thưa hỏi do ngài Tu Bồ Đề nêu lên, và các lời giải đáp của Phật đã giúp chư thiên thâm tín Bát nhã Ba-la-mật. Lại nữa, do thần lực của Phật mà chư thiên thấy chư Phật khắp 10 phương đang thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật, như ở tại pháp hội hiện tiền, lại cũng thấy mỗi nơi có một vị Tỷ-kheo như ngài Tu Bồ Đề đang nạn vấn về Bát nhã Ba-la-mật, và cũng có một vị Đế Thích đang thưa hỏi Phật.

Phải có đầy đủ phước đức, nhân duyên mới có thể thấy được như vậy, nên ngài Tu Bồ Đề và ngài Thích Đề Hoàn

Nhơn rất vui mừng, tự niệm rằng: Chẳng phải riêng chúng ta, ở chúng hội này, thưa hỏi Phật về Bát nhã Ba-la-mật, mà ở khắp trong 10 phương chư Phật cũng đang thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật, và ở đâu cũng có một vị Tỷ-kheo và một vị Đế Thích đang thưa hỏi Phật ở nơi đó về Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Phật muốn minh chứng pháp sự này, nên đã dùng thần lực khiến chúng hội thấy khắp 10 phương, có chư Phật đang thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật. Phật cũng cho chúng hội biết ở đời vị lai, khi thành Vô Thượng Đạo, ngài Bồ tát Di Lặc cũng sẽ thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật tại núi Kỳ Xà Quật, ở thành Vương Xá, trong nước Ma Già Đà này.

Trong kinh có chép:

Ở đời vị lai, khi thành Vô Thượng Đạo, ngài Bồ tát Di Lặc dẫn đại chúng đến núi Kỳ Xà Quật, lấy ngón tay ấn xuống, khiến vách núi mở ra. Từ trên đỉnh núi, ngài Ma Ha Ca Diếp mặc áo tăng già lê của Phật, chấp trì bình bát của Phật, tiến về ngài Di Lặc, đánh lễ rồi trao y bát cho ngài Di Lặc. Xong ngài Ma Ha Ca Diếp bay lượn giữa hư không, hiện đủ các thứ thần thông, và từ giữa không trung tự diệt thân, mà nhập vào Niết bàn.

Trước sự kinh ngạc của các đệ tử, ngài Di Lặc nói với họ rằng: Người ấy là một vị đại đệ tử của Phật Thích Ca Mâu Ni, trong thời quá khứ. Người ấy tên là Ma Ha Ca Diếp, tu hạnh đầu đà, thiếu dục, tri túc, và cũng là một vị Đại A-la-hán. Ngài Ma Ha Ca Diếp có đầy đủ “tam minh, lục thông”, thường lân mẫn chúng sanh, nên đã dùng thần thông, khiến cho thân tồn tại cho đến ngày hôm nay. Vào thời bấy giờ, người chỉ sống 100 tuổi, thân hình nhỏ bé, mà có thể làm

được nhiều việc lợi ích như vậy. Còn các người, ngày nay, thân hình to lớn, lại được sanh vào thời sung túc, mà chẳng lo tinh tấn tu học, để tự lợi và lợi tha hay sao?

Nói xong, ngài Di Lặc bèn vì họ thuyết một thời pháp, khiến họ đoạn được các khổ, và có rất nhiều người chứng được quả Thanh Văn, được vô sanh pháp nhẫn.

(Xem thêm ở quyển 3 – “Trú Thành Vương Xá”).

Lời viện dẫn trên đây của kinh cho thấy rằng chư Phật, ở trong cả ba đời, đều thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật.

Bởi nhân duyên vậy, nên người phát tâm cầu Vô Thượng đạo, phải tín thọ Bát nhã Ba-la-mật, phải nhất tâm tinh tấn hành Bát nhã Ba-la-mật.

-oOo-

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Ngài Di Lặc sẽ dùng tướng gì, nhân gì, nghĩa gì mà nói Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Cũng như ta bây giờ, ngài Di Lặc cũng sẽ thuyết rằng sắc... dẫn đến thức đều chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải khổ, chẳng phải lạc, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh, chẳng phải phược, chẳng phải giải, chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai. Cũng như ta bây giờ, ngài cũng sẽ thuyết rằng hết thảy các pháp đều là tướng Niết bàn, đều là rốt ráo thanh tịnh.

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề rất hoan hỷ, hỏi Phật rằng: Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo thanh tịnh chăng?

Phật dạy: Sắc cùng hết thảy các pháp đều rốt ráo thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh. Vì sao? Vì hết

thấy các pháp đều chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm. Ví như nước trong chẳng có vấy bụi trần, ví như hư không chẳng có nhiễm ô, tánh thường thanh tịnh; hết thấy các pháp, ở nơi thật tướng, cũng chẳng có nhiễm ô, tánh thường thanh tịnh vậy. Bát nhã Ba-la-mật cũng như hư không, chẳng có nhiễm ô, tánh thường thanh tịnh. Dù cho các tà kiến, hý luận, các ác sự quấy nhiễu, thì Bát nhã Ba-la-mật cũng vẫn chẳng có bị tổn hại. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, nên cũng chẳng có thủ, chẳng có nhiễm ô vậy.

Lại nữa, nhờ Bát nhã Ba-la-mật lực mà chư đại Bồ tát được “biện tài vô ngại”, vì chúng sanh, thuyết 12 bộ kinh, 8 vạn 4 ngàn pháp môn, phân biệt rõ các pháp, khiến chúng sanh được dễ hiểu. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật là bất khả thuyết, là thanh tịnh như hư không.

-o0o-

Ví như tiếng nói truyền trong hư không, chạm vào vách đá, dội trở lại, người nghe cảm tưởng như có hai âm, trong đó có một âm chánh và một âm vang; âm chánh là chân thật, âm vang là ngụy tạo, chẳng nên tin. Họ chẳng biết rằng cả hai âm đều là hư vọng, chẳng thật có.

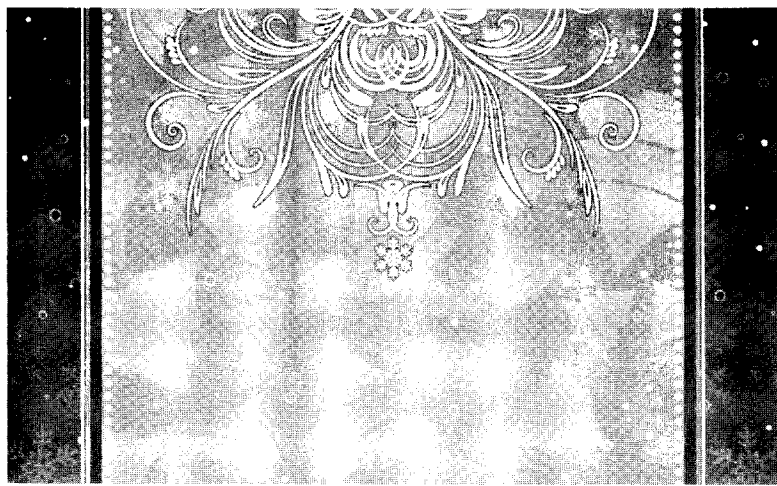
Cũng như vậy, hết thấy các pháp, dù là phàm phu pháp, dù là Thánh pháp, đều là như mộng, như huyễn. Hàng tiểu Bồ tát, do chưa được đầy đủ các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên chỉ biết phàm phu pháp là như mộng, như huyễn, nhưng vẫn còn chấp Thánh pháp là chân thật. Các bậc đại Bồ tát biết rõ Bát nhã Ba-la-mật cũng như hết thấy các pháp đều là như mộng, như huyễn cả.

Hỏi: *Vì sao nói phàm phu pháp và thánh pháp đều là hư vọng?*

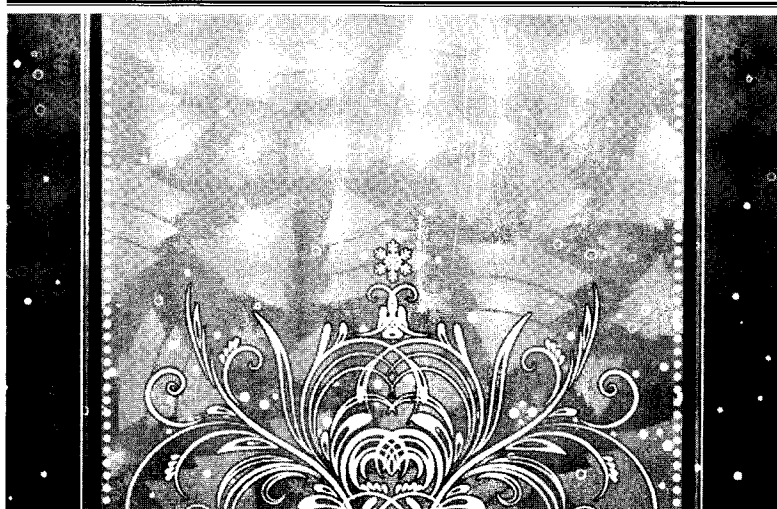
Đáp: Chư thánh, do trì giới, do thiền định, do tu tập các công đức mà phát sanh trí huệ, biết rõ được “pháp giới tánh” đều là nhất tánh, là vô tánh. Trái lại, những người còn chấp đắm thiện pháp, mới cho thánh pháp là chân thật, vì họ chẳng biết rằng thánh pháp cũng là hư vọng, là tự tướng không.

Do ngôn ngữ và âm thanh mà các pháp thế gian được truyền đạt từ đời này qua đời khác. Phàm phu chấp vào ngôn ngữ và âm thanh khởi chấp các pháp là thật có. Thế nhưng, khi đã vào trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì các ngôn ngữ đều đoạn, biết rõ Bát nhã Ba-la-mật cùng hết thảy các pháp đều là bất khả đắc, đều là rốt ráo thanh tịnh cả.

(Hết quyển 64)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 65



Phẩm Thứ Bốn Mười Ba (TIẾP THEO)



Vô tác (tiếp theo)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng bị các bệnh ở tai, ở mắt, ở mũi, ở lưỡi, ở thân, chẳng bị thân tàn phế; chẳng bị suy yếu; chẳng bị hoạnh tử; lại còn được vô số chư thiên, từ cõi trời Tứ Thiên Vương... dẫn đến cõi trời Tịnh Cư Thiên, theo nghe pháp. Mỗi tháng, trong 6 ngày trai, mùng 8, 14, 15, 23, 29 và 30, tại nơi mà thiện nam, thiện nữ này thuyết Bát nhã Ba-la-mật, thì chư thiên đồng vân tập để nghe. Thiện nam, thiện nữ này thuyết Bát nhã Ba-la-mật giữa đại chúng như vậy, được vô lượng vô biên công đức, chẳng thể nghĩ bàn được.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói. Bát nhã Ba-la-mật là đại trân bảo, nên người thuyết Bát nhã Ba-la-mật được vô lượng vô biên công đức như vậy. Vì sao?

Vi:

- Bát nhã Ba-la-mật cứu thoát chúng sanh ra khỏi chốn địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, ra khỏi cảnh bần cùng, hạ tiện.

- Nhờ có Bát nhã Ba-la-mật mà thế gian mới có các đại gia, đại tộc; mới có các cõi trời, từ cõi trời Tứ Thiên Vương... dẫn đến cõi trời Phi Hữu Tướng, Phi Vô Tướng Thiên.

- Nhờ có Bát nhã Ba-la-mật, mà ở thế gian có 10 thiện đạo, có 4 thiên, có 4 vô lượng tâm, có 4 vô sắc định, có 4 niệm xứ... dẫn đến có 8 thánh đạo, có 10 lực... dẫn đến có 18 bất cộng pháp, có Nhất thiết chủng trí, có Vô Thượng Bồ Đề.

- Nhờ có Bát nhã Ba-la-mật, mà thế gian có Thanh Văn đạo, có Bích Chi Phật Đạo... dẫn đến có Phật đạo.

- Y theo Bát nhã Ba-la-mật mà tu tập sẽ được quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật, dẫn đến được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Này Tu Bồ Đề! Bởi nhân duyên vậy, nên Bát nhã Ba-la-mật được gọi là đại trân bảo; chẳng có pháp gì sánh kịp.

Vào trong Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng còn có sanh, diệt, cấu, tịnh, thủ, xả, thế gian, xuất thế gian, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi...

Cho nên, Bát nhã Ba-la-mật là “vô sở đắc trân bảo Ba-la-mật”. Vào trong Bát nhã Ba-la-mật thì chẳng còn nhiễm ô, vì chỗ dụng nhiễm pháp là bất khả đắc.

Cho nên, Bát nhã Ba-la-mật là “vô nhiễm trân bảo Ba-la-mật”.

Này Tu Bồ Đề! Nếu có Bồ tát nào hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng biết như vậy, chẳng phân biệt như vậy, chẳng đắc như vậy, chẳng hỷ luận như vậy, thì Bồ tát đó mới hành Bát nhã Ba-la-mật, mới là kính lễ chư Phật, mới là từ Phật độ này đến Phật độ khác tôn kính, cúng dường, tán thán chư Phật, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ vậy.

Này Tu Bồ Đề! Đối với các pháp, Bát nhã Ba-la-mật

chẳng phải có lực, chẳng phải chẳng có lực, chẳng thọ lãnh, chẳng ban phát. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai, chẳng trú 3 cõi, chẳng ly 3 cõi.

Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật chẳng thủ cũng chẳng xả Đản Ba-la-mật... dẫn đến chẳng thủ cũng chẳng xả Bát nhã Ba-la-mật; chẳng thủ cũng chẳng xả nội không... dẫn đến chẳng thủ cũng chẳng xả vô pháp hữu pháp không; chẳng thủ cũng chẳng xả 4 niệm xứ... dẫn đến chẳng thủ cũng chẳng xả 8 thánh đạo; chẳng thủ cũng chẳng xả 10 lực... dẫn đến chẳng thủ cũng chẳng xả 18 bất cộng pháp; chẳng thủ cũng chẳng xả Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật chẳng thủ Thanh Văn và Bích Chi Phật pháp cũng chẳng xả phạm phu pháp; chẳng thủ Phật pháp cũng chẳng xả Thanh Văn và Bích Chi Phật pháp, chẳng thủ vô vi pháp cũng chẳng xả hữu vi pháp. Vì sao? Vì dù có Phật hay chẳng có Phật, thì các pháp tướng vẫn là thường trú, chẳng sai khác, chẳng mất mát; pháp tánh, pháp trú, pháp vị vẫn là thường trú, chẳng sai khác, chẳng mất mát vậy.

LUẬN:

Hỏi: Người thọ trì, thân cận... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật vẫn còn có các bệnh ở thân. Như vậy, vì sao nói là chẳng có các bệnh?

Đáp: Như trước đây đã rộng nói: Người thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát Bà Nhã tâm, có công năng hủy diệt các tác nhân dẫn đến ba đường ác. Do có đại công đức như vậy, nên chẳng còn thọ khổ nghiệp báo.

Bởi vậy nên nói là chẳng còn có các bệnh, chẳng còn bị hoạnh tử.

Phật dạy: Các thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật chẳng bị 404 thứ bệnh làm hại; chỉ trừ trường hợp do túc mạng nghiệp báo nhân duyên đời trước, thì mới phải thọ lãnh mà thôi(*).

Hỏi: Ở trên Thiên giới cũng có Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy, vì sao nói ở nơi nào có thiện nam hay thiện nữ, vào 6 ngày trai, thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật, thì có chư thiên vân tập đến nghe? Lại vì sao nói thiện nam, thiện nữ này có vô lượng vô biên công đức?

Đáp: Ở trên Thiên giới cũng có kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật, cũng có thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật. Ví như ở cõi trời Đao Lợi, cõi trời Đâu Suất thường có chư Phật và chư Bồ tát bỏ xứ đến thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật.

Thế nhưng, hàng chư thiên thường ít có được cơ duyên phát tâm cầu Bát nhã Ba-la-mật.

- Hoặc vì chìm đắm trong phước lạc, như chư thiên cõi Dục.

- Hoặc vì chìm đắm trong thiên vị, như chư thiên cõi Sắc.**)

Bởi vậy nên, Phật nói với vị Đế Thích và chư vị Thiên chủ: Khi A-tu-la sanh tâm cùng với các ông cộng chiến, thì các ông nên nhất tâm trì tụng Bát nhã Ba-la-mật. Có như vậy thì ác tâm của hàng A-tu-la liền tiêu diệt, và việc đấu tranh liền chấm dứt.***)

*. Xem thêm ở quyển 57 “Bảo Pháp Công Đức” và quyển 58 “Khuyến Trì”.

**.

***. Xem thêm ở quyển 58 - Phẩm “Khuyến Trì”.

Trong lúc đó, thì người ở cõi Diêm Phù Đề thường có nhiều thuận duyên hơn chư thiên ở các cõi trời, hơn người ở châu Uất Đan Việt rất nhiều. Đó là:

- Hưởng phước lạc ít, nên dễ đoạn tâm dục.
- Có được niệm lực mạnh mẽ, nên nhớ được lâu.
- Tinh tấn, dũng mãnh.

Do vậy mà ở cõi Diêm Phù Đề có nhiều thiện nam, thiện nữ tinh tấn thọ trì, đọc tụng, biên chép, thuyết giảng... dẫn đến chánh ức niệm tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Mỗi khi có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng, biên chép, thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật thì chư thiên thường vân tập về cõi này để lễ bái, cúng dường kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật, và để nghe vị pháp sư thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Lại có thuyết nói: Dù ở trên cõi trời cũng có Bát nhã Ba-la-mật, nhưng chư thiên vẫn thường vân tập về cõi Diêm Phù Đề để lễ bái và nghe Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao?

- Vì chư thiên muốn tăng ích phước đức, để tỏ lòng tôn trọng Bát nhã Ba-la-mật.

- Vì chư thiên muốn hộ trì thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói... dẫn đến tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

- Vì chư thiên muốn chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề thâm tín Bát nhã Ba-la-mật.

Khi thấy ánh quang minh chiếu rọi, hoặc ngửi được mùi thơm lạ, thì chúng sanh ở cõi này biết có chư thiên xuống để

bái lễ và nghe thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật, nên càng sanh tâm tin kính Bát nhã Ba-la-mật, vì họ nghĩ rằng: Chư thiên còn đến đây nghe pháp, huống nữa là chúng ta.****)

-o0o-

Lại nữa, người tu hành ly dục thường bị các ác ma cám dỗ, khiến có thể bị thôi tâm, dẫn đến có thể bị đọa vào đường ác. Nhưng nếu tin thọ Bát nhã Ba-la-mật, thì ác ma chẳng dám đến gần, quấy nhiễu nữa.

Bởi nhân duyên vậy, vào 6 ngày trai trong tháng, chư thiên thường thọ hộ pháp sư. Vì sao? Vì vào các ngày này, kẻ ngoại đạo thường lấy huyết tươi của súc vật để tế thần, nên các loài ma quỷ thường hay lộng hành, nhiễu loạn.

Vào các ngày ấy, các vị pháp sư thường dâng đàn thuyết pháp, các tín đồ cũng thường thọ trì trai giới, hành bố thí, nghe pháp v.v... nên chư thiên thường đến nghe pháp và ủng hộ người hành đạo.

Nếu vào các ngày ấy, mà pháp sư thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật, thì được chư thiên tán thán, cúng dường. Vì sao? Vì người độn căn nghe pháp chỉ được lợi ích ít, nhưng người căn trí thông lợi cũng như hàng chư thiên được lợi ích rất nhiều vậy.

Cho nên Phật dạy: Trong các ngày trai, nếu vì chư thiên và đại chúng, mà thuyết Bát nhã Ba-la-mật, thì được vô lượng vô biên công đức.

Hỏi: *Vì sao nói Bát nhã Ba-la-mật là đại trân bảo Ba-la-mật?*

****. Xem thêm ở quyển 58 - Phẩm “A Nan Xưng Tán”.

Đáp: Phật dạy: Bát nhã Ba-la-mật là đại trân bảo, là như ý bảo châu thường làm cho chúng sanh mãn nguyện, lia khô, được vui.

- Lia khô, nói trên đây, là làm tiêu hủy hết thảy các tác nhân dẫn đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, và các tác nhân dẫn đến cảnh bần cùng, hạ tiện.

- Được vui, nói trên đây, là thành tựu ở thế gian các đại gia đại tộc; thành tựu Thanh Văn đạo; Bích Chi Phật đạo... dẫn đến Phật đạo; thành tựu 10 thiện đạo... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, khiến chúng sanh y theo đó mà tu tập sẽ được các quả Thanh Văn, Bích Chi Phật Đạo... dẫn đến được Vô Thượng Chánh đẳng Chánh Giác.

Người có “như ý bảo châu” muốn được thức ăn uống, áo quần, thuốc men, vàng bạc v.v... đều được như ý nguyện. Thế nhưng, người có “như ý bảo châu” còn thấy có được, có mất, có vui, có buồn, lại thường sanh tâm kiêu mạn, tác duyên cho sự hủy hoại thân tâm. Trái lại, người được Bát nhã Ba-la-mật thường an lạc, thường tinh tấn tu tập, thẳng vào Phật đạo, mà chẳng có sanh tâm kiêu mạn, vì biết rõ mống tâm kiêu mạn là tự mở cửa vào ác đạo vậy.

Lại nữa, Bát nhã Ba-la-mật siêu xuất thế gian, chẳng nhiễm chấp, chẳng phân biệt thiện pháp hay bất thiện pháp.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bát nhã Ba-la-mật được gọi là “đại trân bảo Ba-la-mật”

Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng nhiễm chấp thiện pháp và bất thiện pháp, nên kinh nói: Hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng biết như vậy, chẳng phân biệt như vậy, chẳng đắc như vậy, chẳng hỷ luận như vậy, mới thật là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Lời kinh trên đây cho thấy rằng người hành Bát nhã Ba-

la-mật mà chẳng biết Bát nhã Ba-la-mật tướng, chẳng khởi phân biệt về các pháp tướng, chẳng đắc bất cứ định tướng nào, mới chẳng có lầm lỗi, mới ly được ái pháp.

Được như vậy mới thật là tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Dụng pháp như vậy mà kính lễ Phật, mới được lợi ích cho chính mình, và làm lợi ích cho chúng sanh, tự mình ly được các ác pháp, và khiến chúng sanh cũng ly các ác pháp, nên gọi là thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ. Lại nữa, vì dụng vô sở đắc hành Bát nhã Ba-la-mật, nên biết rõ hết thấy các pháp đều là rốt ráo tịch diệt tướng, mà vẫn thường vì chúng sanh hành các thiện pháp, khiến họ được lợi ích vậy.

-o0o-

Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải có lực, chẳng phải chẳng có lực. Ví như hư không, tuy chẳng thật có pháp tướng, mà hết thấy các pháp đều nương nơi hư không mà được thành tựu. Chẳng có pháp nào là có định tướng cả. Do vậy mà chẳng có pháp nào để thủ chấp cả.

Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có lực, chẳng phải chẳng có lực, nên vào được Bát nhã Ba-la-mật là thể nhập vào nơi thật tướng pháp, được vô ngại ở nơi hết thấy các thiện pháp. Do vậy mà hàng ma, thành Phật v.v... cũng đều chẳng có lực, chẳng phải chẳng có lực, chẳng thủ, chẳng xả, chẳng sanh, chẳng diệt. Dẫn đến chẳng thủ Thánh pháp cũng chẳng xả phàm phu pháp, chẳng thủ vô vi pháp cũng chẳng xả hữu vi pháp.

Đây là nhân duyên nói: Dù có Phật hay chẳng có Phật, thì các pháp tánh vẫn thường trú, chẳng sai khác, chẳng mất mát vậy.

Do vậy mà cầu thường, cầu vô thường... dẫn đến cầu thật tướng pháp cũng đều là lầm lỗi cả.

KINH:

Lúc bấy giờ, giữa hư không, hàng chư thiên vui mừng, hớn hở, đem hoa tán Phật, và phát đại âm thanh rằng: Nay ở cõi Diêm Phù Đề này, Phật vì chúng sanh chuyển pháp luân lần thứ hai, khiến trăm ngàn vị thiên tử được vô sanh pháp nhãn.

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Pháp luân này chẳng phải chuyển lần thứ nhất, cũng chẳng phải chuyển lần thứ hai. Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải vì chuyển hay vì hoàn, mà xuất hiện. Vì sao? Vì hữu pháp cùng vô pháp đều là tánh không vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là “hữu pháp” cùng “vô pháp” đều là tánh không, khiến Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải vì chuyển hay vì hoàn, mà xuất hiện?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Đàn Ba-la-mật và Đàn Ba-la-mật tướng... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật và Bát nhã Ba-la-mật tướng đều là tánh không; nội không và nội không tướng... dẫn đến vô pháp hữu pháp không và vô pháp hữu pháp không tướng đều là tánh không; 4 niệm xứ và 4 niệm xứ tướng... dẫn đến 8 thánh đạo và 8 thánh đạo tướng đều là tánh không; 10 lực và 10 lực tướng... dẫn đến 18 bất cộng pháp và 18 bất cộng pháp tướng đều là tánh không; Tu-đà-hoàn quả và Tu-đà-hoàn quả tướng... dẫn đến A-la-hán quả và A-la-hán quả tướng đều là tánh không; Bích Chi Phật quả và Bích Chi Phật quả tướng... dẫn đến Phật quả và Phật quả tướng, Nhất thiết chủng trí và Nhất thiết chủng trí tướng đều là tánh không.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật của chư Bồ tát Ma-ha-tát là Ma ha Bát nhã Ba-

la-mật. Vì sao? Vì tuy hết thấy pháp đều là tánh không, nhưng Bồ tát nương theo Bát nhã Ba-la-mật đắc Vô Thượng Bồ Đề, lại chẳng thấy có pháp đắc; khi chuyển pháp luân cũng chẳng thấy có pháp chuyển, chẳng thấy có pháp hoàn.

Vì hết thấy các pháp đều rốt ráo chẳng sanh, nên trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có pháp đắc, chẳng có pháp chuyển, chẳng có pháp hoàn. Vì sao? Vì hết thấy các pháp tướng đều là tánh không, mà “không tướng” cũng tức là “vô tướng tướng”, là “vô tác tướng”, nên chẳng thể đắc, chẳng thể chuyển, chẳng thể hoàn vậy.

Nếu giải thuyết Bát nhã Ba-la-mật được như vậy thì mới gọi là giảng dạy, khai thị, minh chiếu, và phân biệt chân nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật. Giải thuyết Bát nhã Ba-la-mật như vậy, mới gọi là thanh tịnh thuyết; thuyết mà chẳng có người thuyết, chẳng có người nghe, chẳng có người đắc vậy.

Lại nữa, nếu chẳng có thuyết, chẳng có thọ, chẳng có chứng, thì cũng chẳng có diệt, nên sự thuyết pháp này chẳng quyết định là phước điền vậy.

LUẬN:

Khi nghe nói Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo thanh tịnh, rốt ráo bình đẳng, là thật tướng pháp, là pháp đại lợi ích cho chúng sanh, chẳng có lỗi lầm, chư Thiên rất vui mừng, hớn hở, đem hoa tán Phật, và đồng bạch Phật rằng: Ở cõi Diêm phù Đề này, hôm nay chúng con lại được nghe Phật chuyển pháp luân lần thứ hai.

Hỏi: *Vì sao chư thiên nói đây là lần chuyển pháp luân thứ hai (đệ nhị chuyển pháp luân)?*

Đáp: Khi Phật thuyết pháp lần đầu tiên có 5 anh em trong nhóm ngài Kiều Trần Như và 8 vạn chư thiên được vô sanh pháp nhãn. Đây là lần chuyển pháp luân đầu tiên (sơ chuyển pháp luân).

Nay trong hội Bát nhã Ba-la-mật này có vô lượng chư thiên được vô sanh pháp nhãn. Bởi vậy nên chư thiên gọi đây là lần chuyển pháp luân thứ hai (đệ nhị chuyển pháp luân).

Phật chuyển pháp luân ví như đám mưa lớn rưới xuống mặt đất; mọi cây cỏ đều được thấm nhuần lợi lạc:

- Cây lớn hấp thụ lượng nước lớn.

- Cây nhỏ hấp thụ lượng nước nhỏ. Lần chuyển pháp luân này Phật thuyết về Niết bàn quả, cũng chính là Bát nhã Ba-la-mật vậy. Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng khởi, chẳng tác, mà lại dẫn đến vô sanh pháp nhãn, nên Phật dạy chẳng có chuyển, chẳng có hoàn.

Nếu trong 12 chi duyên khởi mà biết rõ vô minh là hư vọng, là rốt ráo không, là chẳng thật có, thì cũng biết rõ là chẳng có hành... dẫn đến chẳng có lão tử. Như vậy là chẳng có pháp nào sanh, cũng chẳng có pháp nào diệt cả.

Vì thế gian chấp có pháp sanh, nên nói có chuyển pháp luân; chấp có pháp diệt, nên nói có hoàn pháp luân. Còn Bát nhã Ba-la-mật ly chuyển, ly hoàn, nên nói chẳng có chuyển, chẳng có hoàn; lại vì vô pháp và hữu pháp đều không, nên nói chẳng có chuyển; vì hữu pháp cũng là vô pháp, nên nói chẳng có hoàn.

Hỏi: Vì sao ngài Tu Bồ Đề nêu câu hỏi liên hệ đến sự kiện “vô pháp và hữu pháp đều không, khiến Bát nhã Ba-la-mật chẳng vì chuyển hay vì hoàn mà xuất hiện”, mà Phật chỉ trả

lời là “vì các pháp tướng đều là tánh không, nên Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải vì chuyển hay vì hoàn mà xuất hiện”?

Đáp: Trước đây đã có nói, do tà niệm, nên mới khởi tà hạnh phân biệt các pháp có 4 tướng, nêu trong 4 cú (câu) sau đây:

- Hữu (có).
- Vô (không).
- Diệc hữu, diệc vô (cũng có, cũng không).
- Phi hữu, phi vô (chẳng phải có, chẳng phải không).

Nay vì hiển bày chánh niệm, chánh hạnh, nên chẳng có chấp 4 tướng ấy. Chẳng chấp như vậy mới gọi là “chánh đạo”.

Ngài Tu Bồ Đề đã biết Phật dùng “tịch diệt tướng Niết bàn” để phá các chấp về ‘hữu-vô’. Thế nhưng, vì sợ hàng sơ phát tâm chẳng hiểu, mà khởi sanh tà kiến, nên ngài mới thưa hỏi Phật như trên. Phật dạy vô pháp cùng hữu pháp đều là tánh không, nên khi thuyết Bát nhã Ba-la-mật chẳng có chuyển, chẳng có hoàn. Phật lại dạy Bát nhã Ba-la-mật cùng hết thảy các pháp tướng đều là tánh không, nhằm phá chấp về “không tướng”, về “vô tướng tướng”, về “vô tác tướng” vậy.

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề cùng đại chúng vui mừng, tán thán Bát nhã Ba-la-mật, và nói rằng: Bát nhã Ba-la-mật cùng hết thảy các pháp, tuy là tự tánh không, mà Bát nhã Ba-la-mật thường làm lợi ích cho chúng sanh, khiến Bồ tát đắc Vô Thượng Bồ Đề, chuyển pháp luân. Bồ tát dụng tâm vô sở đắc hành Bát nhã Ba-la-mật, nên tuy đắc Vô Thượng Bồ Đề mà chẳng có đắc, tuy chuyển pháp luân mà chẳng có chuyển vậy.

Hỏi: *Nếu hết thảy các pháp đều là không, Bát nhã Ba-la-mật cũng là không, Vô Thượng Bồ Đề cũng là không, thì vì sao lại tán thán Bát nhã Ba-la-mật là Ma ha Bát nhã Ba-la-mật?*

Đáp: Thật tướng pháp là Bát nhã Ba-la-mật. Cho nên, khi nói hết thấy pháp đều là tự tánh không, thì như vậy chính là đã tán thán Bát nhã Ba-la-mật là Ma ha Bát nhã Ba-la-mật rồi vậy.

Lại nữa, khi đã nói “không tướng”, thì chẳng có gì để chấp nữa. Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không, nên chẳng có chỗ để phá. Tuy ở nơi rốt ráo không, mà Bát nhã Ba-la-mật vẫn thường hành các thiện pháp. Nói “có đắc”, “có chuyển”, là y theo thế tục, chẳng phải là y theo đệ nhất nghĩa.

Y theo thế tục, nói chư Phật thuyết pháp, khiến có người tận phá được các phiền não, vào được đạo, nên mới nói có đắc Vô Thượng Bồ Đề, có chuyển pháp luân vậy.

Nay biết rõ các phiền não... dẫn đến hết thấy các pháp đều là hư vọng, đều chẳng có định tướng, nên biết rõ các pháp chẳng chuyển, chẳng hoàn. Bởi vậy nên nói chuyển pháp luân, mà chẳng có chuyển, chẳng có hoàn. Vì sao? Vì hết thấy các pháp, ở nơi tự tánh đều là rốt ráo không, nên chẳng có tướng chuyển, chẳng có tướng hoàn vậy.

Cũng nên biết:

- Vì phá chấp thường, mà nói chẳng chuyển; vì phá chấp đoạn, mà nói chẳng hoàn.

- Vì phá chấp hữu, mà nói chẳng chuyển; vì phá chấp vô, mà nói chẳng hoàn.

- Vì phá chấp thế gian, mà nói chẳng chuyển; vì phá chấp Niết bàn, mà nói chẳng hoàn.

Hết thấy các pháp đều chẳng chuyển, chẳng hoàn, đều là không, là vô tướng, là vô tác.

Khi đã vào được 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô

tác”, là vượt thoát được ngã và ngã sở, nên chẳng còn chấp tâm, chẳng còn thủ tướng nữa.

-o0o-

Người thuyết pháp cho người khác nghe, phải dùng trí huệ Bát Nhã minh chiếu, chẳng khác người cầm đuốc trong đêm tối để dẫn đường cho người khác đi vậy.

Người thuyết pháp cho người khác nghe phải khéo dùng ngôn ngữ để truyền đạt lời Phật dạy, khiến họ sanh tín tâm, dẫn đến thọ trì, tán thán, chánh tư duy, chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật.

- Đối với người chưa hiểu Bát nhã Ba-la-mật, thì phải dùng các phương tiện, chỉ bày cho họ được biết. Ở nơi mỗi người đều sẵn có bảo tạng Bát nhã Ba-la-mật, mà họ chẳng hề hay biết đến. Do vậy mà phải khai mở cửa bảo tạng. Cửa bảo tạng Bát nhã Ba-la-mật, một khi đã được khai mở rồi, thì họ sẽ được tùy ý sử dụng vậy.

- Đối với người có tâm nghi, chưa có niềm tin Bát nhã Ba-la-mật, thì phải dùng phương tiện trí huệ giúp họ phá màn vô minh, nghi kiến. Ví như người có mắt sáng giúp người mù phân biệt các vật tốt, xấu, để người này tùy ý lựa chọn.

- Đối với người ít trí huệ, ít niềm tin, thì phải khai thị cho họ biết thế nào là đạo, thế nào là phi đạo, thế nào là lợi, thế nào là hại v.v..., khiến họ phân biệt được ác và thiện, tội và phước, thế gian và Niết bàn. Nếu chỉ nói trong kinh, thì sẽ làm cho họ khó tin, khó hiểu.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật đã dùng nhiều phương tiện thiện xảo khác nhau, để tùy căn cơ của chúng sanh, mà thuyết pháp, khiến họ được thâm tín giải.

Người thuyết pháp phải y chỉ theo lời Phật dạy mà thuyết, lại phải giải thích rõ ràng cho chúng hội biết rõ các tướng, biết phân biệt được chỗ khinh, chỗ trọng, để dễ bề tụ tập.

Ví như của báu cất giấu trong đẫy kín, khiến người ngoại cuộc chẳng làm sao biết được. Phải mở đẫy ra, thì mọi người mới trông thấy được của báu bên trong. Giải kinh, thuyết pháp cũng như vậy. Khi thuyết pháp, người thuyết pháp phải khai triển những nghĩa lý ẩn kín trong kinh, giải thích rành mạch cho người nghe được hiểu, dẫn dắt họ vào đạo, từ chỗ dễ tin, dễ biết, đến chỗ thâm thâm vi diệu. Lại ví như sông sâu, ít có thuyền bè, mà đoàn người muốn qua sông lại quá đông đúc, thì người dẫn đường phải chia số người ấy thành từng nhóm nhỏ, mới có thể tuần tự đưa họ qua sông được. Bát nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Biển Bát nhã mênh mông, sâu thẳm, chẳng thể nào một lúc thuyết cho mọi hạng người cùng nghe được. Người thuyết pháp cần dùng các luận nghị, các phương tiện thiện xảo, phải tùy theo căn cơ và trình độ hiểu biết của hạng người nghe, để vì họ thuyết giảng.

Trước phải nói các pháp dễ, khiến hạng người sơ cơ dễ tiếp thu, dễ tin, dễ hiểu được. Ví như nói về 10 thiện đạo để khai tâm cho họ. Rồi dần dần, nói đến chỗ thâm nghĩa, chỗ rốt ráo thanh tịnh. Đối với hạng người sơ cơ, người thuyết pháp chớ nên vội nói cho họ nghe những pháp thâm thâm, khó tin, khó giải, như là:

- Nói Bát nhã Ba-la-mật là đệ nhất nghĩa, là rốt ráo không, là vô sở thuyết. Vì là vô sở thuyết nên vô thọ. Vì là vô thọ nên vô chứng. Vì là vô chứng nên vô diệt.

- Nói người có các phiền não mà chẳng diệt, thì chẳng có được phước điền.

- Nói người nghe Bát nhã Ba-la-mật, tin thọ, đọc tụng, tu

tập pháp ấy mà được quả Sa Môn, được vô sanh pháp nhãn, thì gọi là chứng.

- Nói khi chúng diệt các phiền não, thì gọi là được Hữu Dư Niết bàn. Được Hữu Dư Niết bàn là quyết định được phước điền, dẫn đến Vô Dư Niết bàn. Khi đã vào được Vô Dư Niết bàn tánh rồi, thì sẽ chẳng còn có phước điền nữa.

v.v...

Phẩm Thứ Bốn Mươi Bốn



Bách Ba-la-mật
(Trăm Ba-la-mật)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô biên Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ví như hư không vô biên vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bình đẳng Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp bình đẳng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Ly Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì rốt ráo không vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bất hoại Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô bi ngạn Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì chẳng có danh, chẳng có thân vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Không Chủng Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hơi thở ra vào bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bất khả thuyết Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì giác quán bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô danh Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì thọ, tưởng, hành và thức bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bất khứ Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp bất lai (chẳng đến) vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô di dịch Ba-la-mật là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp bất khả phục (chẳng thể phục) vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Tận Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp rốt ráo tận vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bất sanh Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp bất sanh vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bất diệt Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp bất diệt vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô Tác Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì tác giả bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô tri Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì tri giả bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bất đáo Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sanh tử bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bất thất Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp bất thất (chẳng mất) vậy.

LUẬN:

Khi nghe Phật thuyết về nghĩa của “Đại Trân Bảo Ba-la-mật”, ngài Tu Bồ Đề hoan hỷ tán thán Bát nhã Ba-la-mật là Ma ha Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài dùng trí huệ thâm nhập các pháp môn, quán thấy Bát nhã Ba-la-mật như biển lớn vô lượng vô biên.

Do biết rõ công đức lực của Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên ngài phát tâm đại hoan hỷ, tán thán Bát nhã Ba-la-mật, và bạch Phật rằng: “Vô biên Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật đáp: Như hư không vô biên, Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

Thông thường, người thế gian dùng 2 bên đối đãi với nhau như: ngã đối với vô ngã, hữu biên đối với vô biên v.v...

Do vậy mà sanh các tà kiến chấp. Ví như chấp các vật là hữu biên, tức có biên bờ; hư không là vô biên, tức chẳng có biên bờ.

Bát nhã Ba-la-mật, cũng như hư không, chẳng có biên bờ, là vô biên vậy. Vì là vô biên nên chẳng thọ, chẳng chấp.

Như vậy gọi là “Vô biên Ba-la-mật”.

-o0o-

Bồ tát, khi đã được vô sanh pháp nhãn rồi, quán hết thấy pháp đều bình đẳng với nhau.

Như vậy gọi là “Bình đẳng Ba-la-mật”.

-o0o-

Bồ tát lại dùng rốt ráo không, ly hết thấy các phiên não, ly hết thấy các pháp.

Như vậy gọi là “Ly Ba-la-mật”.

-o0o-

Bồ tát lại dùng phương tiện lực Bát nhã Ba-la-mật biết rõ tổng tướng và biệt tướng của hết thấy các pháp, biết rõ hết thấy các pháp đều là bất khả đắc, đều chẳng có định tướng, chỉ ví như lông rùa, sừng thỏ, cho nên chẳng có chấp pháp. Vì chẳng có chấp pháp, nên được tâm kiên cố, bất hoại.

Như vậy gọi là “Bất hoại Ba-la-mật”.

-o0o-

Đa số người xuất gia thường chấp có bờ bên này là bờ sanh tử, có bờ bên kia là Niết bàn, giữa hai bờ đó có dòng sông phiền não; do vậy mà muốn tu tập nhằm dứt trừ phiền não, rời bỏ bờ bên này, để qua được bờ bên kia.

Bồ tát, do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ bờ bên kia cũng là hư vọng chẳng thật có, chẳng nên chấp.

Như vậy gọi là “Vô bi ngại Ba-la-mật”.

-o0o-

Có hư không mới có không khí; có không khí mới duy trì sự sống của chúng sanh. Chúng sanh, do nghiệp báo nhân duyên, mà thọ sanh thân, do có thân, nên mới có hơi thở ra vào; do có hơi thở ra vào, nên mới có niệm niệm sanh diệt; do chấp niệm niệm sanh diệt, nên mới có phiền não, khổ đau.

Bồ tát, do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ hơi thở ra vào, hư không, cùng hết thảy các pháp đều là bất khả đắc.

Như vậy gọi là “Không đại chủng Ba-la-mật”.

-o0o-

Bồ tát biết rõ hết thảy các pháp tướng đều không tịch. Vì các pháp tướng đều không tịch, nên các giác quán đều là không. Vì các giác quán đều là không, nên các ngôn thuyết cũng là không.

Bởi vậy, khi đã vào được trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì hết thảy các ngôn thuyết đều đoạn dứt.

Như vậy gọi là “Bất khả thuyết Ba-la-mật”.

Danh sắc nhiếp hết thảy các pháp. Do 4 đại mà có 4 đại tạo sắc.

Do có sắc, mới có thọ, tướng, hành và thức, nhiếp về danh. Do có danh, có sắc, mới có khởi phân biệt các pháp.

Cùng với các pháp tướng khác, Bát nhã Ba-la-mật tướng cũng nhiếp về danh.

Thế nhưng, ở nơi thật tướng, thì sắc chẳng ly danh, danh chẳng ly sắc, vì sắc tức là danh, danh tức là sắc vậy.

Bồ tát, do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ Bát nhã Ba-la-mật tướng là bất khả tri (chẳng thể biết được); biết rõ thọ, tướng, hành và thức đều là bất khả đắc (chẳng thể được).

Như vậy gọi là “Vô danh Ba-la-mật”.

-o0o-

Bồ tát, do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ hết thảy các pháp đều là vô khứ, vô lai (chẳng có đi, chẳng có đến).

Như vậy gọi là “Vô khứ Ba-la-mật”.

-o0o-

Bồ tát biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là pháp tạng của chư Phật, ở cả 3 đời và trong 10 phương; biết rõ dùng pháp tạng ấy, thì các hàng Trời người chẳng thể phá hoại được.

Như vậy gọi là “Vô di dịch Ba-la-mật”.

-o0o-

Bồ tát, do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ các pháp hữu vi đều là niệm niệm sanh diệt, chẳng có thời gian trú; biết rõ các pháp đều là rốt ráo tận. Vì sao? Vì các pháp bất tận, ở cả 3 đời, đều là bất khả đắc.

Như vậy gọi là “Tận Ba-la-mật”.

-o0o-

Bồ tát, do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ các pháp đều là vô sanh. Vì sao? Vì các pháp sanh, ở cả ba đời, là bất khả đắc.

Như vậy gọi là “Bất sanh Ba-la-mật”.

-o0o-

Vì biết rõ các pháp là vô sanh nên Bồ tát cũng biết rõ các pháp là vô diệt.

Như vậy gọi là “Bất diệt Ba-la-mật”.

-o0o-

Danh từ “hữu tác” (có làm ra, có tạo ra) thường được hiểu theo hai nghĩa. Đó là:

- “Chúng sanh tác”, như là người hành bố thí, trì giới v.v...
- “Pháp tác”, như là gió thổi, nước trôi, lửa cháy v.v...

Thế nhưng, chúng sanh nhờ có tâm thức mới thấy, nghe, hay, biết các pháp, mà tâm thức thì chẳng có tác giả, nên nói “chúng sanh tác” là “vô tác”. Lại nữa, hết thảy các pháp đều đàn độn, chẳng có tướng khởi, chẳng có tướng tác, nên nói “pháp tác” là vô tác. Bồ tát, do tu tập Bát nhã

Ba-la-mật, biết rõ “chúng sanh tác” cũng như “pháp tác” đều là vô tác cả.

Như vậy gọi là “Vô tác Ba-la-mật”.

-o0o-

Bồ tát, do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ các pháp đều là đần độn, đều là vô sở tri (chẳng có chỗ biết).

Như vậy gọi là “Vô tri Ba-la-mật”.

Dùng nhục nhãn... dẫn đến dùng thiên nhãn còn thấy có sanh tử; khi đã huệ nhãn rồi, thì biết rõ sanh tử là bất khả đắc.

Bồ tát, do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ sanh tử là bất khả đắc; chỉ do 5 ấm nghiệp nhân duyên tiếp nối, mà có sanh vậy thôi; thật ra chúng sanh chết ở đời này chẳng có đến ở đời sau.

Như vậy gọi là “Bất đáo Ba-la-mật”.

-o0o-

Lại nữa, Bồ tát biết rõ Bát nhã Ba-la-mật chính là thật tướng pháp và cũng y theo Bát nhã Ba-la-mật mà các pháp chẳng mất thật tướng.

Như vậy gọi là “Bất thất Ba-la-mật”.

-o0o-

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Mộng Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì những pháp thấy trong mộng đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Hương Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì người nghe tiếng bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Ảnh Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì ảnh nhìn thấy trong gương bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Diệm Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì như dòng nước trôi bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Huyễn Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các huyễn sự, huyễn vật bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bát cầu Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì góc phiến não bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô tịnh Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các phiến não hư vọng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bát ô nhiễm Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì xứ sở bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bất hý luận Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy hý luận là phá hoại vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô niệm Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy niệm là phá hoại vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bất động Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì pháp tánh thường trú vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô nhiễm Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp đều là vọng giải vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bất khởi Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy các pháp vô phân biệt vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Tịch diệt Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp tướng bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô dục Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì Dục bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô sân Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sân nhuê bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô si Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì vô minh si ám dứt diệt vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô phiền não Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì ức tướng phân biệt hư vọng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô chúng sanh Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì chúng sanh vô sở hữu vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô đoạn Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp chẳng sanh khởi vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô nhị biên Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp chẳng có nhị biên vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bất phá Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp chẳng rời nhau vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bát thủ Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì thù thắng hơn Thanh Văn và Bích Chi Phật đạo vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô phân biệt Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các vọng tưởng bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô lượng Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp hạn lượng bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Hư không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp vô sở hữu vậy.

LUẬN:

Ngài Tu Bồ Đề tán thán Bát nhã Ba-la-mật đã khai thị về “pháp không” và “chúng sanh không”. Pháp cùng chúng sanh đều chẳng thật có, đều là như mộng, như hương, như ảnh, như diệm, như huyễn.

Phật dạy: Mộng, hương, ảnh, diệm, huyễn đều là bất khả đắc.

Như vậy gọi là “Mộng Ba-la-mật”... dẫn đến gọi là “Huyễn Ba-la-mật”.(****)

****. Xem thêm ở quyển 6 -10 DỤ.

Ngài Tu Bồ Đề lại tán thán Bát nhã Ba-la-mật như hư không.

Phật dạy: Hết thấy các pháp vốn tự tánh không, nên dụ Bát nhã Ba-la-mật như hư không. Vì gốc phiền não là không, nên chẳng có phiền não gì để đoạn cả.

Như vậy gọi là “Bất cấu Ba-la-mật”.

-o0o-

Có phiền não, như dâm dục, sân nhuế v.v... là cấu uế, là bất tịnh; trái lại, chẳng có phiền não là thanh tịnh. Thế nhưng, ngay từ gốc, các phiền não đã là không, nên chẳng có gì để tịnh cả.

Như vậy gọi là “Vô tịnh Ba-la-mật”.

-o0o-

Trong Bát nhã Ba-la-mật, hết thấy các pháp đều là không, nên chẳng có gì nhiễm ô; lại nữa, 6 thức, 6 trần cùng chỗ duyên phiền não đều là bất khả đắc cả.

Như vậy gọi là “Bất ô nhiễm Ba-la-mật”.

-o0o-

Trong Bát nhã Ba-la-mật, hết thấy các hý luận, hết thấy các phân biệt đều bị phá.

Như vậy gọi là “Bất hý luận Ba-la-mật”.

-o0o-

Trong Bát nhã Ba-la-mật, hết thấy các pháp đều rốt ráo không. Vì các pháp đều rốt ráo không, nên chẳng có gì để niệm tưởng.

Như vậy gọi là “Vô niệm Ba-la-mật”.

-o0o-

Bồ tát trú trong pháp tánh, nên hết thấy các luận nghị đều chẳng có thể thắng được, hết thấy các tà kiến kiết sử đều chẳng có thể ngăn ngại được, hết thấy các pháp vô thường đều chẳng có thể phá hoại được, khiến tâm Bồ tát thường trụ tại, chẳng có sanh phiền não.

Như vậy gọi là “Bất động Ba-la-mật”.

-o0o-

Trong Bát nhã Ba-la-mật, hết thấy các pháp đều là vọng giải nên chẳng có gì để ái nhiễm.

Như vậy gọi là “Vô nhiễm Ba-la-mật”

-o0o-

Các ức tướng phân biệt là cội gốc sanh kiết sử, dẫn đến khởi nghiệp ở đời sau.

Bồ tát, do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ các ức tướng phân biệt dẫn đến sanh nghiệp báo ở đời sau đều là hư vọng, nên chẳng có vọng khởi ức tướng phân biệt nữa.

Như vậy gọi là “Bất khởi Ba-la-mật”.

-o0o-

3 độc “tham, sân, si” là lửa thiêu đốt công đức. Thế nhưng, trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có thù “hòa tướng” của 3 độc.

Như vậy gọi là “Tịch diệt Ba-la-mật”.

-o0o-

Chẳng những ‘hòa tướng’ của 3 độc là bất khả đắc, chẳng nên thù, mà hết thảy các pháp tướng cũng là bất khả đắc, chẳng nên thù.

Bồ tát, do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ các pháp đều bất khả đắc nên chẳng tham đắm các pháp. Bồ tát chẳng tham đắm các thiện pháp... dẫn đến chẳng tham đắm Bát nhã Ba-la-mật, huống nữa là tham đắm các pháp thế gian khác.

Phật dạy: Gốc sanh ra dục tâm là bất khả đắc; tham dục là hư vọng, là tự tánh không, là bất khả đắc.

Như vậy gọi là “Vô dục Ba-la-mật”.

-o0o-

Sân nhuế, ở nơi tự tánh, là rốt ráo vô sở hữu.

Như vậy gọi là “Vô sân Ba-la-mật”.

-o0o-

Do “vô sân”, nên hết thảy mê ám đều bị phá.

Như vậy gọi là “Vô si Ba-la-mật”.

-o0o-

Chẳng phải vì “diệt si” mà nói “vô si”, mà ‘vô si’ còn có nghĩa là chẳng phiền não.

Bồ tát khi vào được vô sanh pháp nhẫn, diệt hết thảy các phiền não.

Phật dạy: Các ức tướng phân biệt là cội gốc kiết sử phiền não.

Khi ức tướng phân biệt chẳng còn nữa, thì các kiết sử phiền não tự tiêu diệt.

Như vậy gọi là “Vô phiền não Ba-la-mật”.

-o0o-

Trong Bát nhã Ba-la-mật, chúng sanh cũng như hết thảy các pháp đều là tự tánh không.

Phật dạy: Chúng sanh bản lai là bất sanh, là vô sở hữu.

Như vậy gọi là “Vô chúng sanh Ba-la-mật”.

-o0o-

Trong Bát nhã Ba-la-mật, hết thảy các pháp đều chẳng khởi, chẳng sanh, đều là vô sở tác, nên tự nhiên đã có đoạn tướng rồi vậy.

Vì tự nhiên đã có đoạn tướng, nên chẳng có pháp gì để đoạn cả.

Như vậy gọi là “Vô đoạn Ba-la-mật”.

-o0o-

Lại nữa, vì biết rõ các pháp đều chẳng khởi, chẳng sanh, đều là vô sở tác, nên Bồ tát ly được cả hai bên (nhị biên), ly được cả ngã lẫn vô ngã, cả đoạn lẫn thường, cả hữu lẫn vô v.v...

Như vậy gọi là “Vô nhị biên Ba-la-mật”.

-o0o-

Phật dạy: “Biên” vốn là hư vọng. Phạm phu, do hư vọng điên đảo, mà khởi chấp có “nhị biên”, Bồ tát, cầu thật pháp, nên ly “nhị biên” điên đảo, biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là “nhất tướng”, là “không tướng”, là chẳng thể bị phá hoại được.

Phật lại dạy: Hết thấy các pháp đều chẳng có định tướng.

Ví như quả chẳng rời nhân, nhân chẳng rời quả. Cũng như vậy, hữu vi pháp chẳng rời vô vi pháp, vô vi pháp chẳng rời hữu vi pháp; Bát nhã Ba-la-mật chẳng rời hết thấy pháp, hết thấy pháp chẳng rời Bát nhã Ba-la-mật. Thật tướng các pháp chính là Bát nhã Ba-la-mật, nên chẳng có thể phá hoại được.

Như vậy gọi là “Bất phá Ba-la-mật”.

-o0o-

Phạm phu chấp các pháp có hợp có tan, có thường có vô thường v.v... Tất cả đều là lầm chấp.

Bát nhã Ba-la-mật chẳng chấp hết thấy pháp, chẳng chấp thế gian pháp, chẳng chấp Nhị thừa pháp... dẫn đến chẳng chấp thanh tịnh xuất thế gian pháp.

Như vậy gọi là “Bất thủ Ba-la-mật”.

-o0o-

Phàm phu, do vọng tưởng, mà sanh tâm phân biệt. Bồ tát biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là thật tướng pháp, nên chẳng có vọng chấp phân biệt.

Phật dạy: Do có ức tưởng, nên mới khởi sanh phân biệt. Thế nhưng cội gốc của ức tưởng phân biệt là không, là bất khả đắc.

Như vậy gọi là “Vô phân biệt Ba-la-mật”.

-o0o-

Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh 4 vô lượng tâm, nên là vô lượng.

Hết thảy các pháp vào trong Bát nhã Ba-la-mật đều là rốt ráo không, đều là rốt ráo thanh tịnh, như tướng Niết bàn, nên Bát nhã Ba-la-mật là vô lượng.

Lại nữa, trí huệ Bát nhã chẳng có bờ mé, nên là vô lượng.

Phật dạy: Chẳng những chi Bát nhã Ba-la-mật là vô lượng, mà hết thảy các pháp cũng đều là bất khả đắc, đều là vô lượng cả.

Như vậy gọi là “Vô lượng Ba-la-mật”.

-o0o-

Hư không là vô sắc, vô hình. Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy.

Phật dạy: Chẳng những hư không là vô sở hữu, mà hết thảy các pháp cũng đều là vô sở hữu cả.

Như vậy gọi là “Hư không Ba-la-mật”.

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô Thường Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp đều tán hoại vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Khổ Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp đều là khổ não tướng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô ngã Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp bất khả thủ (chẳng thể thủ) vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô Tướng Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp bất sanh vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Nội không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì nội pháp bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Ngoại không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì ngoại pháp bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Nội ngoại không Ba-la-mật” là Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì nội ngoại pháp bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Không Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì “không không pháp” bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Đại Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Đệ Nhất Nghĩa Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì Niết bàn bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Hữu Vi Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hữu vi pháp bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô Vi Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì vô vi pháp bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Tất Cánh Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp rốt ráo bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô Thi Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì “Vô Thi Pháp” bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Tán Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì “Tán pháp” bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Tánh Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì “Hữu vi tánh” và “Vô vi tánh” đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Chư Pháp Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bất Khả Đắc Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp vô sở hữu vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Tự Tướng Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp đều tự tướng ly vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô Pháp Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì “Vô pháp” bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Hữu Pháp

Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì “Hữu pháp” bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô Pháp Hữu Pháp không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì “Vô pháp hữu pháp” bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Niệm Xứ Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì “Thân, thọ, tâm và pháp” bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Chánh Căn Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì thiện pháp và bất thiện pháp đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Như Ý Túc Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì 4 như ý túc đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Căn Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì 5 căn đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Lực Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì 5 lực đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Giác Ba-

la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì 7 giác phân đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Đạo Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì 8 thánh đạo đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô Tác Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì “Vô tác tướng” bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì “Không tướng” bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô Tướng Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì “Tịch diệt tướng” bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bối xả Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì 8 bối xả đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Định Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì 9 thứ đệ định đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Đàn Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì xan tham bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Thi La Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì phá giới bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Săn Đề Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì nhẫn và chẳng nhẫn đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Tỳ Lê Gia Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì tinh tấn và giải đãi đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Thiên Na Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì định và loạn bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bát nhã Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì trí huệ và ngu si đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Phật Lực Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp bất khả phục (chẳng thể phục) vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô Sở Úy Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì đạo chủng trí chẳng mất vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô Ngại Trí Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp chẳng chướng, chẳng ngại vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Phật Pháp Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì siêu xuất hết thấy pháp vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “N hư Thật Thuyết Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy lời nói đều như thật vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Tự Nhiên Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp đều tự tại vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Phật Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì biết hết thấy pháp và hết thấy chủng trí vậy.

LUẬN:

Bát nhã Ba-la-mật có “Vô thường thánh hạnh”, nên ở đoạn kinh trên đây có nói đến “Vô thường Ba-la-mật”.

Phật dạy: Chẳng phải chỉ có Bát nhã Ba-la-mật là có “Vô

thường quán”, mà hết thầy pháp đều vô thường. Cho nên gọi là Vô thường Ba-la-mật.

Hỏi: Trước đây nói Bát nhã Ba-la-mật là pháp tánh thường trú. Như vậy vì sao nay lại nói Vô thường Ba-la-mật là Bát nhã Ba-la-mật?

Đáp: Bát nhã Ba-la-mật là trí huệ quán, mà các pháp thì do duyên sanh, nên là hữu vi, là vô thường.

Còn gốc duyên của Bát nhã Ba-la-mật là “như pháp tánh thật tế”, là vô vi, nên là thường trú.

Ngài Tu Bồ Đề nói về trường hợp Bát nhã Ba-la-mật quán hữu vi, nên nói Vô thường Ba-la-mật là Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Hỏi: Hết thầy các pháp đều là tận tướng, đều là tán hoại, là vô thường. Vì sao nói vô vi pháp chẳng có tán hoại?

Đáp: Khi nói hết thầy các pháp là nói đến 6 thức bên trong và 6 trần bên ngoài; tất cả đều là tác pháp. Vì là tác pháp, nên tất cả đều qui về hoại tướng.

Lại nữa, nếu ly hữu vi pháp, thì chẳng có vô vi pháp, cũng chẳng có các pháp tướng. Nhân có hữu vi pháp tướng, mới nói vô vi pháp tướng là bất sanh, bất diệt vậy.

Ngoài ra, khi nói về hữu vi pháp, phải hiểu theo 2 nghĩa:

- Danh tự là hữu vi pháp.
- Thật là hữu pháp.

Dù hiểu theo nghĩa nào, đã là hữu vi pháp, thì cũng là tán hoại cả.

Vì hết thầy pháp đều là tán hoại, nên là vô thường, là

khô, là vô ngã, là nội không... dẫn đến là vô pháp hữu pháp không; tất cả đều là bất khả đắc.

Bởi vậy nên mới nói “Vô thường Ba-la-mật”, “Khô Ba-la-mật”, “Vô ngã Ba-la-mật”, “Nội Không Ba-la-mật”... dẫn đến “Vô Pháp Hữu Pháp Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề thuyết về hết thảy các pháp môn tu, nhằm tán thán Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Chánh quán về “thân, thọ, tâm và pháp niệm xứ” là sơ môn dẫn đến 4 thánh đế là sơ môn dẫn đến 4 quả Sa môn.

Phân biệt ở cả 3 Thừa đều có “4 niệm xứ”. Thế nhưng, Phật dạy: Gốc duyên của 4 niệm xứ, từ vô thi đến nay, là bất khả đắc.

Suy rộng ra, thì gốc duyên của 4 chánh căn, của 4 như ý túc, của 5 căn, của 5 lực, của 7 giác phần, của 8 thánh đạo, của 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác”, của 8 bối xả, của 9 thứ đệ định, của 6 pháp Ba-la-mật cũng đều là bất khả đắc cả.

Bởi vậy nên mới nói “Niệm Xứ Ba-la-mật”... dẫn đến “Đạo Ba-la-mật”, “Không Ba-la-mật”, “Vô tướng Ba-la-mật”, “Vô tác Ba-la-mật”, “Bối xả Ba-la-mật”, “Định Ba-la-mật”, “Đàn Ba-la-mật”... dẫn đến “Bát nhã Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Hỏi: Nếu dùng các pháp môn khác để tán thán Bát nhã Ba-la-mật thì còn hợp lý. Vì sao cũng dùng Bát nhã Ba-la-mật để tán thán Bát nhã Ba-la-mật?

Đáp: Khi nói về Bát nhã Ba-la-mật, phải hiểu theo 2 nghĩa:

- Thường trú Bát nhã Ba-la-mật.
- 5 pháp Ba-la-mật kia cộng hành có dụng của Bát nhã Ba-la-mật.

Ngay ở nơi “nguyện Bồ Đề” là đã có dụng tán thán Bát nhã Ba-la-mật rồi, đã có dụng pháp vô minh si ám, có dụng dẫn đến chân trí huệ rồi vậy. Bởi vậy nên Phật dạy: Được thường trú Bát nhã Ba-la-mật, thì si huệ bất khả đắc.

-o0o-

Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật, trước được 10 Bồ tát lực, rồi sau sẽ được 10 Phật lực.

Phật dạy: 10 Phật lực là bất khả phá (chẳng thể phá), là bất khả phục (chẳng thể phục).

Chỉ vì chúng sanh, mà Phật thuyết về 10 Phật lực. Thế nhưng, ở nơi thật tướng pháp, thì Phật lực là vô lượng vô biên, chẳng thể phá, chẳng thể phục được vậy.

Bởi vậy nên mới nói “Phật Lực Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Bồ tát, khi đã vào được Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì ở trước Phật còn có thể thuyết pháp, luận nghị, huống nữa là ở các nơi khác; trước ma vương còn chẳng sợ hãi, huống nữa là trước các ngoại đạo.

Như vậy gọi là “Vô Sở Úy Ba-la-mật”.

Phật dạy: Do đạo chúng trí chẳng chìm đắm, nên được pháp nhãn. Do được pháp nhãn, nên biết rõ chúng sanh tụ tập như thế nào để đến được Niết bàn.

Bát nhã Ba-la-mật là tịch diệt tướng, là Niết bàn tướng, là bất khả thuyết, là đạo chúng trí vậy. Bồ tát, được đạo chúng trí, thường dẫn đạo chúng sanh. Ở giữa đại chúng, Bồ tát thường thuyết pháp, khiến đạo chúng trí càng thêm tăng ích, nên chẳng chìm đắm, chẳng sợ hãi, chẳng kiêu mạn, chẳng tự cho mình đã đắc pháp.

Như vậy gọi là “Vô Sở Úy Ba-la-mật”.

Do được vô úy pháp, mà Bồ tát thường thuyết pháp, khiến pháp luân thường chuyển. Bởi vậy nên ngài Tu Bồ Đề tán thán vô úy pháp, và hỏi Phật: “Vô Sở Úy Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

-o0o-

Phật dạy: Chẳng phải chỉ có 4 pháp vô ngại, mà hết thảy các pháp ở nơi thật tướng pháp, đều chẳng chướng, chẳng ngại.

Như vậy gọi là “Vô Ngại Trí Ba-la-mật”.

-o0o-

Bồ tát, do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, được 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi, và vô lượng Phật pháp khác.

Như vậy gọi là “Phật pháp Ba-la-mật”.

Phật dạy: Thanh Văn pháp thù thắng hơn phàm phu pháp; Bích Chi Phật pháp thù thắng hơn Thanh Văn pháp; còn Phật

pháp là tối diệu tối thắng, vượt lên trên hết thảy các pháp.

Như vậy gọi là “Phật pháp Ba-la-mật”.

-o0o-

Chư Phật trong 3 đời, do tu tập 6 pháp Ba-la-mật, mà được đạo Vô Thượng, được gọi là Như Lai, là đấng như thật tri, như thật thuyết.

Phật dạy: Chẳng phải Phật thuyết pháp mới là như thật thuyết, chẳng phải lời Phật nói ra mới là như thật, mà hết thảy các lời nói đều như thật cả.

Như vậy gọi là “Như thật thuyết Ba-la-mật”.

-o0o-

Chư Bồ tát, khi đã đầy đủ 10 địa rồi, thì hậu thân tự nhiên thành Phật.

Như vậy gọi là “Tự nhiên Ba-la-mật”.

Tự nhiên thành Phật, nên lời Phật nói ra là “Tự nhiên Ba-la-mật”.

Lại nữa, thật tướng Bát nhã Ba-la-mật là tự nhiên, chẳng do ai làm ra, nên cũng là “Tự nhiên Ba-la-mật”.

-o0o-

Bồ tát, khi đã được đầy đủ 10 địa rồi, thì cũng được đầy đủ 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi. Lúc bấy giờ, Bồ tát đã thành Phật, chuyển pháp luân, đánh trống pháp, cảnh tinh chúng sanh ở khắp 10 phương thế giới, khiến họ phá tan được màn vô minh si ám.

Như vậy gọi là “Phật Ba-la-mật”.

Phật còn được gọi là “Giác Giả”, nghĩa là đáng chánh biến tri hết thảy pháp, hết thảy chủng trí.

Phật là người biết rõ hết thảy pháp, đầy đủ cả 5 pháp, từ phàm phu pháp, Thanh Văn pháp, Bích Chi Phật pháp, Bồ tát pháp... dẫn đến Phật pháp.

Lược nói, Phật có 2 tướng. Đó là:

- Xét về biệt tướng, thì Phật là rốt ráo “Không tướng”.

- Xét về tổng tướng, thì Phật là đáng Nhất thiết chủng trí, minh liễu vô lượng vô biên pháp môn.

Bởi nhân duyên vậy, nên gọi là “Phật Ba-la-mật”.

Đây chẳng phải nói về “Phật thân”, mà nói về “Phật Ba-la-mật”, tức là nói về “Phật Nhất thiết chủng trí” vậy.

(Hết Quyển 65)